QUẢNG BÁ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA VIỆT NAM NĂNG ĐỘNG, CÓ TÍNH "MỞ" CAO

"International TECHFEST in Melbourne" là một trong những điểm mới và nổi bật của chuỗi sự kiện hướng tới TECHFEST quốc gia năm 2023 do Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) chủ trì tổ chức, nhằm quảng bá hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Việt Nam năng động, cởi mở, sẵn sàng hội nhập sâu, rộng và tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế.

Bộ trưởng Bộ KH&CN Huỳnh Thành Đạt phát biểu tại sự kiện

TECHFEST quốc tế tại thành phố Melbourne, Úc được tổ chức vào chiều ngày 20/9 tại Đại học Monash, với sự tham gia của Bộ trưởng Bộ KH&CN Huỳnh Thành Đạt; Bộ trưởng Bộ Thương mại và Đầu tư, Bang Victoria, Úc; Văn phòng đại diện KH&CN Việt Nam tại Canberra cùng hơn 100 chuyên gia, nhà đầu tư, quỹ đầu tư, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp uy tín của hai nước.

Tại sự kiện này, một số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đã dành được kết

quả cao tại cuộc thi Tìm kiếm tài năng khởi nghiệp trong khuôn khổ TECHFEST quốc gia sẽ có cơ hội thuyết trình (pitching) với các quỹ đầu tư mạo hiểm của Úc như: Magic Edutech Group PTY LTD, Cyberkid, VSEC, Hana Gold, Treeotek…. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý về khởi nghiệp sáng tạo, các đơn vị đang vận hành các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp cùng nhiều tổ chức hỗ trợ sẽ có cơ hội trao đổi kinh nghiệm để nâng cao chất lượng của các hoạt động này, đồng thời tạo ra một môi trường kết nối quốc tế thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo của hai quốc gia.

TECHFEST quốc tế tại Úc được tổ chức nhân dịp đoàn đại biểu của Bộ KH&CN, do Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt dẫn dầu tham gia Hội nghị toàn cầu về khởi nghiệp - Global Entrepreneurship Congress 2023 (GEC).

GEC là sự kiện được tổ chức bởi Mạng lưới Khởi nghiệp toàn cầu (Global Entrepreneurship Network), hội tụ hàng ngàn đại biểu, lãnh đạo cấp cao từ hơn 170 quốc gia nhằm kết nối, học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm, từ đó tạo ra một hệ sinh thái toàn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo toàn cầu thống nhất và vững mạnh.

Từ hai sự kiện quan trọng này, Bộ KH&CN mong muốn giới thiệu hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam năng động, có tính "mở" cao (open innovation) nhằm thu hút sự quan tâm và các nguồn lực quốc tế, trong đó lực lượng kiều bào Việt Nam là một thành tố vô cùng quan trọng. Việt Nam sẵn sàng tham gia có trách nhiệm để đưa các giải pháp đổi mới sáng tạo giải quyết các vấn đề về kinh tế, xã hội, phát triển bền vững tại các nước trên thế giới và khuyến khích các chuyên gia, doanh nghiệp quốc tế phát triển thị trường và phối hợp với các doanh nghiệp trong nước để giải quyết các bài toán tại Việt Nam.

Từ năm 2019 tới nay, việc tổ chức TECHFEST quốc tế tại các quốc gia có hệ sinh thái đổi mới sáng tạo phát triển là định hướng quan trọng của Bộ KH&CN với mục tiêu quảng bá hệ sinh thái, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam ra thế giới, đồng thời thu hút nguồn lực tài chính, chuyên gia từ các quỹ đầu tư, tổ chức hỗ trợ của các nước. TECHFEST quốc tế đã được tổ chức tại các quốc gia như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Singapore,… Sự kiện TECHFEST quốc tế tại San Francisco, Hoa Kỳ được công nhận là 01 trong 10 sự kiện KH&CN nổi bật năm 2019, qua đó nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam đã được tham gia và đạt kết quả cao tại các cuộc thi quốc tế.

TECHFEST là chuỗi sự kiện thường niên lớn nhất dành cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam nhằm quy tụ các chuyên gia, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp uy tín trong và ngoài nước để đưa ra các định hướng phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Sự kiện do Bộ KH&CN phối hợp với các Bộ, Ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội và các đơn vị trong hệ sinh thái phối hợp tổ chức.

Năm 2019, TECHFEST đã được tổ chức với quy mô quốc tế tại Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Singapore. Năm 2023, sau đại dịch Covid 19, lần thứ hai được tổ thức tại Hàn Quốc và TECHFEST quốc tế tại Úc. TECHFEST quốc tế tại Úc được phối hợp tổ chức bởi Bộ KH&CN, trường Đại học Monash và Văn phòng Đại diện KH&CN Việt Nam tại Canberra, Úc./.

Theo dangcongsan.vn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ BAN HÀNH THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN VỀ VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư 16/2023/TT-BKHCN ngày 09 tháng 8 năm 2023 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ.

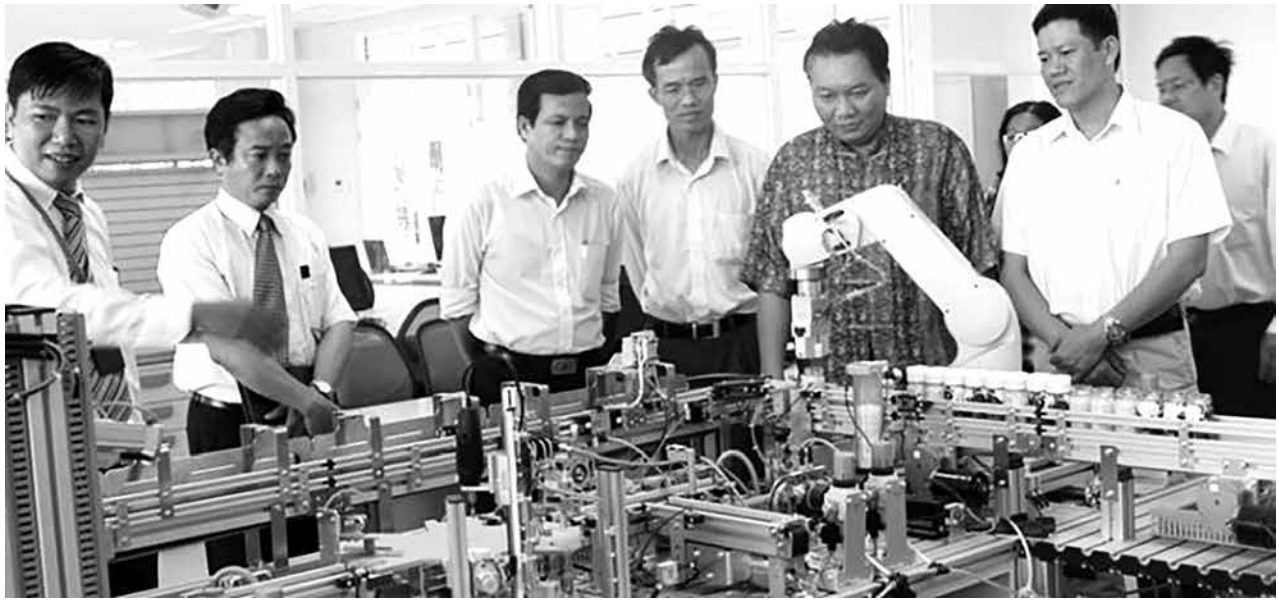

Thông tư áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ từ trung ương đến địa phương, gồm: Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ; Các cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ; Các cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Thông tư nêu rõ, vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ được xác định trên cơ sở nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức. Căn cứ xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

Theo Thông tư, danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ gồm 10 nhóm với 31 vị trí việc làm, cụ thể như sau:

1- Nhóm Quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Chuyên viên cao cấp; Chuyên viên chính; Chuyên viên.

2- Nhóm Quản lý hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và chuyển giao công nghệ: Chuyên viên cao cấp; Chuyên viên chính; Chuyên viên.

3- Nhóm Phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ): Chuyên viên cao cấp; Chuyên viên chính; Chuyên viên.

4- Nhóm Quản lý hoạt động năng lượng nguyên tử: Chuyên viên cao cấp; Chuyên viên chính; Chuyên viên.

5- Nhóm Quản lý hoạt động an toàn bức xạ và hạt nhân: Chuyên viên cao cấp; Chuyên viên chính; Chuyên viên.

6- Nhóm Sở hữu trí tuệ: Chuyên viên cao cấp; Chuyên viên chính; Chuyên viên; Cán sự.

7- Nhóm Quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa: Chuyên viên cao cấp; Chuyên viên chính; Chuyên viên.

8- Nhóm Quản lý hoạt động đo lường: Chuyên viên cao cấp; Chuyên viên chính; Chuyên viên.

9- Nhóm Quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy: Chuyên viên cao cấp; Chuyên viên chính; Chuyên viên.

10- Nhóm Kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa: Kiểm soát viên cao cấp; Kiểm soát viên chính; Kiểm soát viên.

Cơ quan, tổ chức căn cứ danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ; bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ và tình hình triển khai công việc được giao trên thực tế để lựa chọn và xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ của cơ quan, tổ chức mình, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Đối với trường hợp công chức đang giữ ngạch công chức cao hơn so với ngạch công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm được quy định tại Thông tư này thì được bảo lưu cho đến khi có hướng dẫn mới về chế độ tiền lương theo quy định.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ 25/9/2023.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 52-NQ/TW NGÀY 27/9/2019 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ "MỘT SỐ CHỦ TRƯƠNG, CHÍNH SÁCH CHỦ ĐỘNG THAM GIA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ"

Ngọc Ánh

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang diễn ra mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu. Sự phát triển của một số công nghệ mang tính đột phá trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, như công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ mạng 5G, công nghệ sinh học... đã và đang tác động mạnh mẽ tới mọi khía cạnh, từ an ninh - chính trị đến kinh tế, xã hội từ đó làm thay đổi nền tảng, thúc đẩy các nền kinh tế truyền thống chuyển đổi sang kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo. Hầu hết các quốc gia trên thế giới hiện nay đang đẩy mạnh việc tham gia tích cực vào cuộc CMCN 4.0. Việt Nam được cho là một trong những quốc gia có khả năng thích ứng tương đối tốt với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhờ sự chủ động tạo dựng môi trường phát triển công nghệ với nguồn nhân lực chất lượng cao về ngành công nghệ. Chính phủ đã kịp thời ban hành nhiều cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy phục hồi, phát triển sản xuất kinh doanh, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ, toàn diện, sát thực tiễn, được nhân dân,

doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế đánh giá cao và đã có hiệu quả rõ nét. Đây là điều kiện thuận lợi để Việt Nam chủ động khai thác các cơ hội mà cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại; tỷ lệ ứng dụng thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ngày càng gia tăng, nhiều sản phẩm được đưa vào trang bị trong các ngành, nghề.

Đối với tỉnh Phú Thọ, cuộc CMCN 4.0 cũng đang mở ra nhiều cơ hội, tỉnh đã xây dựng và triển khai thực hiện một số chính sách nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử-viễn thông; cơ sở hạ tầng viễn thông được xây dựng khá đồng bộ; kinh tế số được hình thành, phát triển nhanh, ngày càng trở thành bộ phận quan trọng của nền kinh tế; công nghệ số được áp dụng trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ; xuất hiện ngày càng nhiều hình thức kinh doanh, dịch vụ mới dựa trên nền tảng công nghệ số và Internet đang tạo nhiều cơ hội việc làm, thu nhập, tiện ích, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.Việc xây dựng chính phủ điện tử được triển khai quyết liệt, bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 117-KH/TU ngày 3/4/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 55-NQ/TU ngày 13/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án phát triển Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025, hướng đến 2030; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2004/KH-UBND ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/NQ - CP ngày 17/4/2020

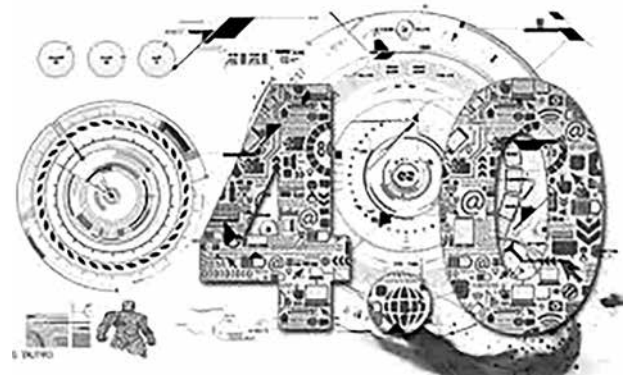

của Chính phủ, phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Phú Thọ, phiên bản 2.0, Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước tỉnh Phú Thọ;...

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh đã chủ động ban hành trên 230 Quyết định, Kế hoạch, văn bản chỉ đạo đẩy mạnh triển khai xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số tại cơ quan, địa phương. Trong đó, tập trung đẩy mạnh khai thác và sử dụng hiệu quả áp dụng công nghệ thông tin hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp; triển khai xây dựng hoàn thiện các CSDL nền tảng chuyển đổi số đảm bảo yêu cầu kết nối liên thông chia sẻ dữ liệu trong cơ quan nhà nước, đáp ứng nhu cầu tìm kiếm khai thác thông tin của người dân và doanh nghiệp.

Một số nhóm chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nêu trong Nghị quyết 52-NQ/TW đã được thực hiện và đạt được hiệu quả rõ rệt:

Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội: Tỉnh đã thành

lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Phú Thọ do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban. 100% các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị thành lập Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị làm Trưởng ban.Các nhiệm vụ, nội dung được thường xuyên theo dõi, giám sát; báo cáo về chuyển đổi số của tỉnh được ban hành hằng tháng đã đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời kiến nghị lãnh đạo các cấp thực hiện công tác chuyển đổi số đảm bảo thống nhất, kịp thời, đồng bộ, xuyên suốt trên địa bàn tỉnh.

Hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số tại Phú Thọ: Tỉnh uỷ, UBND và các Sở, ngành địa phương căn cứ vào tình hình thực tế chủ động ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, đôn đốc, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0 và quá trình chuyển đổi số của tỉnh như: Đề án phát triển Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025, hướng đến 2030; Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Phú Thọ, phiên bản 2.0; Chương trình Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2030; Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Phú Thọ...

UBND tỉnh ban hành nhiều đề án, chương trình, chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh chủ động ứng dụng thành tựu của cuộc CMCN 4.0 nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hoá, thúc đẩy hoạt động chuyển giao, làm chủ công nghệ, hấp thu các công nghệ mới, tiên tiến từ các nước phát triển của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, như: Quy định hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nhỏ và vừa đầu tưu đổi mới, hiện đại hóa công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống; Chương trình năng suất chất lượng hàng hoá; Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn thông minh;…

Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Hạ tầng số tỉnh Phú Thọ được quan tâm, đẩy mạnh đầu tư xây dựng nhằm thúc đẩy chuyển đổi số và góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của tỉnh: Hoàn thành phủ sóng thông tin di động và cung cấp hạ tầng Internet băng rộng cố định cáp quang tới 100% các thôn, bản trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của người dân đặc biệt là người dân tại các vùng sâu, vùng xa; thử nghiệm phát sóng thông tin di động 5G, đồng thời từng bước tắt sóng thông tin di động công nghệ 2G, 3G nhưng vẫn đảm bảo không ảnh hưởng việc sử dụng dịch vụ của khách hàng; các hệ thống nền tảng hỗ trợ triển khai chuyển đổi số tỉnh được duy trì đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu kịp thời, hiệu quả; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của tỉnh đã đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện, sẵn sàng kết nối đến cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư; hoàn thành cung cấp 22/25 dịch vụ công thiết yếu theo yêu cầu của Đề án số 06 của Chính phủ.

Hạ tầng CNTT và các nền tảng triển khai chuyển đổi số được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo, triển khai tập trung, thống nhất trong toàn tỉnh như: Hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; Hệ thống mạng diện rộng; Hệ thống hội nghị trực tuyến; Trung tâm điều hành thông minh; Trung tâm giám sát an toàn thông tin; Trung tâm dữ liệu số;… Các hệ thống trên hoạt động ổn định, liên tục, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và khai thác sử dụng của chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số.

Các CSDL Quốc gia tạo nền tảng phát triển chính quyền số được xây dựng, hoàn thiện đảm bảo kết nối liên thông, chia sẻ và thống nhất từ Trung ương tới địa phương. Kho dữ liệu và Cổng chuyển đổi số của tỉnh được triển khai xây dựng; các CSDL chuyên ngành được các cơ quan, đơn vị tích cực triển khai theo chỉ đạo của các bộ, ngành: CSDL về Dân cư; CSDL Địa chính; CSDL Hộ tịch; CSDL về Y tế; CSDL về Giáo dục; CSDLcán bộ công chức, viên chức; CSDL Nông nghiệp; CSDL về Đăng ký kinh doanh; CSDL về lao động; CSDLvề khoa học công nghệ.

Chính sách thúc đẩy phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo tại địa phương; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, phát triển các khu đô thị sáng tạo tại địa phương: Đẩy mạnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 5321/KH-UBND ngày 23/11/2017 hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025 và Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025" (Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ) nhằm phát triển thị trường công nghệ gắn với khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Phát triển các tổ chức trung gian hỗ trợ, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đặc biệt là các tổ chức xúc tiến chuyển giao công nghệ (như: các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức môi giới công nghệ, định giá tài sản trí tuệ,…). Hỗ trợ các viện, trường chuyển giao các công nghệ vào sản xuất và đời sống và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp tiếp nhận ứng dụng công nghệ thông qua Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao KH&CN vào sản xuất và đời sống giai đoạn 2016-2020, giai đoạn 2021-2025; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp vừa và nhỏ đổi mới công nghệ; Chương trình nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm;…

Tổ chức triển khai thực hiện Đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025" của ngành Giáo dục một cách linh hoạt, đa dạng các hình thức như tổ chức hội nghị tập huấn, ngày hội khởi nghiệp, lồng ghép trong các hoạt động ngoại khóa, hoạt động Đoàn,… tuyên truyền cho học sinh về kiến thức khởi nghiệp sáng tạo; bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn, hướng nghiệp, hỗ trợ học sinh khởi nghiệp tại các đơn vị.

Thông qua triển khai thực hiện Kế hoạch số 5112/KH-UBND ngày 13/11/2017 về việc thực hiện Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025" trên địa bàn tỉnh đã tổ chức 2.506 lớp tập huấn cho 158.799 là thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án cấp huyện và cơ sở; 6.780 cuộc tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khởi nghiệp, phát

triển kinh doanh,... cho 1.059 nghìn lượt hội viên, phụ nữ; hằng năm, tổ chức Ngày hội phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp cấp tỉnh; phối hợp tổ chức các hoạt động kết nối, tiếp cận, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay, nguồn Quỹ hỗ trợ và tổ chức hỗ trợ xây dựng mô hình "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp", phát triển Hợp tác xã, tổ hợp tác từ những ý tưởng đạt giải Phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp cấp trung ương.

Tổ chức các cuộc thi "Ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo" cấp tỉnh, các cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo do các đơn vị trên địa bàn tổ chức; các cuộc thi sáng tạo thanh, thiếu niên, nhi đồng và Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh hằng năm. Các ý tưởng đạt giải tại các cuộc thi đã được các đơn vị hỗ trợ kinh phí để khởi nghiệp; được khuyến khích xây dựng các nhiệm vụ về khoa học và công nghệ để hoàn thiện sản phẩm và thương mại hóa nhằm góp phần hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh được đẩy mạnh, kết nối với hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các tỉnh miền núi phía Bắc, tạo sự kết nối và liên kết với hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia. Đã tổ chức hoạt động kết nối mạng lưới huấn luyện viên/cố vấn khởi nghiệp ĐMST của tỉnh Phú Thọ với các Trung tâm Ươm tạo, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp hàng đầu tại các tỉnh miền Trung (Thừa thiên Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng). Thành lập Câu lạc bộ Truyền thông Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, lấy Phú Thọ là trọng tâm, với hơn 100 cộng tác viên. Tổ chức lớp huấn luyện/ cố vấn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và Kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, về hội nhập kinh tế quốc tế và quốc gia khởi nghiệp; hội thảo về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho trên 470 đại biểu của 15 tỉnh miền núi phía Bắc.

Tổ chức hoạt động Impact Techfest Phú Thọ 2019 - Ngày hội khởi nghiệp các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các tỉnh miền núi phía Bắc, quy tụ 30 startup tiêu biểu nhất của vùng, các chuyên gia, quỹ đầu tư, các nhà quản lý. Hỗ trợ kết nối các Start up trên địa bàn tỉnh tham gia chuỗi các sự kiện, hoạt động khởi nghiệp ĐMST của trung ương và địa phương: Techfest Quốc gia 2022 tại Bình Dương; hỗ trợ các start up trưng bày các sản phẩm khoa học công nghệ trong Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hàng năm; tại các hội nghị giao ban KH&CN vùng Trung du và miền núi phía Bắc;... qua đó, đã góp phần tuyên truyền, quảng bá giới thiệu sản phẩm KHCN, khởi nghiệp ĐMST của tỉnh.

Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và tăng cường năng lực, kỹ thuật số cho cán bộ và người dân địa phương: Công tác đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng. 100% cơ quan nhà nước của tỉnh đã bố trí cán bộ chuyên trách/phụ trách về công nghệ thông tin với 317 cán bộ. Đội ngũ cán bộ này được thường xuyên nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, kỹ năng để tham mưu, phối hợp triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, nội dung về chuyển đổi số. Tổ chức 28 lớp đào tạo, tập huấnphổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT cho 17.842 lượt cán bộ công chức, viên chức của tỉnh. Tổ chức đào tạo trực tuyến bồi dưỡng về chuyển đổi

số cho 509 cán bộ lãnh đạo UBND cấp xã thông qua nền tảng học trực tuyến tại địa chỉ: https://onetouch.edu.vn.

100% các xã, phường, thị trấn thành lập và duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng (cả tỉnh có 2.356 tổ công nghệ số cộng đồng với 7.454 thành viên). Các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được bồi dưỡng, tập huấn, cung cấp thông tin về các chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến chuyển đổi số; hướng dẫn cài đặt, sử dụng nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số, qua đó thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn người dân tại địa phương cài đặt, khai thác và sử dụng các nền tảng số, ứng dụng số cơ bản, đẩy mạnh tương tác giữa người dân với chính quyền qua môi trường điện tử.

Trên địa bàn tỉnh có 02 trường Đại học, 9 trường Cao đẳng giảng dạy, đào tạo về CNTT. Hằng năm có trên 250 sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành công nghệ thông tin; 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thực hiện giảng dạy môn tin học cho học sinh, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số ngành giáo dục, đồng thời là nền tảng xây dựng công dân số trong tương lai.

Phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn: Toàn tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số từ cấp tỉnh tới cấp xã và 2.356 tổ công nghệ số cộng đồng với 7.454 thành viên, đạt 100% các xã, phường, thị trấn; đã kết nối liên thông giữa các cơ quan Đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp và kết nối liên thông với nền tảng Quốc gia, phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử liên thông 04 cấp; thực hiện liên thông văn bản điện tử giữa khối chính quyền và doanh nghiệp; Các doanh nghiệp đã dần triển khai chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh và quản trị nội bộ; 100% doanh nghiệp của tỉnh đã sử dụng hóa đơn điện tử; các doanh nghiệp tăng cường triển khai ứng dụng CNTT trong việc tối ưu hóa hoạt động, quy trình sản xuất kinh doanh, triển khai thí điểm hợp đồng điện tử trong các giao dịch, góp phần phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện chính sách phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao trên địa bàn: Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả, với 158 nhiệm vụ KH&CN được triển khai thực hiện trong đó có 75 nhiệm vụ nghiên cứu triển khai, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN mới, thành tựu cuộc CMCN 4.0 với trên 100 quy trình công nghệ, tiến bộ kỹ thuật được chuyển giao ứng dụng, đào tạo được trên 200 kỹ thuật viên và tập huấn cho hàng nghìn lượt người nắm được các quy trình công nghệ tiên tiến, xây dựng các mô hình ứng dụng chuyển giao, mô hình sản xuất quy mô hàng hóa tập trung, mô hình liên kết chuỗi,...; Hoạt động giáo dục, đào tạo và dạy nghề được đổi mới toàn diện, đến nay, 100% các đơn vị giáo dục trong tỉnh hoàn thành việc lắp đặt đường truyền Internet tốc độ cao (cáp quang). Cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông được triển khai đến tất cả các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh để kết nối, liên thông, trao đổi dữ liệu giữa phần mềm quản lý giáo dục; sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ; Thúc đẩy triển khai giáo dục về KHCN, kỹ thuật và toán học (STEM) trong các trường phổ thông; Công tác đào tạo nghề được tăng

và ưu tiên đầu tư. Ngành công thương đã đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai các hoạt động phát triển thương mại điện tử (TMĐT), hiện trên địa bàn tỉnh có 02 website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử (giaothuong.net.vn và gicula.vn) và 643 website thương mại điện tử bán hàng hoạt động, trong đó, sàn giao dịch TMĐT giaothuong.net.vn có 309 gian hàng với 956 sản phẩm, dịch vụ, trên 5,5 triệu lượt truy cập; Sản xuất nông nghiệp có sự chuyển dịch mạnh mẽ, quan tâm phát triển theo chiều sâu; giảm quy mô nhưng tăng chất lượng giá trị của sản phẩm nông sản; đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, hình thành vùng sản xuất nông sản sạch, an toàn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với các chuỗi giá trị sản phẩm, du lịch dịch vụ, thu hút đầu tư vào sản xuất nông nghiệp có chuyển biến tích cực. Hiện nay trong lĩnh vực văn hóa, việc ứng dụng các sản phẩm của cách mạng 4.0 để bảo tồn, phục dựng và quảng bá những giá trị của di sản văn hóa cũng rất phát triển.

Từ năm 2020, ngành Y tế đã đưa vào vận hành Trung tâm điều hành Y tế thông minh mang lại nhiều tiện ích, giúp cho ngành Y tế nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám sát, điều hành và cung cấp dịch vụ tốt nhất cho người dân khi tiếp cận các dịch vụ y tế ...

Thực hiện chuyển đổi số; xây dựng và phát triển đô thị thông minh; xây dựng chính quyền điện tử và dịch vụ công trực tuyến tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn: 100% các cơ quan nhà nước của tỉnh triển khai gửi nhận văn bản điện tử tích hợp chữ ký số thay thế hoàn toàn văn bản giấy (trừ văn bản mật theo quy định). Tính đến tháng 7/2023, 95% hồ sơ công việc cấp tỉnh, cấp huyện và trên 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng. Xây dựng chính quyền số triển khai đồng bộ, hiệu quả, có trọng tâm trọng điểm tạo chuyển biến tích cực trong công tác quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp; các quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng được cải tiến, các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành được các cơ quan, đơn vị tích cực triển khai theo chỉ đạo của các bộ, ngành từng bước đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng trong các cơ quan nhà nước.

Thời gian tới, cần tạo lập đồng bộ, kịp thời khung pháp lý và hệ thống các chính sách để triển khai và phát triển các công nghệ mới. Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại; xây dựng và triển khai đô thị thông minh; thực hiện kế hoạch chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Có chính sách ưu đãi hỗ trợ hợp tác quốc tế với địa phương để thúc đẩy chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào các lĩnh vực; kết nối, thu hút các doanh nghiệp, chuyên gia có kinh nghiệm, năng lực về các ngành công nghiệp ưu tiên, thế mạnh về chuyển đổi số đầu tư vào địa bàn tỉnh.

N.A

BẢO HỘ SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Bích Chung
Phó Trưởng phòng QLCN &CN

Sở hữu trí tuệ ngày càng đóng vai trò hết sức quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong xu thế hội nhập sâu và toàn diện như hiện nay. Nó là một đòi hỏi bắt buộc trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Ảnh minh họa

Tại tỉnh Phú Thọ, Chương trình phát triển tài sản trí tuệ được phê duyệt triển khai thực hiện tại Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 03/11/2016 và Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ. Theo đó, cùng với việc nâng cao nhận thức, năng lực về sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, tạo lập bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm có lợi thế, tỉnh cũng đã chú trọng bảo hộ và phát triển đối với sản phẩm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, trong đó có cả các sản phẩm là hàng hoá của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Với 13 dự án được phê duyệt từ năm 2016 đến nay (01 dự án cấp quốc gia, 12 dự án cấp tỉnh) với tổng kinh phí 8.412 triệu đồng, trong đó: kinh phí từ ngân sách nhà nước: 6.319 triệu đồng, kinh phí huy động từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp: 2.093 triệu đồng; đã tạo lập quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ cho 23 sản phẩm của các doanh nghiệp và HTX trên địa bàn tỉnh, trong đó: 01 sản phẩm được bảo hộ dưới hình thức bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận (sản phẩm Chè Phú Thọ), 09 sản phẩm được bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu tập thể (sản phẩm Mỳ gạo Hùng Lô, Chè xanh Yên Kỳ, Chè xanh Phú Thịnh, Chè Dốc Đen, Nón lá Sai Nga, Mộc Vân Du, Rượu ngô Tân Sơn, Chè Đá Hen và Mỳ rau củ, củ Thực phẩm xanh), 13 sản phẩm được bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu hàng hóa.

Các sản phẩm sau khi được xác lập, bảo hộ SHTT đã thực sự phát huy được hiệu quả, nâng cao giá trị sản phẩm, có được lợi thế cạnh tranh trên thị trường, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người sản xuất, đồng thời, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, giữ gìn và phát huy giá trị sản phẩm của địa phương góp phần phục

vụ phát triển kinh tế - xã hội. Một số sản phẩm điển hình như:

Đối với sản phẩm chè Phú Thọ, việc xây dựng, bảo hộ thành công nhãn hiệu chứng nhận "Chè Phú Thọ" cho sản phẩm Chè của tỉnh là một bước phát triển mới cả về chất và lượng đối với sản phẩm chè của tỉnh. Thông qua đó đã góp phần nâng cao uy tín, giá trị kinh tế, sức cạnh tranh của các sản phẩm chè trên địa bàn tỉnh; hiệu quả sản xuất chè ngày càng được nâng cao, nhiều hộ gia đình đã vươn lên làm giàu từ cây chè, đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới. Đến thời điểm hiện tại trên địa bàn tỉnh có 12 đơn vị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Chè Phú Thọ. Các sản phẩm chè lưu thông trên thị trường đều thực hiện ghi nhãn hàng hóa, có bao bì, tem nhãn, mẫu mã đẹp, sang trọng, đầy đủ các thông tin ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc theo quy định và có gắn logo nhãn hiệu chứng nhận Chè Phú Thọ trên sản phẩm. Hiện nay, giá chè Phú Thọ ổn định ở mức 250 đến 300 nghìn đồng/kg chè thành phẩm đối với sản phẩm loại trung bình; từ 500 đến 700 nghìn đồng/kg chè xanh đặc sản; chè đặc sản cao cấp có giá 1,5 đến 2 triệu đồng/kg.

Sản phẩm Mì gạo Hùng Lô sau khi được tạo lập và bảo hộ nhãn hiệu tập thể đã đẩy mạnh quảng bá thương hiệu, đầu tư hiện đại hoá công nghệ sản xuất, sản lượng hàng năm tăng nhanh chóng gấp nhiều lần so với trước đây, được nhiều người biết đến, không chỉ ở trong nước mà cả nước ngoài. Năm 2021 sản lượng đạt 1.600 tấn mì, doanh thu đạt 35,8 tỉ đồng, riêng 9 tháng đầu năm 2022 sản lượng đạt trên 1.500 tấn, doanh thu đạt trên 20 tỉ đồng. Hợp tác xã tạo công ăn việc làm thường xuyên cho 35 lao động có thu nhập bình quân đạt 6 - 7,5 triệu đồng/người/tháng. Hiện nay Mì gạo Hùng Lô là sản phẩm đạt 4 sao theo tiêu chuẩn OCOP, được kết nối tiêu thụ trên các hệ thống siêu thị như Co.opmart, Big C, Vinmart... và đại lý của 42 tỉnh thành trên cả nước, đồng thời HTX đã ký được hợp đồng tiêu thụ sản phẩm sang thị trường Nhật Bản.

Sản phẩm "Nón lá Sai Nga" sau khi được bảo hộ nhãn hiệu tập thể làng nghề ngày càng phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ đem lại hiệu quả kinh tế giúp bà con có cuộc sống ổn định; giá thành sản phẩm tăng từ 40.000 đồng/chiếc lên 60.000 đồng/chiếc. bình quân mỗi năm cả làng sản xuất ước đạt hơn 60.000 chiếc nón, doanh thu đạt gần 4 tỷ đồng, phần lớn sản phẩm làm ra đều được thương lái thu mua tận nơi, thi thoảng sản phẩm nón lá cũng được đem bán tại chợ phiên và coi đó như một nét văn hóa truyền thống của làng nghề.

Đối với sản phẩm "Mộc Vân Du", việc tạo lập nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm mộc Vân Du, xã Vân Du, huyện Đoan Hùng nhằm tạo cho sản phẩm mộc Vân Du có thương hiệu, chỗ đứng trên thị trường, tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm, thúc đẩy sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống cho người sản xuất sản phẩm mộc. Để từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh, các hộ làm nghề đã đầu tư nhiều máy móc hiện đại theo hướng chuyên môn hóa các khâu sản xuất, phân công lao động làm từng công đoạn theo dây chuyền, nghiên cứu thay đổi kiểu dáng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Đối với sản phẩm của doanh nghiệp, từ khi được bảo hộ đã dần xây dựng được thương hiệu, giúp cho người tiêu dùng nhận biết, phân biệt được sản phẩm, góp phần nâng cao vị thế, sức cạnh tranh của sản phẩm, sản lượng tiêu thụ ngày càng ổn định từ đó làm tăng giá trị và uy tín của doanh

(Xem tiếp trang 71)

MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT CỦA HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

Lâm Hiền

Ảnh minh họa

Năm 2023, Hội đồng KH&CN tỉnh đã thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ được giao, thông qua hoạt động của Hội đồng và các thành viên Hội đồng đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kịp thời các văn bản quản lý, các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển KH&CN, cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thúc đẩy ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống, hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo,… các thành viên Hội đồng KH&CN tỉnh tích cực tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, lớp tập huấn, bồi dưỡng về KH&CN. Hoạt động KH&CN của tỉnh Phú Thọ đã được triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về KH&CN. Chất lượng và hiệu quả hoạt động của các Hội đồng tư vấn, hội đồng thẩm định và nghiệm thu, đánh giá các nhiệm vụ KH&CN được nâng lên và đảm bảo đúng quy định.

Trong năm qua, các sở, ngành, huyện, thành, thị triển khai thực hiện Nghị quyết số 76-NQ/TU ngày 02/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chương trình số 3079/CTr-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2030, tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quản lý công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân, tiêu chuẩn đo lường chất lượng,….; đẩy mạnh hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư đổi mới, hiện đại hóa công nghệ.

Tiềm lực KH&CN của tỉnh tiếp tục được quan tâm đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; Các các sở, ngành, huyện, thành, thị, đã thành lập và duy trì thường xuyên hoạt động của Hội đồng KH&CN, làm tốt nhiệm vụ tư vấn cho ngành, địa phương về phát triển KH&CN, tích cực ứng dụng, chuyển giao các kết quả KH&CN, các tiến bộ kỹ thuật, quy trình công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất và đời sống; Đối với tổ chức khoa học công nghệ, trong năm 2023 đã thẩm định và cấp mới 01 giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KHCN, 01

giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

Các sở, ngành, tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN tiếp tục đầu tư đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đầu tư về cơ sở vật chất, nhân lực để nâng cao tiềm lực KH&CN. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 36 phòng thí nghiệm về các lĩnh vực hóa, lý, sinh học, xây dựng, giấy, thực phẩm, đồ uống, môi trường khác, trong đó có 12 phòng đạt chuẩn quốc gia VILAS.

Hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ được triển khai toàn diện và có hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, trong đó: Công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học đã tổ chức 54 hội nghị tư vấn, thẩm định, đánh giá nghiệm thu, kiểm tra trên 40 lượt các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia và cấp tỉnh. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng: Duy trì và tăng cường thường xuyên công tác kiểm tra tiêu chuẩn đo lường chất lượng; kiểm tra xử lý nghiêm 01 doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu vi phạm quy định. Kiểm định 15.284 phương tiện đo các loại. Đề nghị Hội đồng Quốc gia - Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ tặng Giải vàng Chất lượng Quốc gia cho 01 doanh nghiệp. Duy trì triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan UBND các huyện, thành, thị và phối hợp với các đơn vị trong công tác kiểm tra quản lý chất lượng.

Hoạt động sở hữu trí tuệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật: đã tập trung đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng; thông qua tổ chức các hội thảo, các lớp tập huấn, hướng dẫn doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về sở hữu trí tuệ, xây dựng các chuyên mục phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Phú Thọ, đăng tải các bài viết trên Báo Phú Thọ, trên Cổng giao tiếp điện tử của tỉnh. Chú trọng công tác hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức trong việc xác định và lập hồ sơ bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm hàng hóa, trong 8 tháng đầu năm có 36 đơn đăng ký và 07 văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ được cấp. Hỗ trợ 07 địa phương xây dựng nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể. Hướng dẫn về thủ tục cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp của địa phương tham gia cuộc thi bình chọn sản phẩm OCOP cấp tỉnh; khai thác và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc trưng của từng địa phương nhằm tăng năng lực cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa trên thị trường.

Trong 8 tháng đầu năm 2023, Hội đồng sáng kiến tỉnh đã xem xét, đánh giá và công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên đia bàn toàn tỉnh cho 13 sáng kiến (trong đó đề nghị đặc cách công nhận cho 02 công trình). 100% các sở, ngành, huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh đã thành lập hội đồng sáng kiến và tổ chức họp xét, thẩm định, trình công nhận sáng kiến, giải pháp hữu ích tại từng đơn vị. Trong 8 tháng đầu năm 2023, các huyện, thành, thị và các sở, ban, ngành đã công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến cho gần 1.000 công trình, điển hình là ngành Giáo dục, Y tế, Nông nghiệp, Văn hóa Thể thao và Du lịch; huyện Thanh Thủy, trường Đại học Hùng Vương.

Hoạt động quản lý công nghệ, an toàn bức xạ, hạt nhân đã được chú trọng và đẩy mạnh. Tính đến tháng 8/2023, thông qua các đề án thuộc Chương trình khuyến công quốc gia đã hỗ trợ 12 dự án sản xuất ứng dụng đổi mới máy móc, thiết bị, quy trình sản xuất tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng 02 mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, đăng ký 03 nhãn hiệu hàng hóa cho doanh nghiệp, xây dựng 05 bộ giải pháp kinh doanh trực tuyến cho doanh nghiệp; tổ chức triển khai thực hiện

Chính sách hỗ trợ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ, dự kiến năm 2023 hỗ trợ đổi mới công nghệ cho 10 doanh nghiệp với tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ là: 4.050 triệu đồng. Thẩm định công nghệ đối với 54 dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân: Đã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định và cấp 20 Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (cấp mới 17, gia hạn 03), 08 chứng chỉ cho người phụ trách an toàn bức xạ. 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến tỉnh thực hiện tốt công tác quản lý an toàn bức xạ theo hướng dẫn. 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện thực hiện tốt công tác quản lý an toàn bức xạ theo hướng dẫn. Các cơ sở có sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị X-quang trong y tế và trong công nghiệp đã thực hiện xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân và thực hiện khai báo, đăng ký, được cấp phép hoạt động, cử cán bộ phụ trách an toàn bức xạ tham gia đào tạo ATBX theo đúng quy định.

Hoạt động thanh tra KHCN được triển khai và mang lại hiệu quả rõ rệt. Ở cấp tỉnh, đã triển khai 03 cuộc thanh tra chuyên ngành về thực hiện đề tài, dự án KHCN cấp tỉnh tại 03 đơn vị, 01 cuộc về sử dụng phương tiện đo nhóm 2 taxi mét trong hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe taxi tại 05 đơn vị; 02 cuộc kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về đo lường đối với các tổ chức sử dụng phương tiện đo nhóm 2 trong hoạt động đo đạc đất và sơ đồ, bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Phú Thọ tại 08 đơn vị; 01 cuộc kiểm tra đột suất theo phản ánh, khiếu nại của người tiêu dùng; 01 cuộc kiểm tra đột suất theo kiến nghị, 38 cuộc tuần tra, kiểm tra rừng tại các địa bàn trọng điểm về bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng và 03 đợt phối hợp tuần tra bảo vệ rừng khu vực giáp ranh với tỉnh Sơn La và tỉnh Hoà Bình; triển khai 02 cuộc kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất, buôn bán vật tư nông nghiệp tại 14 cơ sở; thành lập 08 Đoàn kiểm tra liên ngành về đảm bảo an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán 2023 và "Tháng hành động vì ATTP" đối với 14 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống;...

Công tác thông tin, phổ biến hoạt động KH&CN được quan tâm, đổi mới, thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú như: Thông tin tuyên truyền qua hệ thống các Đài PTTH, website, các bản tin KH&CN, tạp chí, tập san KH&CN, kỷ yếu các đề tài, dự án KH&CN, liên kết với các cơ quan chủ trì thực hiện các phóng sự tuyên truyền, phát hành bản tin, tờ rơi,... bước đầu khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu của Cục Thông tin KH&CN quốc gia phục vụ công tác quản lý. Chú trọng đẩy mạnh cung cấp thông tin về các công nghệ sẵn sàng chuyển giao và nhu cầu tìm kiếm công nghệ. Công tác thông tin KH&CN đã được các huyện, thành, thị và các sở ngành chú trọng, phổ biến dưới nhiều hình thức khác nhau như thông qua đài phát thanh, cổng thông tin điện tử cấp huyện, các lớp tập huấn, đào tạo, hội thảo đầu bờ, tập trung vào phổ biến các văn bản quy phạm về KH&CN, quy định chuyên ngành, các thông tin về sáng kiến, tiến bộ KH&CN mới.

Hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống đã được tăng cường và đẩy mạnh. Đã tổ chức điều tra, lựa chọn các tiến bộ KH&CN mới có khả năng chuyển giao vào sản xuất và đời sống trên địa bàn, ưu tiên lựa chọn, chuyển giao các công nghệ hiện đại, tập trung trên các lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, công nghệ năng lượng và công nghệ vật liệu... Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học trình diễn, giới thiệu công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới, đề xuất, tổ chức triển khai

các nhiệm vụ KH&CN các cấp nhằm triển khai nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, triển khai dự án thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (dự án 844). Các sở, ngành, các huyện thành thị đã quan tâm và chú trọng, tập trung chủ yếu vào chỉ đạo triển khai xây dựng các mô hình ứng dụng các tiến bộ về giống, kỹ thuật canh tác, trồng, chăm sóc cây trồng, vật nuôi, biện pháp phòng trừ tổng hợp, thực hiện đổi mới công tác khuyến nông, chuyển giao tiến bộ KHCN, xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến nông đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm....; áp dụng các kỹ thuật mới trong khám và điều trị tại các cơ sở y tế, đổi mới công tác quản lý, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong các cơ sở giáo dục, đào tạo.

Để thực hiện tốt hơn nữa hoạt động của Hội đồng Khoa học và Công nghệ và hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ cần tăng cường công tác chỉ đạo của Hội đồng KH&CN tỉnh và vai trò của các thành viên Hội đồng KH&CN tỉnh trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển KH&CN năm 2023. Tích cực, chủ động tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách của địa phương để huy động tối đa các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư cho hoạt động KH&CN. Nâng cao chất lượng hoạt động của các hội đồng tư vấn, thẩm định và nghiệm thu, đánh giá các nhiệm vụ KH&CN; rà soát các kết quả nghiên cứu có tính khả thi và khả năng ứng dụng trong thực tiễn đưa vào kế hoạch chuyển giao, áp dụng phù hợp yêu cầu thực tiễn của địa phương trong giai đoạn mới; Đẩy mạnh liên kết giữa doanh nghiệp với các tổ chức KH&CN trong việc thực hiện nghiên cứu khoa học theo hình thức đặt hàng; khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy nhanh tốc độ đổi mới công nghệ trong tất cả các ngành, lĩnh vực; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học, các tiến bộ KH&CN mới tới các tổ chức, cá nhân và người dân trên địa bàn tỉnh; Tuyên truyền, đẩy mạnh quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp KHCN. Chú trọng xây dựng các thiết chế trung gian (không gian khởi nghiệp, trung tâm tư vấn hỗ trợ khởi nghiệp, trung tâm ươm tạo danh nghiệp,…) để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN, hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hướng tới xây dựng trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; Tăng cường hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN ở cấp sở, ngành, huyện và các doanh nghiệp, HTX; chỉ đạo triển khai một số mặt công tác quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn các huyện, thành, thị; Tập trung thúc đẩy xây dựng và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế. Coi việc tạo lập, phát triển nhãn hiệu, thương hiệu cho các sản phẩm đặc thù, có lợi thế của địa phương là nhiệm vụ quan trọng của hoạt động KH&CN. Tăng cường nhận thức và tạo sự chuyển biến về chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp về KH&CN. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ngành trong tham mưu, đề xuất và tổ chức thực hiện hoạt động KH&CN, sử dụng kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN của tỉnh. Tranh thủ sự giúp đỡ của Bộ KH&CN, sự hợp tác của các cơ quan Trung ương, các tỉnh bạn và các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước. Đẩy mạnh việc thực hiện tốt công tác đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN, tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất thiết bị và đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng xây dựng đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển KH&CN.

L.H

NÂNG CAO NĂNG LỰC, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG
của Trung tâm Ứng dụng và Thông tin khoa học công nghệ

Hoàng Ngọc Châu
Giám đốc Trung tâm Ứng dụng và Thông tin KHCN

Thời gian qua, hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) Phú Thọ có những bước chuyển biến tích cực và nhiều đổi mới. Trong đó, Trung tâm Ứng dụng và TT KHCN tỉnh Phú Thọ ngày càng khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong nghiên cứu, triển khai ứng dụng KH&CN, thực hiện chuyển giao KH&CN vào sản xuất và đời sống.

Năm 2018, tỉnh Phú Thọ đã chủ động kiện toàn bộ máy, sáp nhập 2 đơn vị (Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ và Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ) và đổi tên thành Trung tâm Ứng dụng và Thông tin khoa học công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ. Trung tâm có chức năng nghiên cứu ứng dụng, triển khai, chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh; thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ công tác quản lý nhà nước của tỉnh.

Hình ảnh mô hình nuôi trồng Nấm đông trùng hạ thảo tại Trung tâm

Trung tâm là đơn vị thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN trên địa bàn tỉnh. Hoạt động thông tin - thống kê KH&CN luôn bám sát các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và kế hoạch thông tin KH&CN, thông tin phản ánh kịp thời các hoạt động KH&CN tiêu biểu, các mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật mang lại hiệu quả cao trên địa bàn tỉnh. Các chỉ tiêu thống kê KH&CN thu thập được qua cuộc điều tra cung cấp thông tin phục vụ thiết thực cho công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, xây dựng chiến lược và chính sách phát triển KH&CN.

Giai đoạn 2020-2023, Trung tâm đã thực hiện ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật 08 mô hình, trong đó 06 mô

hình đã triển khai hoàn thành bao gồm: Mô hình nuôi cá xen lúa với quy mô 4 ha trên địa bàn huyện Lâm Thao; Mô hình xử lý biogas chất thải trong chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; Ứng dụng công nghệ đệm lót sinh học trong chăn nuôi gia súc trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Ứng dụng công nghệ tiên tiến thu gom, sơ chế chế biến phế phụ phẩm trong nông nghiệp phục vụ chăn nuôi gia súc trên địa bàn tỉnh; Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình chuỗi liên kết trồng giống măng tây xanh trên địa bàn huyện Thanh Ba; Ứng dụng công nghệ hồng ngoại trong việc xử lý bề mặt kim loại trong dây chuyền sơn tĩnh điện tại Trung tâm Ứng dụng và Thông tin KHCN…

Thông qua các nhiệm vụ KHCN, Trung tâm đã ứng dụng và chuyển giao được trên 60 quy trình công nghệ mới, tiên tiến cho người dân và doanh nghiệp trong sản xuất và đời sống; Đào tạo được trên 70 lượt cán bộ kỹ thuật nắm bắt được các quy trình công nghệ, để hướng dẫn cho người dân và doanh nghiệp trong tỉnh triển khai xây dựng các

Hình ảnh mô hình trồng dưa lưới giống Nhật Ichiba tại nhà màng của Trung tâm

mô hình; Tập huấn cho cho trên 2.000 lượt người nắm bắt được các quy trình công nghệ mới, tiên tiến trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, chế biến, công nghệ sinh học, cơ khí chế tạo, công nghệ thông tin… trên cơ sở đó người dân và doanh nghiệp tiếp cận quy trình kỹ thuật để áp dụng được vào sản xuất và kinh doanh.

Đánh giá về kết quả triển khai các nhiệm vụ cho thấy, các mô hình đã đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân và doanh nghiệp và là mô hình mẫu để người dân và doanh nghiệp đến thăm quan, học tập và nhân rộng mô hình. Thông qua đó, Trung tâm đã từng bước phát huy vai trò, chức năng về ứng dụng chuyển giao, tư vấn cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Mở rộng quan hệ

hợp tác với các tổ chức KH&CN trong và ngoài tỉnh, gắn kết hoạt động nghiên cứu - triển khai ứng dụng với khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Bên cạnh đó, TT triển khai các nhiệm vụ KH&CN các cấp. Điển hình như Dự án "Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình trồng bưởi Diễn hàng hóa tại miền núi tỉnh Phú Thọ". Dự án thuộc chương trình nông thôn miền núi và đã hoàn thành các mục tiêu, nội dung và đầy đủ các sản phẩm khoa học và đã được nghiệm thu cấp Nhà nước. Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống, nuôi trồng và chế biến nấm đông trùng hạ thảo Cordyceps militaris tại tỉnh Phú Thọ, dự án đã xây dựng thành công mô hình ứng dụng tiến bộ KHCN sản xuất giống, nuôi trồng và chế biến nấm Đông trùng hạ thảo tại tỉnh Phú Thọ,….

Trung tâm cũng triển khai 03 nhiệm vụ thuộc chương trình Đề án 844 về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bao gồm: Truyền thông hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST; Nâng cao năng lực và hỗ trợ hoạt động các mạng lưới huấn luyện viên/cố vấn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo chương trình 844; Nâng cao năng lực, xây dựng mạng lưới, hỗ trợ hoạt động liên kết các tổ chức cá nhân truyền thông cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Các nhiệm vụ được triển khai trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và 15 tỉnh trung du miền núi phía Bắc do Trung tâm là đơn vị chủ trì và đã được nghiệm thu cấp Bộ KH&CN theo quy định.

Trung tâm đã và đang triển khai một số hoạt động dịch vụ có thu theo Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm, như: Thực hiện hợp đồng về thông tin tuyên truyền cho các kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN; hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ; cung cấp, lắp đặt trang thiết bị công nghệ thông tin; gia công sơn tĩnh điện và cắt CNC; tư vấn khởi nghiệp, đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tư vấn đăng ký mã số mã vạch… Bước đầu, hoạt động dịch vụ có thu đã đem lại hiệu quả, góp phần tăng thu nhập cho đội ngũ cán bộ của Trung tâm.

Nhằm triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ của Trung tâm, trong thời gian tới cần tiếp tục nâng cao năng lực, trình độ, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao, đảm bảo mức độ tự chủ theo qui định hiện hành và nâng cao đời sống của cán bộ viên chức và người lao động; Triển khai thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng và không sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tuân thủ theo đúng các qui định pháp luật hiện hành; Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và hình thành Hệ sinh thái hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh Phú Thọ; Tiếp tục thực hiện công tác truyền thông, đào tạo và kết nối các thành tố hệ sinh thái của tỉnh với khu vực, cả nước và quốc tế; Đảm bảo hoạt động tự chủ tài chính theo lộ trình đã được UBND tỉnh giao. Tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, có lợi thế so sánh của tỉnh theo quy hoạch, kế hoạch, chương trình trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội.

H.N.C

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thanh Huyền

Phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, hướng tới nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là xu thế tất yếu trong quá trình phát triển, đồng thời cũng là mục tiêu lâu dài, nhiệm vụ chiến lược trong phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước ta. Để thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng này, Đảng và Nhà ta luôn xác định Khoa học và Công nghệ là nền tảng để phát triển bền vững, không đánh đổi môi trường để phát triển kinh tế là phương châm, hành động của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

Để phát triển nhanh và bền vững, một trong những giải pháp lớn, quan trọng là cần phải thực hiện đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất, đời sống và thu hút đầu tư có hiệu quả, đó được coi là "chìa khóa" để các địa phương triển khai nhiều công trình, nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ, trong đó có tỉnh Phú Thọ.

Những năm qua, việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN) cũng như tiếp nhận, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ngày càng trở nên cấp thiết và quan trọng hơn, đã được ngành KH&CN tỉnh tập trung nghiên cứu, lựa chọn, tham mưu với UBND tỉnh thực hiện các đề tài, dự án nhằm hướng đến bảo về môi trường và phát triển bền vững. Trong 1 số các chương trình KH&CN, các tiêu chí bảo vệ môi trường được đưa vào để xét duyệt như: Chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hàng năm, chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao KH&CN vào sản xuất và đời sống. Qua đó, nhiều kết quả nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ về bảo vệ môi trường gắn với phát triển bền vững được triển khai, đã góp phần quan trọng, đem lại hiệu quả thiết thực trong thực tiễn sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh.

Trong các năm từ 2020 đến nay, trong tổng số 84 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia và cấp tỉnh triển khai trên địa bàn tỉnh trên các lĩnh vực có 10 nhiệm vụ (chiếm tỉ lệ 13,2%) liên quan đến bảo vệ môi

trường, phục vụ phát triển bền vững, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Các nhiệm vụ đã và đang triển khai tập trung hướng vào nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp xanh, an toàn, bền vững và bảo vệ môi trường; nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật và sử dụng vật liệu mới vào phục vụ phòng chống giảm nhẹ thiên tai, sản xuất vật liệu xây không nung thân thiện với môi trường và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc truy xuất thông tin và quản lý tài nguyên thực vật, trong quản lý trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Một số kết quả triển khai bước đầu được đánh giá cao, mang lại hiệu quả thiết thực về kinh tế xã hội, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần thực hiện các giải pháp giảm thiểu rác thải nguy hại, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Hoạt động KH&CN đã có những đóng góp tích cực vào việc dự báo, phòng ngừa, cải tạo, phục hồi, xử lý ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học. Trong lĩnh vực nông nghiệp, nhiều mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật góp phần cải thiện đáng kể môi trường nông thôn. Trong phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, để góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng xử lý chất thải trong chăn nuôi được triển khai áp dụng có hiệu quả, tiêu biểu là các mô hình sử dụng hệ thống máy tách phân để xử lý chất thải của lợn làm phân bón hữu cơ; sử dụng các chế phẩm sinh học, đệm lót chuồng sinh học, hệ thống biogas xử lý chất thải… không những góp phần bảo vệ môi trường còn nâng cao hiệu quả sản xuất, hướng tới phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, bền vững. Trong phát triển trồng trọt đã chú trọng xây dựng các mô hình trồng trọt đạt chứng nhận hữu cơ (mô hình sản xuất chè hữu cơ theo chuỗi giá trị, mô hình bưởi Diễn đạt chứng nhận hữu cơ) với việc sử dụng phân bón hữu cơ, chế phẩm vi sinh trong canh tác, các loại thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc thảo mộc trong phòng trừ sâu hại thay cho các loại phân bón vô cơ, thuốc trừ sâu hóa học, ứng dụng công nghệ vi sinh (xạ khuẩn, vi khuẩn) để sản xuất phân hữu cơ (compost) chất lượng cao từ phế phụ liệu trong trồng trọt và chăn nuôi,... đã giúp bảo vệ tài nguyên đất, cân bằng hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, nâng cao sức khỏe cộng đồng. Bên cạnh đó, một số Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo, xây dựng phần mềm truy xuất thông tin và quản lý tài nguyên thực vật tại tỉnh Phú Thọ, ứng dụng các tiến bộ công nghệ thông tin và hệ thống thông tin địa lý toàn cầu (GIS),... đã góp phần tích cực, có hiệu quả trong công tác quản lý, giám sát trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Trong lĩnh vực phát triển công nghiệp theo hướng phát triển nhanh, bền vững. Tỉnh Phú Thọ cũng đã và đang dành nhiều nguồn lực để ưu tiên thu hút các dự án đầu tư phát triển công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, công nghệ xanh, sạch, thân thiện với môi trường và có giá trị gia tăng cao, giảm thiểu các dự án có tác động xấu tới môi trường. Nhằm khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư nghiên cứu khoa học, phát triển và đẩy nhanh tốc độ đổi mới công nghệ, Phú Thọ đã triển khai thực hiện một số cơ chế, chính sách hỗ trợ triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp phụ trợ... Qua đó các doanh nghiệp sau khi đổi mới công nghệ đã phát huy được năng lực công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí

sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, đồng thời tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, cải thiện môi trường. Thực tế một số dự án ứng dụng chuyển giao công nghệ đem lại hiệu quả rõ nét, đã xây dựng thành công mô hình sản xuất sản xuất gạch không nung cốt liệu từ nguyên liệu sẵn có tại địa phương nhằm thay thế gạch nung, góp phần khắc phục ô nhiễm môi trường, giảm sử dụng tài nguyên đất sét, than.

Những năm gần đây được ngành KH&CN tỉnh tập trung nghiên cứu, đánh giá, dự báo một số ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, đánh giá nguồn phát thải; xây dựng các mô hình kinh tế - xã hội sử dụng năng lượng tái tạo, mô hình tiết kiệm năng lượng, như dự án: "Nghiên cứu Công nghệ sản xuất giấy bìa cứng từ bã sắn" đã nghiên cứu được công nghệ sản xuất giấy bìa cứng từ nguồn nguyên liệu bã sẵn, giúp tận dụng được nguồn nguyên liệu bã sắn, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tinh bột sắn trên địa bàn tỉnh; "Đánh giá mức độ ô nhiễm vi nhựa trong một số sản phẩm thực phẩm, dược phẩm lưu hành trên địa bàn tỉnh Phú Thọ" giúp đưa ra được một bộ dữ liệu khá hoàn chỉnh về mức độ ô nhiễm vi nhựa trong các sản phẩm có đồ bao gói nhựa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, đề xuất các biện pháp quản lý nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giúp công tác quản lý ô nhiễm môi trường đi vào chiều sâu, hạn chế, ngăn chặn vấn đề rác thải nhựa, thúc đẩy phát triển thị trường tái chế, xử lý chất thải, góp phần giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu...

Trong công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua, hoạt động KH&CN đã đóng vai trò tích cực thông qua đánh giá tác động môi trường cũng như công nghệ áp dụng đối với các dự án đầu tư của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Qua đó, mỗi năm hàng chục các dự án đầu tư được thẩm định, đánh giá tác động môi trường cũng như sự phù hợp các công nghệ, thiết bị máy móc sẽ được chuyển giao áp dụng trong sản xuất kinh doanh, đã từng bước góp phần quan trọng trong việc thu hút nhiều dự án đầu tư có chất lượng, hiệu quả cao, phù hợp với định hướng phát triển nhanh và bền vững trên địa bàn tỉnh.

Nhằm từng bước thực hiện mục tiêu phát triển bền vững gắn chặt với bảo vệ môi trường, thời gian tới, tỉnh tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp về vai trò, tầm quan trọng của KH&CN với bảo vệ môi trường; triển khai các cơ chế hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, nhà khoa học nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiến tiến trong phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Có thể nói, trong giai đoạn vừa qua, hoạt động KH&CN nói chung và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp đã có những đóng góp tích cực, tập trung giải quyết các vấn đề ưu tiên theo yêu cầu của thực tiễn công tác quản lý nhà nước cũng như trong sản xuất và đời sống với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; sự phối hợp giữa các cấp các ngành trong việc xây dựng, hoàn thiện và triển khai các cơ chế, chính sách,… đã từng bước nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ nhanh và bền vững hơn nữa trong thời gian tới./.

T.H

KẾT QUẢ CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ CÁC NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU, KHẢO NGHIỆM, THỬ NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

Hải Ninh

Ảnh minh họa

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh trong 05 năm qua (từ 2019-2023) đã bám sát nhiệm vụ tăng cường công tác quản lý về giống cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh (được giao tại Chỉ thị số 9/CT-UBND ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ). Các nhiệm vụ KH&CN đã bám sát thực tiễn, tập trung nghiên cứu, khảo nghiệm, thử nghiệm các giống cây nông, lâm nghiệp mới và hầu hết đều khẳng định phù hợp với điều kiện tỉnh Phú Thọ, mang lại hiệu quả kinh tế, có khả năng nhân rộng trong sản xuất; nghiên cứu lưu giữ, bảo tồn nguồn gen và hỗ trợ tạo lập thương hiệu, xác lập quyền sở hữu trí tuệ (bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhã hiệu tập thể) cho các giống cây trồng đặc trưng, có lợi thế của tỉnh.

Giai đoạn 2019 - 2023, Sở Khoa học và Công nghệ đã tập trung chỉ đạo ưu tiên triển khai thực hiện các đề tài, dự án về nghiên cứu khảo nghiệm, thử nghiệm một số giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao phù hợp tiêu thụ, chế biến và xuất khẩu; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan thực hiện các nội dung liên quan đến quyền bảo hộ giống cây trồng trên địa bàn tỉnh. Qua đó nhiều giống cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp mới có năng

suất, chất lượng tốt được nghiên cứu, khảo nghiệm, thử nghiệm sản xuất và kiến nghị bổ sung vào cơ cấu giống cây trồng của tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp, kịp thời khắc phục được những tồn tại, hạn chế trong công tác kiểm soát chất lượng, nguồn gốc xuất xứ các giống cây trồng, kiểm soát vườn giống gốc, cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng và sản xuất, kinh doanh giống cây trồng đầy đủ nhãn hàng hóa, tiêu chuẩn chất lượng đúng quy định của các cơ quan chức năng và đúng pháp luật.

Thông qua triển khai các Chương trình phát triển KH&CN, trong 5 năm (2019 - 2023) trên địa bàn tỉnh đã hỗ trợ thực hiện 33 đề tài, dự án KH&CN cấp Quốc gia và cấp tỉnh nghiên cứu khảo nghiệm, thử nghiệm giống cây trồng mới (gồm: 05 nhiệm vụ cấp Quốc gia và 28 nhiệm vụ cấp tỉnh) với tổng kinh phí thực hiện là 84.510,48 triệu đồng (trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 43.775,0 triệu đồng và nguồn huy động ngoài ngân sách là 40.735,48 triệu đồng).

Các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia và cấp tỉnh được hỗ trợ triển khai thực hiện đã đem lại hiệu quả thiết thực trong công tác bảo tồn, lưu giữ nguồn gen cây trồng nông, lâm nghiệp chủ lực, bản địa, có lợi thế của địa phương, khảo nghiệm, thử nghiệm nhiều giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao phù hợp điều kiện sản xuất, tiêu thụ, chế biến của tỉnh; góp phần năng lực quản lý về giống cây trồng nông, lâm nghiệp, tăng cường chất lượng vườn giống gốc, cây giống gốc, cây đầu dòng; đánh giá, khai thác nguồn gen, chọn tạo và phát triển các giống cây lương thực, cây lâm nghiệp mới có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh và điều kiện thời tiết bất thuận, cải thiện tính trạng các giống cây ăn quả chủ lực từng bước nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp theo hướng công nghiệp hiện đại, cung cấp đủ giống có năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần thực hiện thành công định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Nghiên cứu bảo tồn, lưu giữ nguồn gen, xây dựng vườn giống gốc, cây đầu dòng: Qua triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia và cấp tỉnh đã bước đầu tuyển chọn được các giống gốc, cây đầu dòng làm nguyên liệu sản xuất cây mẹ đúng giống, sạch bệnh phục vụ xây dựng các vườn cây giống gốc, vườn cây đầu dòngnhằm cung cấp cây giống chất lượng, như:

đã tách chiết DNA, đánh giá đa dạng di truyền, tuyển chọn và bảo tồn nguyên vị cây giống gốc quýt Đậu Sơn tại xã Đan Thượng, huyện Hạ Hòa nhằm cung cấp nguyên liệu nghiên cứu tạo cây giống gốc S_0 sạch bệnh và xây dựng vườn cây mẹ S_1 sạch bệnh chất lượng sạch bệnh không mang mầm bệnh vàng lá Greening và bệnh Tristeza phục vụ công tác lưu giữ, nhân giống tạo cây S_2 sạch bệnh góp phần phát triển bền vững giống quýt Đậu Sơn; tuyển chọn, định vị GPS xác định tọa độ, gắn thẻ cho 600 cây chè Shan tuyết đặc trưng và công nhận 05 cây chè Shan tuyết đầu dòng phục vụ công tác bảo tồn lưu giữ nguồn gen quý, khai thác và phát triển nguồn gen cây chè Shan tuyết theo hướng hữu cơ tại Vườn Quốc gia Xuân Sơn và vùng giáp ranh; đã nghiên cứu, đánh giá được đa dạng nguồn gen cây Sơn ta và cây Tre ngọt, thực hiện tuyển chọn được các dòng sơn ghép mới, cây giống gốc Tre ngọt có năng suất cao, chất lượng tốt và công nhận 60 cây sơn đầu dòng (30 cây tại xã Thọ Văn và xã Dị Nậu - huyện Tam Nông và 30 cây tại xã Khả Cửu, huyện Thanh Sơn), 3ha mô hình vườn tập hợp giống gốc Tre ngọt tại Phú Thọ, Lai Châu, Bắc Giang.

Nghiên cứu khảo nghiệm, chọn tạo và trồng thử nghiệm các giống cây trồng nông, lâm nghiệp mới có năng suất, chất lượng cao phù hợp với điều kiện của tỉnh: Thông qua triển khai các đề tài, dự án đã nghiên cứu, chọn tạo và phát triển các cây lương thực mới, các giống cây ăn quả chủ lực năng suất chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh và điều kiện thời tiết bất thuận; các giống cây công nghiệp năng suất, chất lượng cao và thích ứng với biến đổi khí hậu phục vụ sản xuất, thâm canh quy mô hàng hóa, như: Cây lương thực: lựa chọn thử nghiệm trồng thâm canh giống Lạc đen CNC1 tại xã Thanh Uyên (Tam Nông); giống lúa lai thơm 6 tại 3 huyện Lâm Thao, Cẩm Khê, Yên Lập; lựa chọn giống lúa Gia lộc 601 và giống lúa nếp thơm đặc sản Liên Hoa xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm phục vụ chế biến tại các làng nghề của tỉnh Phú Thọ cho hiệu quả kinh tế cao hơn từ 10 - 15% so với giống lúa truyền thống của địa phương đang sản xuất, đồng thời thúc đẩy phát triển các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm hàng hóa quy mô lớn trên địa bàn tỉnh. Sử dụng giống ngô LCH9 và VN172 có năng suất cao xây dựng mô hình trồng ngô sinh khối phục vụ chế biến ngô sinh khối làm thức ăn xanh chăn nuôi gia súc (trâu, bò);... Cây ăn quả: Nghiên cứu xây dựng được vườn giống gốc và trồng thử nghiệm thành công giống táo sữa Thái Lan tại xã Trung Nghĩa (Thanh Thủy) và xã Phú Hộ (Thị xã Phú Thọ); tổ chức sản xuất cây giống vải chín sớm PH40 phục vụ xây dựng mô hình trồng mới góp phần mở rộng diện tích canh tác, nâng cao năng suất, chất lượng quả vải chín sớm PH40 và hiệu quả canh tác giống vải đặc sản tại tỉnh Phú Thọ;… Cây công nghiệp, cây lâu năm: Triển khai thử nghiệm mô hình 4ha trồng thâm canh cây Bạch đàn chanh có năng suất sinh khối lá và hàm lượng tinh dầu cao phục vụ khai thác lá phục vụ sản xuất tinh dầu; trồng cây Đàn Hương (Santalum album L.) trên đất vùng đồi thấp tại xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy tạo vùng cung cấp nguyên liệu sản xuất các sản phẩm trà từ nguyên liệu búp Đàn hương; khai thác và phát triển các giống cây chè mới (giống chè hương Bắc Sơn, TRI5.0, Kim Tuyên, LCT1, VN15...) xây dựng các mô hình sản xuất chè hữu cơ theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất góp phần xây dựng thương hiệu chè của tỉnh Phú Thọ;... Cây hoa: Thu thập,tuyển chọn được 8 giống hoa sen có triển vọng trồng trong chậu và trong ao, hồ phù hợp điều kiện tỉnh Phú Thọ; thử nghiệm xây dựng mô hình liên kết trồng

cây Cúc hoa vàng theo hướng hữu cơ tạo ra nguồn nguyên liệu hoa cúc an toàn, chất lượng tốt để sản xuất trà hoa cúc; tuyển chọn và xây dựng bộ tiêu chí cây lan 5 cánh trắng và 5 cánh xanh Phú Thọ và quy trình sản xuất invitro giống lan 5 cánh trắng, 5 cánh xanh Phú Thọ đúng tiêu chí của giống. Cây dược liệu: Tiến hành khảo nghiệm đặc điểm, tình trạng nguồn gen của cây địa hoàng, lựa chọn được dòng địa hoàng 19 triển vọng phù hợp điều kiện tỉnh Phú Thọ, triển khai 5ha mô hình sản xuất địa hoàng theo hướng dẫn GACP-WHO tại Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tuyên Quang; thử nghiệm mô hình thâm canh cây Hoắc hương tại xã Phùng Nguyên (Lâm Thao), mô hình trồng cây Bạch chỉ (Angelica dahurica) thương phẩm có giá trị cao theo hướng GACP-WHO tại tại huyện Thanh Sơn, huyện Phù Ninh;…

Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện tốt hoạt động hỗ trợ tạo lập, duy trì, phát triển thương hiệu, xây dựng chỉ dẫn địa lý, xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm hàng hóa, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc trưng, có lợi thế của tỉnh. Đã và đang triển khai hỗ trợ 18 dự án KH&CN cấp Quốc gia và cấp tỉnh (gồm: 02 dự án cấp Quốc gia và 16 dự án cấp tỉnh) với tổng kinh phí thực hiện là 9.800,0 triệu đồng (trong đó:ngân sách sự nghiệp KHCN TW hỗ trợ 2.150,0 triệu đồng, ngân sách sự nghiệp KHCN địa phương: 5.730,0 triệu đồng và nguồn khác là: 1.920,0 triệu đồng). Các dự án tập trung hỗ trợ xuyên suốt từ tạo lập nhãn hiệu, nâng cao năng suất, chất lượng, bảo hộ nhãn hiệu cho các sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, đã tạo tiền đề, nền tảng cho công tác quản lý, phát triển quy mô, mở rộng sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Các sản phẩm sau khi được xác lập, bảo hộ sở hữu trí tuệ đã thực sự phát huy được hiệu quả, 100% sản phẩm sau bảo hộ đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá rộng rãi trên thị trường, tác động mạnh mẽ đến giá trị và tạo thị trường tiêu thụ ổn định không chỉ tại hệ thống các siêu thị mà còn tại hệ thống các kênh phân phối tiêu thụ khác, đồng thời nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm.

Để thực hiện hiệu quả trong thời gian tới, cần tiếp tục thực hiện tốt các chính sách về nông nghiệp nông thôn đã ban hành, chú trọng nghiên cứu các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh; đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, phát triển công nghiệp chế biến và cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp; Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về giống cây trồng, tuyên truyền những giống cây trồng mới năng suất, chất lượng, các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống đảm bảo chất lượng để toàn dân biết và sử dụng; Tiếp tục ưu tiên hỗ trợ triển khai thử nghiệm, khảo nghiệm các giống cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp mới năng suất, chất lượng cao phù hợp tiêu thụ, chế biến và xuất khẩu góp phần nâng cao năng suất cây trồng và hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, đẩy mạnh hỗ trợ xây dựng, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm đặc thù, có lợi thế của tỉnh gắn với kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm; tăng cường công tác đào tạo, tập huấn các nội dung liên quan đến quyền bảo hộ giống cây trồng giúp nâng cao nhận thức về vài trò, ý nghĩa của sở hữu trí tuệ trong sản xuất và đời sống.

H.N

TĂNG CƯỜNG KẾT NỐI ĐƯA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KH&CN VÀO THỰC TIỄN SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

TS. Lưu Ngọc Quyến
Viện trưởng Viện KHKT
Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc

Triển khai Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 và Chương trình số 3079/CTr-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về Chương trình phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, trong thời gian qua, Viện KHKT nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc đã triển khai nhiều hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đạt được những kết quả tích cực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong đó tập trung vào các nội dung khoa học và công nghệ (KH&CN) phát triển nông lâm nghiệp.

Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, từ năm 2015 đến nay, Viện đã có 25 nhiệm vụ KH&CN được triển khai thực hiện trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, trong đó có 04 nhiệm vụ cấp Nhà nước, 06 nhiệm vụ cấp Bộ, 01 dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi, 14 đề tài cấp Tỉnh với 06 giống cây trồng mới, trên 10 quy trình công nghệ được chuyển giao vào sản xuất nông nghiệp. Các nhiệm vụ KH&CN đã tập trung vào việc ứng dụng và chuyển giao các công nghệ sản xuất giống, sản xuất thương phẩm các loại cây trồng (chè, cây ăn quả, cây dược liệu, cây công nghiệp, cây màu); chuyển giao các quy trình kỹ thuật canh tác, xử lý chất thải chăn nuôi tiên tiến, kỹ thuật chế biến các sản phẩm chè chất lượng cao; chuyển giao các kỹ thuật xử lý sâu bệnh hại; các kỹ thuật phòng trị bệnh,… Đồng thời, thông qua các nhiệm vụ KH&CN, các giống cây trồng, vật nuôi mới đã được du nhập về địa phương, góp phần chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng, nâng cao trình độ sản xuất và thay đổi tập quán sản xuất của người dân.

Các nhiệm vụ KH&CN tập trung vào nghiên cứu tuyển chọn giống và chuyển giao các quy trình sản xuất, trong đó đã nghiên cứu và đưa vào sản xuất các giống cây trồng, đặc biệt là các giống chè mới, giống cây ăn quả tiêu biểu phù hợp địa phương. Tiêu biểu như các giống chè PH8, Kim Tuyên, VN15, Hương Bắc Sơn, LCT1; giống chuối tiêu VN064; giống vải chín sớm PH40,… Trong lĩnh vực bảo quản, chế biến sản phẩm, Viện đã chuyển giao các quy trình công nghệ sản xuất chè xanh chất lượng cao cho Công ty Chè Bảo Long, các HTX chè trên địa bàn tỉnh; chuyển giao các mô hình bảo quản chế biến khoai đặc sản tầng vàng tại Thanh Sơn; mô hình sản xuất trà cốm gạo lứt, trà lá sen;…

Việc chuyển giao công nghệ và nhân rộng các mô hình: Các quy trình kỹ thuật được chuyển giao, phổ biến cho cán bộ kỹ thuật, cán bộ địa phương và người dân theo nhiều hình thức khác nhau như tổ chức các lớp tập huấn theo hình thức "cầm tay chỉ việc" để cán bộ và người dân có thể triển khai được trong thực tiễn

sản xuất. Bên cạnh đó, các quy trình công nghệ được biên soạn thành các tài liệu tập huấn, các chuyên đề nông nghiệp, tờ rơi và được phát tận tay người dân để áp dụng vào sản xuất.

Đối với doanh nghiệp, ứng dụng tiến bộ KH&CN là động lực then chốt đưa doanh nghiệp phát triển bền vững. Nhận thức được điều này, thời gian qua, nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã chủ động ứng dụng thành tựu của KH&CN vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển. Điển hình trong lĩnh vực sản xuất chè có Công ty Cổ phần chè Bảo Long, Công ty TNHH Thế hệ mới,…

Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, bản thân các doanh nghiệp cũng còn ngại ngần tham gia các chương trình KH&CN dành cho doanh nghiệp, do thủ tục hành chính nhiêu khê và e ngại rắc rối trong xử lý tài sản phát sinh sau dự án. Dù có không ít chương trình, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN, đổi mới sáng tạo như Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia (NATIF), các chương trình ở quy mô quốc gia như Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước… cho đến các nhiệm vụ KH&CN của các địa phương cũng đặt mục tiêu nhằm tạo điều kiện để doanh nghiệp sẵn sàng đón nhận, làm chủ và áp dụng công nghệ mới. Nhưng nhìn chung các doanh nghiệp phản ánh là chưa được tiếp cận với các hình thức hỗ trợ; các hình thức hỗ trợ không liên quan đến nhu cầu của doanh nghiệp; doanh nghiệp không biết đến các đầu mối kết nối với hỗ trợ; quy trình xét duyệt hỗ trợ rất phức tạp. Nhiều chính sách liên quan tới hỗ trợ, thúc đẩy sử dụng các kết quả nghiên cứu vào khối doanh nghiệp lại có nhiều ràng buộc theo cách "dẫm chân lên nhau". Một mặt ngành KH&CN đổ nguồn lực cho các chương trình nghiên cứu định hướng ứng dụng trong sản xuất, nhưng nhiều văn bản luật, dưới luật lại vô hình trung "khóa" lại. Đơn cử trong đó là việc đánh giá, định giá, phân chia tài sản trí tuệ hình thành từ các kết quả nghiên cứu do ngân sách nhà nước tài trợ chịu sự ràng buộc, đòi hỏi xét duyệt, đánh giá rất nhiều bước của Luật Sở hữu trí tuệ trước đây cũng như Nghị định 70/2018/NĐ-CP khiến cho cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp đều lúng túng và không thể chuyển giao.

Hiện trạng như vậy đòi hỏi phải có sự rà soát, bóc tách tổng thể các chính sách. Những động thái thay đổi về chính

sách, khi thực sự hữu ích cho doanh nghiệp thì sẽ không phải mất thời gian quá lâu để tác động tới doanh nghiệp. Về phía các doanh nghiệp, dẫu cho vẫn mong đợi nhiều hơn, như mong muốn "đồng bộ các luật để tránh bị chồng chéo, vướng mắc, có thể tạo ra các điểm nghẽn, gây khó khăn cho các nhà khoa học và các doanh nghiệp nhận chuyển giao. Khu vực doanh nghiệp vốn luôn nhạy bén với các xu hướng mới, không chờ tới lúc đồng bộ, mà ngay khi thấy có sự dịch chuyển chính sách đã chủ động.

Những điểm nhấn chính sách của Bộ Khoa học và Công nghệ từ năm 2022 đến nay không chỉ dừng lại ở sửa đổi các chính sách tạo thuận lợi nhất cho kết nối doanh nghiệp - viện, trường nhằm thúc đẩy nền sản xuất trong nước, mà còn ở nỗ lực đánh giá môi trường, mức độ đổi mới sáng tạo trong toàn hệ sinh thái của cả nước. Tuy vậy, ở cấp địa phương mà Phú Thọ cũng không phải là ngoại lệ, còn lúng túng trong việc tham gia thực hiện nghị quyết về cải thiện chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp quốc gia.

Mặc dù việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp trong thời gian qua đã đạt được một số tích cực nhưng vẫn còn rất nhiều hạn chế, khó khăn vướng mắc, như về trình độ sản xuất: Việc ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp đòi hỏi người nông dân phải có kiến thức sản xuất và trình độ nhất định. Trong khi đó với đặc điểm vùng nông thôn ở Phú Thọ khá gần với khu đô thị, sự phát triển của các khu công nghiệp trên địa bàn, nên hầu hết thanh niên, lao động trẻ có trình độ văn hóa nhất định dễ tiếp thu các tiến bộ khoa học và công nghệ thì thường ra thành phố làm việc, còn lại lao động nông thôn chủ yếu là người già và phụ nữ lớn tuổi. Chính vì vậy, việc tiếp thu các kiến thức, quy trình công nghệ mới còn hạn chế; Về vốn đầu tư: Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên và thời tiết, mang nhiều yếu tố rủi ro. Đầu tư ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, nhất là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu rất lớn và kéo dài. Điều này dẫn đến tâm lý e ngại đầu tư sợ rủi ro. Mặt khác, chi phí đầu tư cho sản xuất lớn dẫn đến giá thành sản phẩm cao, gây

khó khăn khi cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy, số lượng nông dân và nhà đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa nhiều; Vấn đề về ứng dụng khoa học và công nghệ: Việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp chỉ chủ yếu tập trung vào ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào giống cây trồng, vật nuôi và chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến trong trồng trọt, chăn nuôi. Việc ứng dụng công nghệ tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, cơ giới hóa, vật liệu mới,… vào sản xuất còn hạn chế. Các mô hình sản xuất tiên tiến, ứng dụng công nghệ cao còn ít và chưa được phát triển mạnh mẽ, chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa nhà khoa học, doanh nghiệp và nông dân trong quá trình sản xuất. Bên cạnh đó, năng lực nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp của các cơ quan đơn vị trên địa bàn Phú Thọ còn hạn chế, còn phụ thuộc vào các các cơ quan chuyển giao công nghệ ở trung ương như Viện/Trường/Trung tâm. Vấn đề về thúc đẩy kết nối sản xuất với thị trường tiêu thụ: Việc cạnh tranh giữa các sản phẩm sạch, an toàn với các sản phẩm thông thường rất khó khăn. Vì việc sản xuất nông sản thực phẩm sạch, áp dụng các kỹ thuật cao thường có chi phí đầu tư ban đầu lớn hơn việc sản xuất thông thường nên giá thành sản phẩm sẽ cao hơn trong khi đa số người tiêu dùng vẫn chưa chấp nhận. Bên cạnh đó, chưa có kênh phân phối cũng như các dấu hiệu để người tiêu dùng nhận biết, tiếp cận dễ dàng.

Nhằm thúc đẩy ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong thời gian tới, cần tập trung một số giải pháp sau: Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh đã có, đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân và doanh nghiệp hiểu được các chính sách hỗ trợ cũng như các trình tự thủ tục kèm theo.

Đối với việc chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, cần tiếp tục đẩy mạnh ưu tiên đầu tư thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp của thành phố. Đẩy mạnh công tác phổ biến, chuyển giao và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tế, đặc biệt là ứng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp: Triển khai các giải pháp khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lấy doanh nghiệp làm hạt nhân để hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ từ sản xuất đến tiêu thụ. Sở Khoa học và Công nghệ cần tiếp tục hỗ trợ thông qua việc tiếp cận các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia liên quan đến nông nghiệp nông thôn và ứng dụng công nghệ cao như Chương trình Nông thôn miền núi, Chương trình Nông thôn mới; hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, thực hiện các cơ chế chính sách liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ứng dụng khoa học và công nghệ, công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Thực hiện các chính sách khen thưởng trong hoạt động khoa học và công nghệ.

L.N.Q

KHẢO SÁT, THU THẬP GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ PHỤC VỤ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH PHÚ THỌ

ThS. Hoàng Văn Bắc
Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Phú Thọ có 50 dân tộc sinh sống. Mỗi dân tộc có những đặc trưng riêng về tiếng nói, chữ viết; phong tục tập quán; lễ hội truyền thống; các tri thức về nghề thủ công, nhà ở, ẩm thực… tạo nên tính độc đáo, đa dạng trong không gian văn hóa vùng Đất Tổ. Các huyện miền núi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như Thanh Sơn, Yên Lập, Tân Sơn, Đoan Hùng đã tham mưu xây dựng và thực hiện một số chương trình, đề án, huy động các nguồn lực tập trung cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số; do vậy trong thời gian qua công tác này đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể được khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị. Đời sống văn hóa vùng đồng bào đã có nhiều chuyển biến rõ rệt, mức hưởng thụ văn hóa được nâng cao, một số phong tục có yếu tố lạc hậu, mê tín dị đoan đã được loại bỏ.

Tuy nhiên, công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số còn những khó khăn, hạn chế nhất định. Do sự "giao thoa" văn hoá giữa các vùng, miền, những tác động của quá trình đô thị hoá, một số nét đẹp trong lối sống, phong tục tập quán cùng lễ

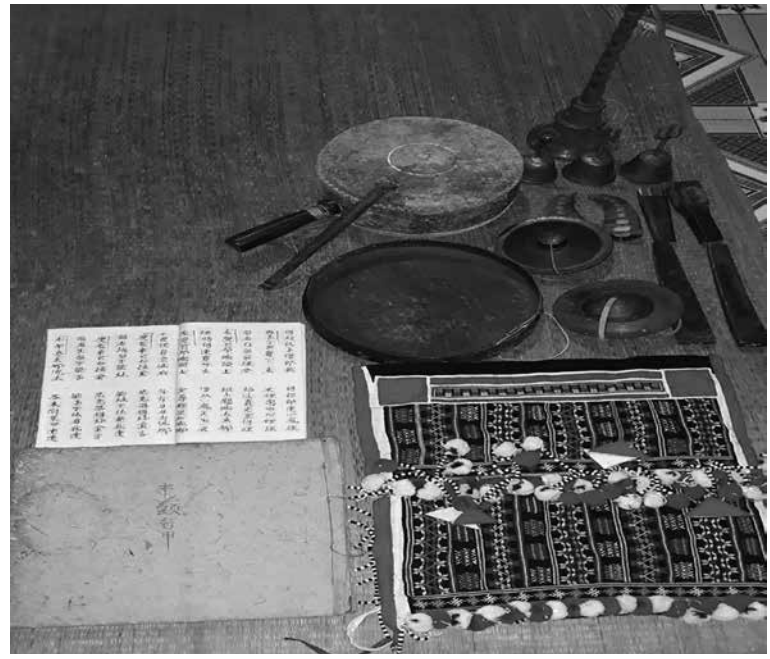

Ảnh: Tài liệu được ghi chép trên giấy bằng chữ Hán - Nôm và một số nhạc cụ dùng trong các nghi lễ của người Dao. Ảnh chụp tại nhà của một thầy cúng người Dao ở khu Sáu Khe, (xã Trung Sơn, huyện Yên Lập, Phú Thọ)

hội truyền thống của đồng bào đang đứng trước nguy cơ mai một; số lượng các nghệ nhân là người am hiểu văn hóa truyền thống ngày càng ít; di tích lịch sử - văn hóa, nơi tổ chức lễ hội, nơi diễn ra nghi thức, diễn xướng dân gian xuống cấp; hạ tầng giao thông, thiết chế văn hóa ở cơ sở chưa đáp ứng được việc tổ chức các hoạt động phục vụ nhu cầu văn hóa tinh thần của đồng bào.

Ảnh chụp: Vải dệt thổ cẩm dân tộc Mường (xã Thạch Kiệt, huyện Tân Sơn, Phú Thọ)

Do vậy, công tác khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số đòi hỏi sự quan tâm, phối hợp, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi của các ngành, các cấp, trong đó có công tác nghiên cứu khoa học gắn với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ. Theo Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Nhà trường có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho hệ thống chính trị của tỉnh. Trong hoạt động giảng dạy, việc lồng ghép vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và trong từng bài giảng nội dung giáo dục về văn hoá truyền thống không chỉ góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng mà còn giúp học viên - nhất là cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số tăng cường hiểu biết về các giá trị văn hoá truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc, qua đó hình thành ý thức giữ gìn, phát huy văn hoá truyền thống của dân tộc mình, tôn trọng bản sắc văn hoá của các dân tộc khác có vai trò quan trọng. Từ những yêu cầu này, Khoa Nhà nước và Pháp luật (Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ)

đã thực hiện đề tài khoa học: Khảo sát, thu thập các giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc ở một số địa bàn vùng cao của tỉnh Phú Thọ để phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ.

Chàm đuống được tổ chức tại đám cưới của đồng bào dân tộc Mường (xã Thạch Kiệt, huyện Tân Sơn)

Ảnh chụp: Trang phục người Dao Quần chẹt (huyện Yên Lập)

Bài thuốc nam của người Mường (huyện Tân Sơn, Phú Thọ)

Xôi ngũ sắc - món ăn dân giã của người Mường (huyện Tân Sơn, Phú Thọ)

Mục tiêu chính của đề tài là khảo sát, thu thập giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số ở một số địa bàn miền núi, vùng cao của tỉnh; từ đó đề xuất giải pháp ứng dụng kết quả nghiên cứu vào phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ.

Việc thực hiện đề tài đã đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung theo thuyết minh được phê duyệt. Nhóm nghiên cứu tiến hành

khảo sát, thu thập thông tin về giá trị văn hóa tại một số địa bàn vùng cao của tỉnh (tập trung khảo sát tại các xã của huyện Tân Sơn, Yên Lập) có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tụ cư thành làng bản, có nhiều giá trị văn hóa truyền thống hiện đang được bảo tồn, phát huy. Công tác khảo sát lấy thông tin, số liệu được tiến hành từ nhiều nguồn: qua làm việc, trao đổi với chính quyền địa phương; tham khảo thông tin từ Phòng Quản lý di sản văn hóa (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch); thu thập phiếu kiểm kê di sản văn hóa; phỏng vấn nghệ nhân am hiểu giá trị văn hóa truyền thống; khảo sát thực tế tại địa bàn… Kết quả thu thập là cơ sở để nhóm nghiên cứu lập Bảng Danh mục và Bản miêu tả giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên một số địa bàn vùng cao tỉnh Phú Thọ.

Bảng Danh mục giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số là bảng dữ liệu thống kê các giá trị văn hóa vật thể (di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, cổ vật, di vật, bảo vật quốc gia), giá trị văn hóa phi vật thể (tiếng nói, chữ viết; ngữ văn dân gian gồm sử thi, ca dao, dân ca, tục ngữ, hò, vè, câu đố, truyện cổ tích, truyện trạng, truyện cười, truyện ngụ ngôn, hát ru và các biểu đạt khác được chuyển tải bằng lời nói hoặc ghi chép bằng chữ viết; Nghệ thuật trình diễn dân gian bao gồm âm nhạc, múa, hát, sân khấu và các hình thức trình diễn dân gian khác; Tập quán xã hội, bao gồm luật tục, hương ước, chuẩn mực đạo đức, nghi lễ và các phong tục khác; Lễ hội truyền thống; Nghề thủ công truyền thống; Tri thức dân gian, bao gồm tri thức về thiên nhiên, đời sống con người, lao động sản xuất, y, dược học cổ truyền, ẩm thực, trang phục và các tri thức dân gian khác) thu thập, khảo sát được trong quá trình nghiên cứu. Bảng cung cấp các thông tin cơ bản như: Tên giá trị văn hóa; Chủ thể văn hóa; Địa điểm; Khái quát hiện trạng giá trị văn hóa.

Bản miêu tả giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số cung cấp thông tin bổ sung về các giá trị văn hóa như: Quá trình ra đời, tồn tại và giá trị đối với đời sống cộng đồng; Hình thức biểu hiện, quy trình thực hành các giá trị văn hóa này.

Các sản phẩm của đề tài đã được chuyển giao, phổ biến tới các khoa chuyên môn của Nhà trường. Kết quả của đề tài tạo thêm nguồn tư liệu tham khảo cho các giảng viên nghiên cứu, bổ sung trong quá trình giảng dạy chương trình Trung cấp lý luận chính trị và các chương trình bồi dưỡng khác do Nhà trường đảm nhiệm. Trên cơ sở dữ liệu thu thập được, các giảng viên có điều kiện mở rộng, tìm hiểu thêm về các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số tại các địa phương khác trong tỉnh để vận dụng vào hoạt động giảng dạy; sử dụng các thông tin thu được từ kết quả khảo sát vận dụng phù hợp vào bài giảng, đáp ứng yêu cầu gắn lý luận với thực tiễn của việc giảng dạy lý luận chính trị. Đồng thời, việc triển khai nghiên cứu đề tài cũng trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy và năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên Nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ đạt chuẩn mức độ 1 vào năm 2025; đạt chuẩn mức độ 2 vào năm 2030.

H.V.B

MÔ HÌNH SẢN XUẤT VÀ NUÔI THƯƠNG PHẨM CÁ NHEO MỸ TẠI PHÚ THỌ

Nguyễn Vượng

Cá Nheo Mỹ là loài cá da trơn, loài cá bản địa của châu Mỹ, phân bố phía nam Canada và phía đông Bắc Mỹ cũng như phía bắc của Mexico. Ngày nay, cá Nheo Mỹ đã có mặt ở trên 35 quốc gia trên thế giới. Ở Việt Nam, cá Nheo Mỹ thường gọi là cá Lăng đen, được người dân nhập giống từ Trung Quốc về nuôi trong thời gian gần đây. Loài cá này rất thích nghi với điều kiện sống ở Việt Nam từ đó đã thể hiện nhiều ưu điểm tốc độ tăng trưởng khá nhanh, ít bị bệnh dịch, thịt cá chắc thơm, ngon… do đó được người nuôi, người tiêu dùng ưa chuộng.

Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, việc nuôi cá lồng trên sông những năm gần đây phát triển khá mạnh với đối tượng nuôi chủ yếu là các loài cá truyền thống như: cá diêu hồng, rô phi, chép và trắm cỏ. Tuy nhiên với các loài cá truyền thống khi tiêu thụ ngày càng bị mất giá, giá cả bấp bênh thì việc chuyển đổi sang đối tượng nuôi mới là rất cần thiết. Cá Nheo Mỹ là một trong các giống cá đã trở thành đối tượng nuôi lồng được nhiều người dân lựa chọn bởi khả năng thích nghi, sinh trưởng, năng suất và giá cả ổn định từ đó đem lại hiệu quả kinh tế cho người nuôi.

Năm 2020, được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ phê duyệt triển khai dự án: "Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất và nuôi thương phẩm cá Nheo Mỹ tại Phú Thọ", Công ty cổ phần nghiên cứu và ứng dụng khoa học nông nghiệp Tây Bắc - đơn vị chủ trì dự án đã phối hợp cùng đơn vị chuyển giao Trung tâm Quốc gia giống Thủy sản nước ngọt miền Bắc, thuộc Viện Nghiên

Hình ảnh cá Nheo mỹ

cứu Nuôi trồng Thủy sản 1, Bộ NN&PTNT thực hiện chuyển giao, tiếp nhận các quy trình công nghệ và xây dựng các mô hình sản xuất giống, ương nuôi cá, nuôi thương phẩm cá Nheo Mỹ trong lồng phù hợp với điều kiện của tỉnh Phú Thọ. Mục đích triển khai mô hình là giúp người nuôi chủ động trong việc sản xuất giống; giảm thiểu được các chi phí phát sinh do quá trình nuôi tự phát gây ra, kiểm soát được quá trình nuôi, từ đó sẽ làm giảm tỷ lệ hao hụt, nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế.

Trên cơ sở tiếp nhận và chuyển giao thành công các công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm gồm: Công nghệ tuyển chọn, chăm sóc, nuôi vỗ đàn cá bố

mẹ Nheo Mỹ; Công nghệ chọn cá bố mẹ, kích thích sinh sản, thụ tinh và kỹ thuật ấp nở cá Nheo Mỹ; Công nghệ chăm sóc cá bột, kỹ thuật ương nuôi cá bột lên cá hương và từ cá hương lên cá giống; Công nghệ nuôi thương phẩm, quản lý môi trường và phòng trừ dịch bệnh cá Nheo Mỹ nuôi trong lồng. Kết quả sau 03 năm triển khai thực hiện, dự án đã đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ cho kỹ thuật viên của đơn vị để nắm vững kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá nheo mỹ trong lồng.

Về xây dựng mô hình điểm về sản xuất cá giống và nuôi thương phẩm, đơn vị chủ trì đã xây dựng, cải tạo, nâng cấp nhà xưởng phục vụ cho sản xuất giống cá trên cơ sở hạ tầng của Doanh nghiệp thuộc địa phận xã Cao Xá, Huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Cải tạo, nâng cấp hệ thống bể nhốt cá bố mẹ, hệ thống bể lọc, giàn ấp trứng,... gia cố lại hệ thống lồng nuôi hiện có theo yêu cầu kỹ thuật. Mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ cho quá trình sản xuất.

Công ty cổ phần nghiên cứu và ứng dụng khoa học nông nghiệp Tây Bắc đã đứng ra làm đơn vị chủ trì phối hợp với hộ nuôi cá lồng trên địa bàn xã Hùng Long, huyện Đoan Hùng cùng tham gia quá trình nuôi thương phẩm cá Nheo Mỹ trong điều kiện lồng bè trên sông Lô với quy mô 40 lồng. Trên cơ sở hạ tầng doanh nghiệp và các hộ dân hiện có, dự án đã gia cố, chỉnh sửa bổ sung lại các lồng nuôi, đầu tư đóng mới, chuẩn bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho nuôi lồng để phù hợp với tiêu chí, quy mô của công nghệ áp dụng trong dự án.

Hình ảnh cá giống được tạo ra từ dự án

Kết quả đạt được, dự án đã:

- Xây dựng mô hình sản xuất giống cá Nheo Mỹ.

+ Xây dựng được đàn cá bố mẹ với 1.000 cá thể (trong đó, 500 cá đực và 500 cá cái), kích cỡ trung bình >3kg/cá thể.

+ Cho sinh sản nhân tạo cá Nheo Mỹ với tỷ lệ thành thục sau nuôi vỗ >80%, tỷ lệ đẻ > 60%, tỷ lệ thụ tinh > 70%, tỷ lệ nở > 50%; ương nuôi từ cá bột lên cá hương và từ cá hương lên cá giống với tỷ lệ sống từ cá bột lên cá hương > 60%, tỷ lệ sống từ cá hương lên cá giống nhỏ> 70% và lên cá giống lớn (10-15g/cá thể) >75%.

+ Hàng năm sản xuất được trên >100.000 cá giống kích cỡ 10-15g/cá thể sau khoảng 100 ngày ương.

- Nuôi thương phẩm cá nheo mỹ trên sông Lô quy mô 40 lồng, đạt năng suất trung bình 5 tấn/lồng. Tổng sản lượng trên 200 tấn/40 lồng. Tỷ lệ sống đạt >85%, kích cỡ trung bình đạt >3kg/con. Tất cả cá thương phẩm của dự án đều đảm bảo vệ sinh ATTP.

- Dự án cũng đã Đào tạo 4 kỹ thuật viên và tập huấn cho 100 lượt người dân nắm bắt được về kỹ thuật sản xuất giống cá Nheo Mỹ; kỹ thuật chăm sóc và quản lý nuôi thương phẩm cá Nheo Mỹ trong lồng.

(Xem tiếp trang 54)

SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU ĐỊA PHƯƠNG, DÂY CHUYỀN CHẾ TẠO TRONG NƯỚC SẢN XUẤT SỨ THẤU QUANG CHẤT LƯỢNG CAO

ThS. Khổng Mạnh Tiến
Phó Chủ tịch Liên hiệp
các Hội KH&KT tỉnh Phú Thọ

Gần đây, trên thị trường xuất hiện các mặt hàng sứ mỹ nghệ với đường nét tạo hình, hoa văn tinh xảo, màu sắc bắt mắt và đặc biệt là có khả năng thấu quang, tạo nên vẻ đẹp lung linh khi có nguồn ánh sáng bên trong. Dòng sản phẩm này có tên Ngọc Đất Tổ.

Sản phẩm hàng hóa Ngọc Đất Tổ

Ông Phạm Văn Dũng - đại diện nhóm tác giả giải pháp "Sử dụng nguyên liệu tinh chế (Cao lanh, trường thạch, thạch anh …) khu vực huyện Thanh Sơn, huyện Thanh Thủy sản xuất Sứ thấu quang chất lượng cao góp phần bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên" - Đạt giải nhất Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Phú Thọ năm 2022 cho biết: Sứ thấu quang là sản phẩm độc đáo, có thể làm ra các vật dụng để trưng bày, làm đèn trang trí, đèn ngủ, khi bật điện lên ánh sáng xuyên qua lớp sương sứ tạo cho hình ảnh có chiều sâu, sống động đa chiều. Làm ra sứ thấu quang là cả một quá trình công phu; từ xử lý nguyên liệu, gia công tạo hình đến điều khiển nhiệt…, sản phẩm sứ thấu quang khá mỏng giúp thấu được ánh sáng ra ngoài để sản phẩm có độ trắng trong của cốt sứ, khi có ánh sáng thì các họa tiết chạm trổ, nét vẽ lại càng nổi bật, lung linh dưới ánh sáng huyền ảo.

Các nguyên liệu gốm sứ trong nước rất phong phú, đặc biệt tại vùng Thanh Sơn, Thanh Thủy. Tuy nhiên, các nguyên liệu trước đây khai thác, chế biến chưa đủ độ tinh nên không thể sử dụng để sản xuất các sản phẩm cao cấp. Muốn làm ra sản phẩm chất lượng cao, phần lớn phải

nhập khẩu nguyên liệu giá cao và không chủ động về nguồn hàng. Nếu sử dụng nguyên liệu thuộc loại tốt của thế giới như Cao lanh của Úc, Thạch anh và Trường Thạch của Ấn Độ thì việc tạo ra dòng gốm sứ thấu quang có giá thành không phù hợp với đời sống, thu nhập của đại bộ phận người dân. Bên cạnh đó, sản phẩm sứ thấu quang có giá trị cao về thẩm mỹ, nhu cầu trên thị trường ngày càng tăng, mà nguồn cung trong nước chưa thể đáp ứng. Hiện tại, trên thế giới mới có Trung Quốc, Ý, Tây Ban Nha… làm được sứ thấu quang trên quy mô công nghiệp. Ở Việt Nam, nhiều nhà máy, xưởng thủ công mỹ nghệ ở Thái Bình, Bình Dương, Hà Nội, Hải Dương đã thử làm nhưng đều chưa thực sự thành công và chưa thể sản xuất quy mô công nghiệp.

Để sản xuất sứ mỹ nghệ thấu quang cần chủ động nguồn nguyên liệu trong nước để thay thế nhập khẩu và phải sản xuất ở quy mô công nghiệp nhằm hạ giá thành sản phẩm.

Hệ thống thiết bị lọc rửa tinh chế cao lanh

Tìm hiểu kỹ thị trường và tiềm năng trong nước, Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Ngọc Đất Tổ đã mạnh dạn khảo sát, đánh giá nguồn nguyên liệu ở Thanh Sơn, Thanh Thủy và đi tới quyết định đầu tư dây chuyền tinh chế để thay thế nguyên liệu nhập khẩu; đồng thời tổ chức nghiên cứu bài phối, quy trình nung tạo ra các sản phẩm gốm sứ cao cấp, trong đó có sản phẩm sứ thấu quang, chất lượng cao từ nguyên liệu do chính công ty sản xuất.

Với mục tiêu đầu tư dây chuyền công nghệ chế biến Cao lanh, Trường thạch, Thạch anh… tại khu vực Thanh Sơn, Thanh Thủy tạo sản phẩm chất lượng cao thay thế nhập khẩu; đồng thời thiết kế dây chuyền sản phẩm sứ thấu quang chất lượng cao sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ do công ty sản xuất theo quy mô công nghiệp; nhóm tác giả Ngọc Đất Tổ tập trung giải quyết khâu thiết kế, chế tạo, lắp đặt chuyền công nghệ chế biến Cao lanh, Trường thạch, Thạch anh. Thiết bị của dây chuyền gồm: Máy nghiền bi cao nhôm, Máy nghiền liên tục đánh tan quặng, Sàng tĩnh lọc cát mịn, Vít vô tận tải cát thô, một phần Máy ép khung bản, Lò sấy Cao lanh, Trường thạch; Băng tải và cân các loại…

Đa số các máy móc, thiết bị được chế tạo ngay tại một đơn vị cơ khí trong tỉnh, phù

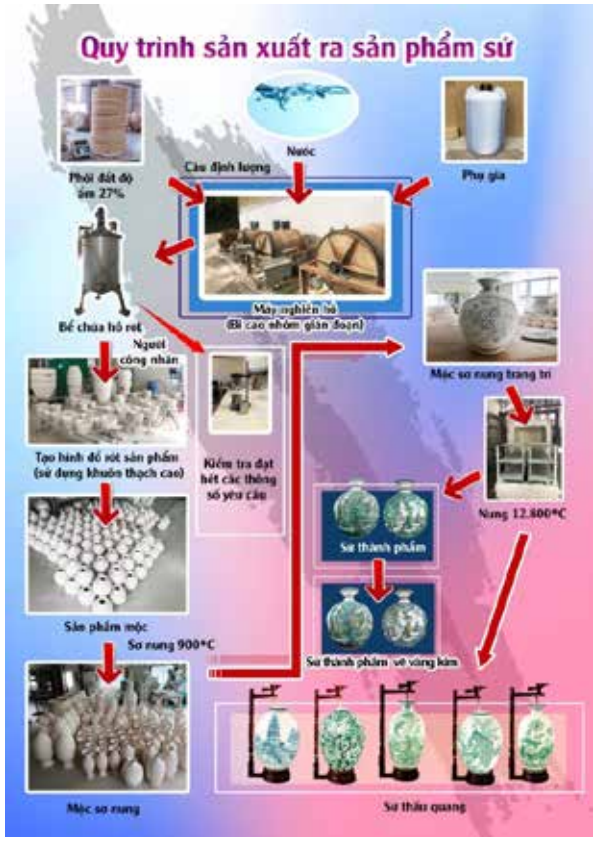

hợp với điều kiện sản xuất tại Việt Nam, phù hợp với nguyên liệu có sẵn tại địa phương; dễ dàng vận hành, thay thế, sửa chữa; chi phí chế tạo chỉ bằng 1/3 nhập khẩu. Chỉ có một số thiết bị phải nhập khẩu, gồm: Máy xúc các loại, Bơm xi lanh bằng gốm ở máy ép khung bản, Nam châm điện các loại, Máy tách màu để tách Trường thạch, Thạch anh.

Trong thời gian ngắn, Công ty đã thiết kế, gia công chế tạo và lắp đặt thành công 4 dây chuyền sản xuất nguyên liệu, gồm: Dây chuyền chế biến Cao lanh, dây chuyền chế biến Trường thạch, dây chuyền chế biến Thạch anh và dây chuyền chế biến phối liệu sứ. Với các dây chuyền, thiết bị đầu tư, Công ty có thể tự sản xuất nguyên liệu với chất lượng tương đương nhập ngoại. Đây là yêu tố "đầu vào" quan trọng, quyết định đến chất lượng và giá thành sản phẩm sứ.

Vấn đề thứ hai Công ty phải giải quyết là thiết kế dây chuyền sản xuất sứ thấu quang chất lượng cao sử dụng nguồn nguyên liệu sản xuất tại chỗ theo quy mô sản xuất công nghiệp. Trước hết là nghiên cứu, thử nghiệm. Từ tháng 9 - 2019, dựa trên dây chuyền tinh chế hiện đại, Công ty sản xuất ra các nguyên liệu đạt tiêu chuẩn về thành phần Al_2O_3, Fe_2O_3, SiO_2, K_2O, Na_2O, TiO_2 trong Cao lanh, Thạch anh, Trường thạch đều tương đương với các nguyên liệu nhập khẩu từ Úc, Ấn Độ.,

Nguồn nguyên liệu sẵn có chất lượng cao là nền tảng để Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Ngọc Đất Tổ tiếp tục nghiên cứu bài phối, quy trình nung tạo ra các sản phẩm gốm sứ cao cấp; trong đó có sản phẩm sứ thấu quang chất lượng cao: Độ thấu quang tốt đều, không sụt lún, móp méo, biến dạng.

Đến tháng 6 - 2022, sau quá trình thử nghiệm và đánh giá cẩn thận, Công ty sử dụng 98% nguyên liệu nội địa hiện có tại Thanh Sơn, Thanh Thủy đưa vào sản xuất thành công hàng loạt sản phẩm sứ thấu quang. Sứ thấu quang Ngọc Đất Tổ có xương đất cao cấp, nung trên 1280 độ C đảm bảo độ sáng trong, không còn tạp chất kim loại độc hại cho men sáng trong và bóng. Qua thử nghiệm cho thấy, nguyên liệu càng tốt, sản phẩm càng tinh thì khả năng thấu quang càng tốt!

Từ kết quả nghiên cứu thử nghiệm, Công ty tiến tới thiết kế dây chuyền sản xuất theo quy mô công nghiệp, cho ra đời số lượng lớn sản phẩm được thị trường chấp nhận.

Từ các nguyên liệu bắt nguồn từ quặng Cao lanh và Trường thạch vùng Thanh Sơn, Thanh Thủy, Công ty Ngọc Đất Tổ đã tạo ra được sản phẩm sứ thấu quang chất lượng cao, không kém gì so với các sản phẩm ngoại nhập với giá thấp hơn gấp nhiều lần. Việc áp dụng quy trình chế biến sâu giúp tạo ra các nguyên liệu đáp ứng được các yêu cầu khắt khe trong việc sản xuất sứ thấu quang nói riêng và nhiều loại sản phẩm cao cấp khác hiện đang phải

nhập khẩu nguyên liệu nước ngoài như: Cao lanh dùng cho sơn, Trường thạch dùng cho nấu thủy tinh cao cấp, Thạch anh làm sơn, làm gạch cao cấp…

Nhóm tác giả còn nghiên cứu thành công việc tiết giảm chi phí năng lượng trong sản xuất gốm sứ với các giải pháp như: Lựa chọn lò nung với kết cấu vỏ lò bằng bông gốm, ép thành tấm panen; cải tiến hệ tấm kê, trụ đỡ chất lượng cao, mỏng, nhẹ nhằm tiết kiệm lượng năng lượng tối đa; Đầu tư buồng sấy mộc tận dụng nhiệt khói thải lò nung để sấy khô triệt để mộc, rút ngắn thời gian dấm sấy khi nung và xây dựng mô hình kết hợp thành cụm lò nung để tận dụng tối đa nhiệt thải của các lò.

Sứ thấu quang được sản xuất từ thứ đất sét trắng tinh luyện, nung ở nhiệt độ cao - một loại sứ xuyên sáng được hình thành và làm từ chất liệu cao cấp để sản phẩm sứ thấu quang Ngọc Đất Tổ mang sắc trắng tinh khôi từ xương đất, các tạp chất độc hại đều được khử sạch do nung ở nhiệt độ cao. Chính vì vậy mà người tiêu dùng tin tưởng và sử dụng sản phẩm sứ thấu quang Ngọc Đất Tổ để đảm bảo sức khỏe.

Nói về tính mới, tính sáng tao của giải pháp, ông Phạm Văn Dũng - đại diện nhóm tác giả khẳng định: - Giải pháp này lần đầu tiên được nghiên cứu sản xuất và ứng dụng tại Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Ngọc Đất Tổ và chưa từng có sản phẩm nào triển khai theo phương án của nhóm tác giả chúng tôi. Giải pháp được thiết kế hoàn toàn dựa trên hiện trạng, chất lượng nguyên vật liệu sẵn có của các địa phương trên địa bàn huyện Thanh Sơn và huyện Thanh Thủy, thay thế nguyên liệu nhập ngoại. Tính sáng tạo được thể hiện ở chỗ, các nguồn nguyên liệu sử dụng được tinh chế từ quặng tại địa phương với tỷ lệ thu hồi cao. Bã cao lanh trước đây chỉ bán làm gạch ốp lát, làm cát, nay nhờ tinh chế tạo ra Thạch anh cao cấp; Trường thạch trước đây cũng chỉ dùng cho sản xuất gạch sứ vệ sinh, nay do tinh chế đã thay thế hàng nhập từ Ấn Độ.

Với tổng thể các giải pháp, Công ty đã làm ra sản phẩm sứ thấu quang chất lượng cao với giá bằng 1/10 ngoại nhập, bằng 1/5 các sản phẩm trong nước nhưng chất lượng tốt hơn hẳn. Việc áp dụng công nghệ mới, hiện đại và thân thiện với môi trường đã cho ra đời sản phẩm an toàn với sức khỏe người tiêu dùng, dễ dàng ứng dụng làm đèn ngủ và vật trang trí trong nhiều không gian nội thất khác nhau. Đặc biệt, tất cả các chi tiết trên sản phẩm được nghệ nhân lành nghề vẽ hoàn toàn thủ công, họa tiết sắc nét, hình ảnh độc đáo, có hồn. Không những thế, mỗi họa tiết vẽ trên sản phẩm đều mang ý nghĩa phong thủy, nghệ thuật khác nhau; đều gắn với một câu chuyện mà qua đó, người sử dụng có thể khám phá, chạm tới thế giới của những điển tích, truyền thuyết, nét văn hóa truyền thống vô tận.

Nước ta có nguồn tài nguyên Silicat phong phú: Trường thạch chất lượng cao tại Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai; Cao lanh đặc biệt cao cấp tại Thanh Sơn, Thanh Thủy tỉnh Phú Thọ và các tỉnh Lâm Đồng, Hà Giang…Đi kèm quặng cao lanh tốt là nguồn Thạch anh có chất lượng rất cao. Với dây chuyền máy móc, thiết bị cải tiến, tối ưu hóa sản xuất và công nghệ tinh lọc nguyên liệu đạt tỷ lệ thu hồi cao, Công ty Ngọc Đất Tổ có lợi thế rất lớn trong việc kinh doanh nguyên vật liệu trong nước và xuất khẩu. Hiện tại quy mô sản xuất sứ thấu quang tại Công ty Ngọc Đất Tổ với công suất 600 sản phẩm/tháng, cho tỷ lệ thu hồi 85% - một tỷ lệ rất cao đối với sản phẩm khó tính này. Với quy mô sản xuất công nghiệp, Công ty sẵn sàng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước về số lượng, chất lượng và giá cả.

(Xem tiếp trang 43)

ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG SẢN XUẤT RAU AN TOÀN TẠI TỈNH PHÚ THỌ

Tiến Dũng

Việt Nam là nước có nền nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, đứng TOP đầu về xuất khẩu rau, củ, quả trên thế giới. Nhưng có một nghịch lý là, hằng ngày hơn 90 triệu người dân nước ta đang gặp khó khăn trong việc tìm các loại rau, quả sạch trên thị trường nông sản cho mỗi bữa cơm gia đình. Vì vậy, trồng rau an toàn là một việc làm hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Ảnh minh họa

Sản xuất rau an toàn là một ngành mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân, có thể gấp 3-4 lần so với trồng lúa trên cùng một đơn vị diện tích. Với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng phù hợp, tỉnh Phú Thọ có thể trồng quanh năm nhiều chủng loại rau. Ngành trồng rau thu hút một lượng lớn lao động và tạo thêm thu nhập cho người dân qua việc phát triển ngành chế biến và dịch vụ.

Trước tình hình đó, Công ty TNHH Hoàng Bảo Phú Thọ đã triển khai thực hiện dự án: "Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất rau an toàn tại tỉnh Phú Thọ", dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi do Trung ương quản lý. Dự án được triển khai từ năm 2020 với mục tiêu là ứng dụng thành công các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất rau an toàn theo chuỗi giá trị, góp phần hình thành và phát triển vùng sản xuất rau an toàn của tỉnh Phú Thọ.

Kết quả sau 3 năm triển khai, dự án đã tiến hành khảo sát bổ sung và lựa chọn công nghệ, lựa chọn bộ phù hợp để xây dựng mô hình thực hiện dự án; Dự án đã tiến hành hỗ trợ ứng dụng chuyển giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ, tiến bộ kỹ thuật; Dự án cũng xây dựng thành công các mô hình: Quy hoạch, thiết kế và xây dựng khu công nghệ cao sản xuất rau an toàn quy mô 5,5 ha; Xây dựng mới nhà màng diện tích 10.000 m^2 theo công nghệ nhà màng kín, có hệ thống thông gió, theo mẫu chuẩn NGMA của Mỹ; Dự án đã xây dựng thành công 03 mô hình sản xuất rau quả an toàn trong nhà màng: mô hình sản xuất cà chua an toàn trong nhà màng quy mô 2 ha, sản lượng cà chua đạt 163,522 tấn; mô hình sản xuất dưa chuột trong nhà màng quy mô 1,2 ha, sản lượng 79,258

tấn quả dưa chuột; mô hình sản xuất măng tây an toàn trong nhà màng quy mô 0,5 ha, sản lượng là 12,339 tấn măng tây. Dự án xây dựng thành công 04 mô hình sản xuất rau quả an toàn ngoài nhà màng: Mô hình sản xuất cà chua an toàn ngoài đồng ruộng quy mô 2 ha, sản lượng cà chua đạt 139,896 tấn; mô hình sản xuất củ cải ngoài đồng ruộng quy mô 0,9 ha, sản lượng đạt 53,662 tấn củ; mô hình sản xuất ớt ngoài đồng ruộng quy mô 0,4 ha, sản lượng đạt 12,195 tấn quả; mô hình sản xuất măng tây an toàn ngoài đồng ruộng quy mô 2 ha, sản lượng đạt 40,842 tấn. Dự án đã xây dựng mô hình sơ chế và bảo quản sản phẩm rau củ quả quy mô 150 m^2, công suất 10.000 tấn/năm; Xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, … Đào tạo cho 10 cán bộ kỹ thuật của đơn vị chủ trì và 150 lượt người dân vùng dự án về kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản rau, quả an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP.

Sản phẩm của dự án đáp ứng một phần nhu cầu cung cấp rau an toàn chất lượng cao của thị trường, giúp nông dân giảm chi phí sản xuất, tạo việc làm cho lao động nông thôn, cải thiện kinh tế hộ gia đình, hạn chế ô nhiễm môi trường sống, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Thay đổi tư duy sản xuất đơn lẻ thành phương thức liên kết sản xuất nâng cao sự kết nối trong cộng đồng, góp phần đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn.

Kết quả của dự án là cơ sở để mở rộng diện tích sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao, trên cơ sở khai thác tốt nhất những lợi thế của vùng về điều kiện tự nhiên, nguồn lực sản xuất phù hợp với trình độ kỹ thuật và điều kiện kinh tế của người nông dân để thúc đẩy phát triển sản xuất rau an toàn chất lượng cao trở thành một trong những mặt hàng nông nghiệp có hiệu quả kinh tế cao, tạo sinh kế bền vững, ổn định cho người sản xuất và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế vùng dự án.

T.D

SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU ĐỊA PHƯƠNG.....

(Tiếp theo trang 41)

Sứ thấu quang là dòng sứ cực kỳ mỏng, chất sứ rất tinh khiết, phải đạt tới khả năng ánh sáng đèn có thể xuyên qua được lớp sứ nên có thể cùng làm đèn ngủ, trang trí kết hợp với không gian nội thất trong nhà hay văn phòng. Sản phẩm đa dạng, tính ứng dụng cao, tiềm năng phát triển đáp ứng xu hướng thị hiếu người tiêu dùng hiện tại và tương lai. Sản phẩm sản xuất đồng đều và có tính thương mại cao.

Dây chuyền được thiết kế và chế tạo trong nước, nguyên liệu tại chỗ thay thế nguyên liệu nhập và quy mô sản xuất công nghiệp đã hạ giá thành sản phẩm tới 40% nên hiệu quả kinh tế cao hơn, tạo ra sức cạnh tranh cho Ngọc Đất Tổ. Thêm nữa, với nguyên liệu, dây chuyền thiết bị và công nghệ phù hợp mà tỷ lệ thu hồi nguyên liệu tinh, tỷ lệ thu hồi sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao và giảm thiểu chất thải, khí thải ra môi trường... Sản phẩm Ngọc Đất Tổ đã góp phần làm đẹp các không gian sống, góp phần tạo ra các giá trị mới. Những lọ hoa, đèn thấu quang cỡ lớn được đặt trang trí làm cho phòng khách, phòng làm việc, phòng trưng bày thêm ấn tượng. Đèn sứ cỡ trung có thể đặt trong phòng ngủ; đèn thấu quang cỡ nhỏ được ứng dụng làm các mẫu đèn xông tinh dầu, đốt tinh dầu giúp khử mùi không khí, thư giãn tinh thần, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe chúng ta.

K.M.T

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH PHÚ THỌ THỰC HIỆN TỐT CÁC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ

ThS. Nguyễn Thị Kim Sự
Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ

Cùng với giảng dạy, nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của cán bộ, giảng viên Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ, nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Những năm qua, công tác nghiên cứu khoa học ở Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ được tổ chức, thực hiện tốt. Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường luôn chú trọng tới công tác nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng công tác chuyên môn của cán bộ, giảng viên thông qua việc tổ chức những hoạt động thiết thực như: thao giảng, dự giờ, nghiên cứu thực tế, đăng ký và thực hiện đề tài khoa học cấp cơ sở, viết bài đăng Website, bản tin thông tin lý luận và thực tiễn, các báo và tạp chí phục vụ nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường. Trong đó, việc đăng ký, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở là một trong những nhiệm vụ quan trọng, nhằm tiến tới xây dựng trường chính trị tỉnh Phú Thọ đạt chuẩn mức 1 năm 2025, mức 2 năm 2030.

Hội nghị nghiệm thu đề tài KH&CN cấp cơ sở năm 2023

Ngay từ tháng cuối của của năm trước, Phòng Quản lý đào tạo và Nghiên cứu khoa học đã tham mưu cho Ban Giám hiệu Nhà trường chỉ đạo các khoa, phòng và cá nhân đề xuất, đăng ký tên đề tài và sáng kiến kinh nghiệm. Trên cơ sở đăng ký của các khoa, phòng và cá nhân, Hội đồng khoa học Nhà trường tổ chức thẩm định tên đề tài một cách khách quan, chính xác, khoa học. Sau khi được phê duyệt, các khoa, phòng, nhóm đề tài nghiên cứu, xây dựng thuyết minh, viết báo cáo tổng hợp, nghiệm thu, nộp sản phẩm khoa học để lưu trữ, thanh, quyết toán theo quy định của Nhà trường.

Việc lựa chọn cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu đề tài và dự kiến mức kinh

phí phù hợp cũng được Nhà trường chú trọng, nhằm khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu đề tài khoa học; quan tâm, chỉ đạo và xin hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách khoa học của tỉnh để thực hiện các đề tài có tính ứng dụng thực tiễn, trực tiếp phục vụ nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường.

Năm 2022 vừa qua, Nhà trường thực hiện 05 đề tài khoa học cấp cơ sở, trong đó có 01 đề tài được hỗ trợ ngân sách khoa học tỉnh. Nội dung của các đề tài đã bám sát nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, đưa ra các giải pháp thiết thực để nghiên cứu xây dựng đề án "Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ đáp ứng yêu cầu tiêu chí trường chính trị chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương"; giải quyết những vấn đề thực tiễn ở địa phương, đưa ra được những giải pháp, hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao vai trò lãnh đạo của các cấp chính quyền để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn thành phố Việt Trì; Nghiên cứu, xây dựng đề án "Nâng cao chất lượng hoạt động trang TTĐT Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ"; Nhiều đề tài đã bám sát các nghị quyết của Đảng, Đảng bộ tỉnh Phú Thọ, chương trình, giáo trình của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, cũng như vấn đề thực tiễn đang đặt ra để xây dựng các bộ bài tập tình huống của các môn học trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị…

Nội dung và kết cấu của các đề tài được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Phòng Quản lý đào tạo và Nghiên cứu khoa học, thể hiện ý thức, trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu trong quá trình thực hiện. Đây chính là kết quả của quá trình nghiên, đầu tư công sức, trí tuệ, thời gian và kinh phí. Do vậy, năm 2022 tất cả các đề tài đều được các Hội đồng nghiệm thu đánh giá xếp loại Xuất sắc và được Chủ tịch Hội đồng khoa học trường ký phê duyệt kết quả đề tài đưa vào ứng dụng trong công tác giảng dạy và học tập.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc thực hiện và ứng dụng kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp cơ sở của Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ những năm qua vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: một số ít đề tài khả năng ứng dụng chưa cao; nguồn kinh phí chi cho công tác nghiên cứu khoa học còn thấp.

Năm 2023, Hội đồng khoa học nhà trường đã phê duyệt thực hiện 06 đề tài nghiên cứu khoa học cơ sở, 03 đề tài cấp khoa. Nội dung các đề tài tập trung nghiên cứu biên soạn một số báo cáo chuyên đề phục vụ giảng dạy các lớp chuyên viên, chuyên viên chính; Xây dựng lộ trình Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ đạt chuẩn mức 1 năm 2025 và chuẩn mức 2 năm 2030; Xây dựng chương trình, đề xuất địa điểm nghiên cứu thực tế cho các lớp Trung cấp Lý luận chính trị và các lớp bồi dưỡng; Xây dựng bộ tài liệu hỏi đáp một số môn học trong Chương trình Trung cấp lý luận chính trị. Trong đó, có 01 đề tài xin hỗ trợ ngân sách khoa học của tỉnh. Các đề tài đang trong thời gian nghiên cứu, đã xây dựng và thẩm định thuyết minh xong, đang thực hiện các bước tiếp theo để nghiệm thu đúng theo kế hoạch đã đề ra.

Để thực hiện tốt Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư "về trường chính trị chuẩn", nhằm nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học, trong thời gian tới, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu về công

(Xem tiếp trang 69)

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Hương Loan
Trường Đại học Hùng Vương

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh thế giới bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.0, phát triển hoạt động khoa học công nghệ (KHCN) trở thành một chiến lược đột phá không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều quốc gia trên thế giới. Từ đó, đòi hỏi chất lượng hoạt động NCKH ở các trường đại học (ĐH) cần phải thực sự được nâng cao hơn so với hiện nay. Trong những năm gần đây, tuy chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) đã được các trường đại học, các GV quan tâm và cải thiện tích cực hơn so với giai đoạn trước (từ năm 2014-2018 kết quả NCKH của Việt Nam được công bố trên các tạp chí quốc tế tăng gấp hơn 2 lần) nhưng vẫn còn một số bất cập, tồn tại ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động này. Vì vậy, cần có nghiên cứu chỉ rõ một số vấn đề bất cập tồn tại đối với hoạt động NCKH trong trường đại học và gợi ý các giải pháp phù hợp mới có thể nâng cao chất lượng hoạt động NCKH trong trường đại học, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển KH&CN của trường, của địa phương và đất nước trong bối cảnh hiện nay

2. Vai trò của hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường Đại học

Giáo dục đại học luôn giữ một vai trò hết sức quan trọng trong việc tạo ra nguồn tri thức mới cho sự phát triển của xã hội, vốn là nền tảng bền vững cho sự phát triển của mọi quốc gia. Đối với bất kỳ quốc gia nào trên thế giới, một xã hội văn minh luôn cần một nền giáo dục đại học tiên tiến, tạo ra những con người có tri thức, năng lực hoạt động nghề nghiệp, giàu sức sáng tạo.

Vì vậy, hoạt động NCKH trong trường đại học nói riêng và trong các cơ sở giáo dục nói chung luôn được Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền quan tâm, tạo điều kiện phát triển. Hội nghị TW2 khóa VIII đã xác định khoa học và công nghệ phải gắn với giáo dục-đào tạo: “Cùng với giáo dục-đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu ”. Văn kiện đại hội XI nêu rõ: “Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững”.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ: “Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức khoa học, các trường đại học, các doanh nghiệp thuộc mỗi thành phần kinh tế và cá nhân được tổ chức các hoạt động nghiên cứu, triển khai, được đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, quyền công bố, trao đổi, chuyển giao, chuyển nhượng kết quả nghiên cứu theo quy định của luật pháp”. Tuy nhiên, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ ra rằng “Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”. Đồng thời, Nghị quyết cũng nêu lên một trong những đột phá chiến lược là “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn

với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

Điều 9 Luật Khoa học và công nghệ (2022) đã quy định Cơ sở giáo dục đại học được tổ chức theo quy định của Luật Giáo dục đại học là một tổ chức khoa học và công nghệ.

Điều 12 Luật Giáo dục Đại học (2018) về chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục đại học có đề cập đến "Gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của thị trường, nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; có chính sách ưu đãi về thuế cho các sản phẩm khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học; khuyến khích cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tiếp nhận, tạo điều kiện để người học và giảng viên (GV) thực hành, thực tập, NCKH và chuyển giao công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo".

Những văn bản quy phạm pháp luật trên đã khẳng định vai trò to lớn của hoạt động NCKH trong giáo dục-đào tạo và trong sự phát triển kinh tế-xã hội. Nhất là trong cơ sở giáo dục đại học thì hoạt động NCKH là một hoạt động vô cùng quan trọng, song hành và gắn bó mật thiết với hoạt động đào tạo.

Giáo dục đại học là quá trình truyền thụ kiến thức, trong đó sự tham gia của đối tượng được truyền thụ có vai trò rất quan trọng. Và cùng với học trò, người thầy một lần nữa tiếp thu những kiến thức mà chính mình đang truyền thụ. Có thể nói, đó là quá trình truyền thụ-tiếp thu kiến thức một cách chủ động và sáng tạo. Chính vì vậy, để thực hiện được sứ mệnh của mình, người thầy dạy đại học (có phần khác với người thầy trung học) bắt buộc gắn công việc giảng dạy với nghiên cứu NCKH. Lịch sử nhân loại đã cho thấy, tuyệt đại đa số các phát minh khoa học đã được thực hiện trong các phòng thí nghiệm của trường đại học và hầu như không một nhà khoa học lớn nào lại không phải là giáo sư (giảng viên) đại học. Bên cạnh đó, sinh viên (SV) đại học vừa là người học, vừa là người NCKH ở các cấp độ khác nhau. Đó là truyền thống hàng trăm năm của trường đại học và hiện nay vẫn tỏ ra hợp lý và có hiệu quả.

Hoạt động NCKH là hoạt động phát triển nguồn nhân lực trong các trường đại học. Giảng viên có điều kiện tự học, tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức để khẳng định năng lực tổ chức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Sinh viên được rèn luyện khả năng tư duy sáng tạo, học tập phương pháp luận khoa học, làm quen và có kĩ năng sử dụng các trang thiết bị hiện đại, hình thành năng lực hoạt động khoa học độc lập.

Hoạt động NCKH đóng góp khoảng 30% trong việc khẳng định chất lượng, thương hiệu các trường đại học, có sự thay đổi khác nhau trong một số bảng xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học khác nhau.

Qua nhiều năm đổi mới, giáo dục đại học Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Quy mô đào tạo đại học tăng nhanh với việc mở rộng mạng lưới các trường, đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Đội ngũ GV có sự phát triển nhanh chóng về số lượng và chất lượng; điều kiện dạy và học

	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng
Bài báo WoS (ISI) của các CSGDĐH	2.107 (41,1%)	2.856 (47,1%)	3.994 (53,4%)	6.072 (61,4%)	7.502 (69,1%)	22.531 (57,2%)
Bài báo WoS (ISI) của cả nước	5.131	6.063	7.480	9.884	10.850	39.408
Bài báo SCOPUS của các CSGDĐH	4.735 (81,2%)	5.878 (88,2%)	8.648 98,2%)	13.722 (88%)	19.888 (92,4%)	52.871 (90,5%)
Bài báo SCOPUS của cả nước	5.833	6.662	8.807	15.594	21.530	58.426

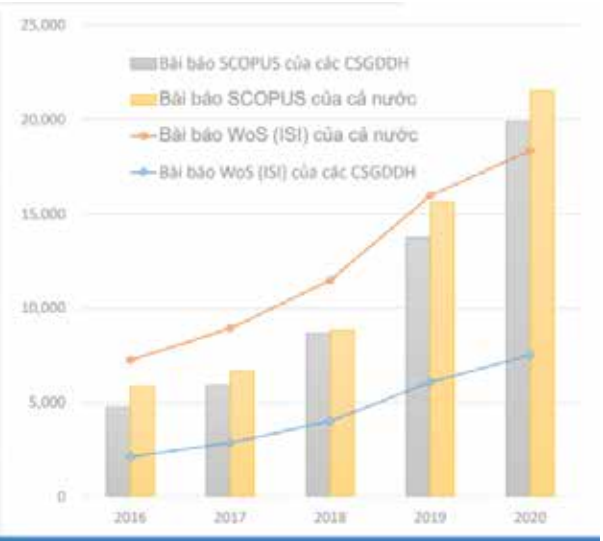

Hình 1. Tỉ trọng các công bố quốc tế xuất phát từ các cơ sở giáo dục đại học (2016-2020)

ở các trường đại học đã có nhiều cải thiện đáng kể. Thực tế hiện nay, trường đại học vẫn là nơi đóng góp số lượng lớn công bố khoa học trong hệ thống các tổ chức khoa học công nghệ của Việt Nam. Đặc biệt, các công bố quốc tế có uy tín xuất phát từ trường đại học chiếm tỉ lệ rất lớn (ưu thế).

3. Một số bất cập và hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học có chất lượng trong trường Đại học

3.1. Bất cập và hạn chế về môi trường hoạt động nghiên cứu khoa học trong trường đại học

Hiện nay, môi trường hoạt động NCKH ở nhiều trường đại học chưa được cải tiến nhiều để hoạt động NCKH phát triển; Chính sách quản lí, hỗ trợ, đầu tư, khuyến khích, khen thưởng, bồi dưỡng đội ngũ nhà khoa học để phát triển NCKH của một số trường đại học vẫn còn ít nhiều bất cập. Thủ tục đấu thầu, phê duyệt, lập dự toán và thanh toán các đề tài, dự án nghiên cứu chưa thuận tiện và còn mất nhiều thời gian nên chưa khai thác tốt tiềm năng KHCN;

Mô hình, cơ cấu tổ chức và quy mô đội ngũ GV của các trường đại học của Việt Nam còn nhỏ và thiếu sự phối hợp liên ngành, nên chưa phát huy được các ưu điểm và tiềm lực KHCN trong hoạt động NCKH so với mô hình đại học đa ngành (university) của thế giới. Vì thế, các trường ĐH của chúng ta rất khó cạnh tranh trong các bảng xếp hạng ĐH quốc tế.

Thực tiễn cho thấy, nhiều trường đại học của Việt Nam chưa thực sự gắn kết đào tạo sau đại học với hoạt động NCKH của nhà trường. Các học viên cao học và nghiên cứu sinh (NCS) là nguồn nhân lực KHCN chưa được các trường ĐH quan tâm khai thác để tăng cường hoạt động NCKH của nhà trường; chưa gắn kết đào tạo sau đại học, đại học với hoạt động NCKH và thực tiễn ứng dụng KH&CN tại các địa phương, doanh nghiệp. Các hoạt động NCKH của học viên và NCS chủ yếu nằm trong chương trình đào tạo, các hoạt động NCKH ngoại khoá còn tương đối hạn chế. Thực tế hiện nay, thời gian, sức lực của GV các trường ĐH phần lớn dành cho đào tạo, còn phần NCKH đều được xếp sau. Tại nhiều trường đại học, phần NCKH rất mờ nhạt, mà thời gian phần lớn dành để bàn về quy chế tuyển sinh, đào tạo quá nhiều...".

Trong hoạt động NCKH sự hợp tác giữa các trường ĐH trong nước còn hạn chế, chưa khai thác được tốt tiềm năng KHCN của các trường đại học trong hoạt động chung. Hoạt động hợp tác quốc tế trong khoa học còn rất khiêm tốn. Sự hợp tác giữa các trường đại học và các doanh nghiệp về KHCN và ứng dụng kết quả nghiên cứu chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

3.2. Bất cập và hạn chế trong hoạt động nghiên cứu của giảng viên đại học

Thực tiễn cho thấy, có khá nhiều bất cập và hạn trong hoạt động NCKH của GV đại học, chủ yếu thể là:

Nhận thức của một số GV chưa đúng và đầy đủ vai trò, lợi ích của các hoạt động NCKH đối với bản thân, nhà trường cũng như trách nhiệm trong công tác NCKH. Một số GV thường có tâm lí e ngại tham gia NCKH. Tại một số trường ĐH, các GV chưa có kinh nghiệm hoặc ít kinh nghiệm NCKH thường né tránh hoạt động NCKH bằng cách tập trung vào giảng dạy, lấy giờ giảng quy đổi sang giờ NCKH để không phải tham gia NCKH. Không ít GV nhiều năm chưa hoàn thành định mức giờ NCKH theo quy định chung.

Nhiều GV ĐH chưa thực sự nghiêm túc, say mê với hoạt động NCKH, nên tình trạng GV ĐH tham gia NCKH mang tính chất đối phó để cho có đủ giờ NCKH theo quy định còn khá phổ biến (dẫn tới chất lượng NCKH chưa tốt). Nhất là trong bối cảnh hầu hết hoạt động khoa học chưa hoặc không đem lại nguồn thu nhập cho GV.

Một số GV đại học còn tương đối hạn chế về năng lực NCKH. Tỉ lệ GV có trình độ tiến sĩ (đủ điều kiện thực hiện NCKH độc lập) còn ít, đặc biệt ở các trường đại học địa phương, đại học định hướng ứng dụng.

Sự gắn kết giữa nghiên cứu và giảng dạy còn thấp. Một số GV theo đuổi hướng nghiên cứu khác xa với môn học do mình đảm nhiệm, nên việc thực hiện nghiên cứu nhằm bổ trợ cho nội dung giảng dạy chưa đem lại kết quả, nhiều GV ít cập nhật các kết quả nghiên cứu vào nội dung giảng dạy.

Một số GV có năng lực NCKH tốt nhưng chưa phát huy hết tiềm năng, do thiếu thời gian dành cho nghiên cứu. Nhu cầu và quy mô các hoạt động đào tạo của trường lớn, GV được phân công giảng dạy hoặc các hoạt động khác quá nhiều (hoạt động đoàn thể của trường và khoa, quản lí SV...); thiếu thời gian dành cho hoạt động NCKH, đồng thời môi trường NCKH ít được cải tiến cũng là nguyên nhân làm giảm động lực nghiên cứu của GV.

Một vài khía cạnh phản ánh thực trạng trên là, nhiều GV đại học còn hạn chế trong việc đăng các công bố khoa học trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế, đặc biệt là tỷ lệ GV có công bố trên các tạp chí quốc tế ISI-SCOPUS còn rất khiêm tốn; Một số GV là đồng tác giả đứng tên trong đề tài KH&CN hoặc bài báo khoa học và có hoàn thành giờ NCKH theo quy định, nhưng mức độ tham gia vào công trình nghiên cứu chưa đáng kể; Một số công trình nghiên cứu có chất lượng, hàm lượng khoa học và chỉ số nghiên cứu chưa cao,... Có nhiều nguyên nhân của vấn đề này, trong đó có hai nguyên nhân chủ yếu là: Việc tuyển dụng GV và quá trình quản lý hoạt động của GV phần nhiều các trường ĐH tại Việt Nam vẫn còn coi trọng tiêu chí năng lực giảng dạy hơn năng lực nghiên cứu; Môi trường NCKH của đơn vị và nhà trường chưa tốt và ít được cải tiến.

4. Các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học

4.1. Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học

- Cải thiện các chính sách quản lý khoa học-công nghệ nhằm tạo điều kiện thuận lợi và động lực để GV, SV tích cực tham gia NCKH. Cần đầu tư và phân phối ngân sách sao cho có hiệu suất cao là vấn đề đáng quan tâm hơn là tăng đầu tư mà phân phối không hợp lý, không hiệu quả. Nhà trường có thể mạnh dạn giao khoán sản phẩm đề tài, nghiệm thu sản phẩm đề tài là tiêu chuẩn cơ bản đánh giá hiệu quả của quá trình nghiên cứu.

- Xây dựng quy chế cụ thể về việc GV tham gia NCKH. Cụ thể mỗi giảng viên phải thực hiện hai nhiệm vụ song song là giảng dạy và NCKH, thậm chí phải có quy định bắt buộc như có tham gia NCKH thì mới được giảng dạy.

- Giao nhiệm vụ NCKH cho đơn vị cấp bộ môn, tạo sức mạnh tập thể trong NCKH, đặc biệt là tập hợp đội ngũ những nhà khoa học đầu đàn tham gia và chủ trì trong các chương trình, các đề tài có tầm vóc lớn.

- Gắn chặt NCKH và đào tạo sau đại học. Đề tài của nghiên cứu sinh và học viên cao học phải gắn liền với NCKH, tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh và học viên cao học có đề tài nghiên cứu đúng với hướng đề tài luận án/luận văn của họ.

- Hàng năm giảng viên phải có một bài viết NCKH được công bố trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước và gắn với các tiêu chuẩn thi đua, khen thưởng, thưởng lương...

- Cần có chế độ khuyến khích và ràng buộc hợp lý để tạo động lực cho cán bộ, giảng viên tự nguyện và tích cực tham gia NCKH theo nguồn kinh phí các cấp hàng năm.

- Cần tạo động lực khuyến khích SV, học viên tham gia NCKH bằng cách nâng cao mức thưởng cho SV thông qua các hình thức: điểm thưởng học tập, điểm thưởng rèn luyện và vật chất.

4.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

- Có chế độ hỗ trợ GV học tập nâng cao trình độ NCKH, tham dự các hội thảo, diễn đàn khoa học để tăng cường giao lưu học hỏi với các nhà khoa học trong nước và quốc tế.

- Có chế độ, chính sách giải tỏa giờ dạy của giảng viên để họ có thời gian đầu tư vào NCKH, nâng cao kiến thức.

- Tăng cường khả năng NCKH cho cán bộ trẻ bằng cách khuyến khích và bắt buộc tham gia các đề tài NCKH do các cán bộ đầu đàn chủ trì, tham dự các lớp tập huấn về phương pháp NCKH.

- Nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ và khả năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại của cả giảng viên và SV.

- Nhà trường nên phát động phong trào thi đua sáng tạo, tổ chức các cuộc thi NCKH chuyên nghiệp và quy mô lớn. Kịp thời động viên tinh thần các tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác NCKH, tạo sức lan tỏa rộng trong Nhà trường.

- Tranh thủ sự hỗ trợ đắc lực của giảng viên trẻ trong việc cố vấn và tham gia các hoạt động học thuật, hướng dẫn SV NCKH. Nâng cao nhận thức về hoạt động NCKH cho SV (tuyên truyền bằng những hoạt động hỗ trợ học tập như: tổ chức các buổi báo cáo khoa học, trao đổi kinh nghiệm học tập, kinh nghiệm NCKH, đa

(Xem tiếp trang 80)

PHÁT HUY HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN VĂN HÓA ĐỀN HÙNG GẮN VỚI PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HOÁ

Phan Thanh An, Nguyễn Thị Phương Dung
Đại học Bách khoa Hà Nội

Từ ngàn đời nay, Đền Hùng là nơi tưởng nhớ, tôn vinh công lao các Vua Hùng, là biểu tượng của khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam. Nơi đây chính là điểm hội tụ văn hóa tâm linh của dân tộc. Trong bối cảnh mới, để ứng phó linh hoạt, hiệu quả với những thách thức phức tạp, khó dự báo hiện nay, việc khơi dậy và phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên văn hóa Đền Hùng gắn kết với phát triển công nghiệp văn hoá là một yêu cầu cấp thiết được đặt ra, qua đó góp phần gia tăng sức mạnh mềm văn hóa, thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước.

Khái quát về công nghiệp văn hoá

Công nghiệp văn hoá một trong những ngành có tiềm năng phát triển lớn tại Việt Nam. Đây là ngành công nghiệp đang có sự tăng trưởng mạnh mẽ và đóng góp nhiều cho nền kinh tế và văn hóa đời sống của người dân. Theo số liệu thống kê của Bộ Văn hoá - Thể thao & Du lịch, tính đến năm 2018, các ngành công nghiệp văn hoá ở Việt Nam đã đóng góp doanh thu khoảng 8.081 tỷ USD, tương đương 3,61% GDP và mang lại công việc cho hơn 3 triệu lao động, chiếm 6,1% tổng lao động có việc làm trên cả nước. Trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay, các ngành công nghiệp văn hoá có tiềm năng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của quốc gia.

Ở Việt Nam, vai trò kinh tế của các ngành công nghiệp văn hóa ngày càng được nhận thức rõ và được thể hiện trong nhiều quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Gần đây, Đại hội lần thứ XIII của Đảng (2021) có nhấn mạnh: "Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hoá và dịch vụ văn hoá trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hoá Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị và thành tựu mới của văn hoá, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới". Bên cạnh đó, trong Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng nhấn mạnh yêu cầu: "Xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số, làm cho văn hóa thích nghi, điều tiết sự phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Khẩn trương phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh". Do vậy, việc nghiên cứu các chính sách phát triển công nghiệp văn hóa đối với từng địa phương, từng khu vực có ý nghĩa trong việc phát triển văn hóa, con người Việt Nam, nhằm thực hiện khát vọng phát triển Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

Tại Phú Thọ, trong những năm gần đây, hoạt động phát triển công nghiệp văn hoá ngày càng được quan tâm, đặc biệt trong ngành du lịch văn hoá gắn với khu du lịch quốc gia Đền Hùng. Lượng khách du lịch đến tham quan và tham dự Lễ hội Đền Hùng chiếm khoảng 85% - 90% tổng lượt khách đến tỉnh Phú Thọ, doanh thu du lịch chiếm khoảng 82% tổng doanh thu du lịch - dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Tuy Đền Hùng được biết tới với nhiều tài nguyên văn hoá lâu đời nhưng những tài nguyên này vẫn chưa được phát huy tối ưu hiệu quả kinh tế, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - văn hoá của vùng Đất Tổ.

Tài nguyên văn hoá Đền Hùng

Theo PGS. TS. Đỗ Thị Thanh Thủy, Trưởng ban Nghiên cứu văn hóa, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam cho biết: "Tài nguyên văn hóa là toàn bộ những sáng tạo của con người từ quá khứ đến hiện tại và hướng tới tương lai nhằm thích ứng với môi trường tự nhiên và xã hội… Không chỉ mang những giá trị vô giá về tinh thần, biểu tượng, giá trị lịch sử, giáo dục, nhân văn, tài nguyên văn hóa còn có thể đem lại những giá trị gia tăng to lớn về môi trường, về kinh tế - xã hội..."

Tại Khu du lịch quốc gia Đền Hùng, có nhiều tài nguyên văn hoá, có thể kể tới như:

Quần thể kiến trúc Đền Hùng

Đền Hùng là di tích lịch sử văn hoá đặc biệt quan trọng của quốc gia, được xây dựng trên núi Hùng thuộc vùng đất Phong Châu vốn là đất kế đô của nhà nước Văn Lang 4.000 năm trước đây. Toàn bộ Khu di tích gồm có 4 đền, 1 chùa và 1 lăng nằm hài hoà trong cảnh thiên nhiên, có địa thế cao hùng vĩ, đất đầy khí thiêng của sơn thuỷ hội tụ. Đi từ dưới chân núi, du khách sẽ được tham quan lần lượt các di tích như: Cổng Đền, Đền Hạ, Đền Trung, Đền Thượng, Lăng Vua Hùng, Đền Giếng, Đền Mẫu Âu Cơ và Đền thờ Lạc Long Quân… Đền Hùng vừa là thắng cảnh đẹp, vừa là một di tích lịch sử - văn hóa đặc biệt quan trọng đối với người Việt Nam.

Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương

Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là một loại hình tín ngưỡng dân gian được lưu truyền lâu đời ở Việt Nam, chủ yếu được thực hiện ở các di tích thờ các nhân vật liên quan đến thời Hùng Vương tiêu biểu như Thần Nông, Vua Hùng, Lạc Long Quân, Âu Cơ, Sơn Tinh, Cao Sơn, Quý Minh… Loại tín ngưỡng này đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam ghi danh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào năm 2012. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, đến nay, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương được khẳng định là biểu tượng của sự đoàn kết dân tộc, là điểm hội tụ tâm linh của người Việt. Những giá trị của tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương đang được cộng đồng người Việt gìn giữ, bảo vệ, trao truyền và phát huy trong đời sống đương đại.

Trống đồng Đông Sơn

Từ bao đời nay, trống đồng Đông Sơn tiêu biểu cho nền văn hóa Đông Sơn và nền văn minh sông Hồng của người Việt cổ thời kỳ Hùng Vương dựng nước Văn Lang. Trống đồng đã trở thành biểu tượng thiêng liêng của nền văn hóa dân tộc Việt Nam. Trống có hoa văn trang trí phong phú và cách điệu hóa, trong đó có các loại hoa văn chủ đạo như hình ngôi sao mười hai cánh, chim lạc bay theo hướng ngược chiều kim đồng hồ, hình người hóa trang cách điệu chỉ có mắt và lông công, thuyền… Trống đồng Đông Sơn không chỉ là vật linh mà còn là biểu tượng tập trung nhất của những thành tựu trong sinh hoạt kinh tế, văn hóa, xã hội và quyền uy của nhà nước Văn Lang.

Văn hoá ẩm thực vùng Đất Tổ

Sự phong phú, đa dạng của ẩm thực Đất Tổ được thể hiện ở sự đa dạng của các món ăn. Có ba loại ẩm thực đặc thù của vùng Đất Tổ như: Ẩm thực gắn liền với lễ hội, văn hóa tâm linh; Ẩm thực đặc sản của vùng và Ẩm thực thường ngày của người dân. Ẩm thực gắn liền với lễ hội, văn hóa tâm linh là những món ăn được người dân chế biến với một sự thành kính đặc biệt để dâng lên tổ tiên vào dịp lễ, Tết như: bánh chưng, bánh giầy gắn với truyền thuyết Hùng Vương, bánh khảo, chè lam, chè kho, xôi nếp… Ẩm thực đặc sản truyền thống được gìn giữ từ đời này sang đời khác như món thịt lợn chua của

đồng bào Mường Thanh Sơn, bưởi Đoan Hùng bên dòng sông Lô, cá thính Hạ Hòa… Ẩm thực thường ngày là những món ăn đặc trưng gắn bó với mâm cơn dân dã của con người nơi đây như món quả cọ om, bánh sắn, cơm nắm lá cọ… Trong những năm gần đây, Phú Thọ phát triển việc bảo tồn các giá trị văn hóa ẩm thực gắn với phát triển du lịch về cội nguồn. Điều đó làm cho ẩm thực truyền thống nơi đây được gìn giữ đặc biệt và lan truyền khắp các vùng trong cả nước.

Có thể thấy, khu di tích lịch sử Đền Hùng sở hữu rất nhiều tài nguyên văn hoá, mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam. Đó là di sản cần được bảo tồn, lưu truyền và phát huy những giá trị kinh tế - văn hoá chứa đựng trong đó.

Thực tiễn phát huy hiệu quả tài nguyên văn hoá Đền Hùng

Hằng năm, Đền Hùng thu hút hàng triệu lượt khách du lịch tham quan và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Phú Thọ. Doanh thu chủ yếu tập trung vào dịp Giỗ tổ Hùng Vương (tháng 3 âm lịch). Do đó, các tiềm lực và tài nguyên du lịch tại khu di tích vẫn chưa phát huy được hết. Theo Nghiên cứu khảo sát cảm nhận của du khách tham quan Đền Hùng (tỉnh Phú Thọ), được tác giả thực hiện lấy ý kiến từ 1,250 khách du lịch. Kết quả thu thập được như sau:

Thứ nhất, du khách chỉ tập trung tới tham quan vào dịp Lễ hội, các thời điểm khác trong năm không thu hút nhiều khách du lịch. Có tới 79,5% khách du lịch lựa chọn mục đích tham quan Đền Hùng là tới tham dự Lễ hội Giỗ tổ Hùng Vương (tháng 3 Âm lịch); 12,5% lựa chọn đi công tác kết hợp tham quan và 8% còn lại là tham quan nhằm mục đích học tập, nghiên cứu. Điều này có thể gây ra tình trạng tắc nghẽn, quá tải trong dịp Lễ hội, trong khi đó những thời điểm khác trong năm, lượng du khách rất ít, không khai thác được hết tiềm năng của Khu du lịch.

Thứ hai, nhiều du khách chỉ biết tới Khu di tích Đền Hùng và chưa được tiếp cận nhiều với các điểm đến du lịch khác tại tỉnh Phú Thọ. Có tới 46,6% du khách được khảo sát cho biết, sau khi tham quan Đền Hùng, du khách không tới tham quan địa điểm nào khác tại Phú Thọ và 81% du khách chỉ tham quan Đền Hùng và tỉnh Phú Thọ trong 1 ngày. Điều đó cho thấy, các điểm đến du lịch trong tỉnh chưa thực sự kết nối với nhau tạo thành một mạng lưới du lịch cung cấp nhiều dịch vụ đa dạng cho khách du lịch khi tới Phú Thọ. Những loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch ẩm thực… vẫn còn bị bỏ ngỏ.

Thứ ba, các hoạt động văn hoá tại Khu di tích Đền Hùng chưa đa dạng. Có tới 64,6% du khách phản hồi các hoạt động văn hoá tiêu biểu như trình diễn nghệ thuật, lễ hội ẩm thực, trải nghiệm văn hoá… tại Đền Hùng còn giản đơn, chưa đa dạng và chỉ tập trung vào mùa Lễ hội. Đây cũng là một điểm còn hạn chế đối với hoạt động du lịch, nếu khắc phục được sẽ thu hút được nhiều lượt khách tham quan và quay trở lại.

Có thể thấy, Khu du lịch quốc gia Đền Hùng có rất nhiều tiềm năng để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Tuy nhiên, những tiềm năng, tài nguyên văn hoá vẫn chưa được phát huy tiềm năng và đầu tư có chiều sâu để thúc đẩy và hình thành nên một ngành công nghiệp văn hoá đem lại giá trị cao cho tỉnh Phú Thọ.

Một số khuyến nghị

Trước thực trạng này, bài viết xin đề xuất một số khuyến nghị nhằm phát huy hiệu quả tài nguyên văn hoá Đền Hùng gắn với phát triển công nghiệp văn hoá.

Thứ nhất, đa dạng hoá các hoạt động văn hoá được tổ chức tại Đền Hùng. Các hoạt động văn hoá tại Đền Hùng như: Nghi lễ thờ cúng, rước kiệu truyền thống,

tổ chức hát xoan, đánh trống đồng… là những hoạt động thu hút du khách đến tham quan Đền Hùng. Thông qua các hoạt động này, du khách thêm hiểu hơn về nguồn cội dân tộc về bản sắc văn hoá người Việt. Đó cũng là nét đặc sắc của khu di tích Đền Hùng nhằm thu hút các du khách hàng năm tới thăm quan. Do đó, các hoạt động này cần phải được chính quyền địa phương quan tâm đầu tư về nội dung, đa dạng hoá các sản phẩm để truyền tải văn hoá cội nguồn Việt Nam một cách có chiều sâu.

Thứ hai, cần xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hoá một cách thường xuyên để thu hút khách quanh năm, tránh tình trạng chỉ dồn tập trung vào mùa lễ hội Giỗ Tổ Hùng Vương (tháng 3 âm lịch) gây ra tắc nghẽn và không khai thác hết được tiềm lực tài nguyên du lịch văn hoá tại Đền Hùng. Bên cạnh đó, hoạt động này cũng tạo ra được truyền thống nhớ về cội nguồn thường xuyên trong tâm thức người Việt và mở ra những cơ hội thu hút khách du lịch nước ngoài đến, tìm hiểu và trải nghiệm về những nét đặc sắc trong văn hoá Việt Nam.

Thứ ba, chính quyền địa phương cùng với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch cần phối hợp tạo ra mạng lưới điểm đến lân cận xung quanh Đền Hùng (du lịch sinh thái, du lịch ẩm thực, du lịch trải nghiệm…) để mở rộng phạm vi du lịch cũng như tạo ra một chuỗi giá trị cho ngành du lịch của tỉnh Phú Thọ. Hoạt động này góp phần vào sự phát triển của chuỗi giá trị trong ngành du lịch tại tỉnh (hoạt động tour du lịch, hoạt động lưu trú, hoạt động kinh doanh ẩm thực…).

Tóm lại, khu di tích lịch sử Đền Hùng đóng một vai trò quan trọng trong việc phát huy bản sắc dân tộc Việt Nam và phát triển ngành công nghiệp văn hoá của tỉnh Phú Thọ nói riêng và Việt Nam nói chung. Để phát huy được vai trò di sản này, cần sự quan tâm đầu tư và chung tay của chính quyền, ban quản lý di tích, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ du lịch, người dân địa phương và du khách tham quan.

P.T.A; N.T.P.D

MÔ HÌNH SẢN XUẤT VÀ NUÔI THƯƠNG PHẨM...

(Tiếp theo trang 37)

Hướng dẫn bà con nắm bắt kỹ thuật nuôi thương phẩm cá Nheo Mỹ, cách phòng trừ bệnh trong quá trình nuôi.

Với những kết quả ban đầu đạt được của việc ứng dụng công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Nheo Mỹ trên sông tại tỉnh Phú Thọ. Dự án đã chủ động trong việc nghiên cứu sản xuất giống phục vụ tại chỗ cho người nuôi, góp phần đa dạng hóa đối tượng nuôi, phát triển được giống thủy sản mới trên địa bàn tỉnh. Dự án cũng đã tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người nuôi trồng thủy sản, góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế -xã hội và đóng góp thiết thực vào thực hiện Kế hoạch phát triển nông lâm nghiệp, thủy sản tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025./.

N.V

NÂNG CAO NĂNG LỰC ỨNG DỤNG, HẤP THU LÀM CHỦ CÔNG NGHỆ TRONG DOANH NGHIỆP

Mai Thanh

Công ty cổ phần Giống - Vật tư nông nghiệp công nghệ cao Việt Nam là doanh nghiệp khoa học công nghệ, với chức năng, nhiệm vụ là nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp vào sản xuất. Hiện nay, việc ứng dụng và làm chủ công nghệ trong sản xuất là vô cung cần thiết, nhất là sản xuất nông nghiệp sẽ tạo ra sản phẩm chất lượng đồng đều, quy mô sản xuất đáp ứng nhu cầu sản xuất hàng hoá, nhu cầu tiêu dùng của người dân ngày càng cao.

Mô hình liên kết sản xuất lúa J02 tại huyện Lâm Thao.

Trong nhiều năm qua, được sự quan tâm của UBND tỉnh, Sở Khoa học và công nghệ, Công ty đã triển khai thực hiện nghiên cứu nhiều đề tài, dự án khoa học ứng dụng có hiệu quả vào sản xuất. Các đề tài, dự án sau khi đã kết thúc, Công ty vẫn tiếp tục duy trì diện tích các mô hình đồng thời mở rộng thêm. Các mô hình và quy trình công nghệ tiên tiến áp dụng vào sản xuất có hiệu quả đem lại giá trị kinh tế cho Công ty, cho các HTX và người dân trong và ngoài tỉnh ứng dụng vào sản xuất. Một số đề tài, dự án tiêu biểu Công ty thực hiện: Đề tài: "Khảo nghiệm tập đoàn các giống lúa thảo dược tại địa bàn tỉnh Phú Thọ" đã tuyển chọn được 3 giống lúa triển vọng, trên cơ sở quy trình kỹ thuật hoàn thiện, Công ty tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm, mở rộng sản xuất đối với 3 giống HDMI; G23 và M2 ở các địa phương

trong và ngoài tỉnh. Chọn lọc dòng thuần để sản xuất giống phục vụ cho sản xuất. Sản xuất thử một số sản phẩm như gạo lứt, trà gạo lứt… Các giống lúa thảo dược có năng xuất tương đương với các giống lúa thuần khác, chất lượng lại khác biệt nên giá trị, giá bán thóc cao hơn từ 15-20%, giá bán gạo lứt màu gấp 2 - 2,5 lần (từ 35000 - 40000, đ/kg). Công ty đang tiếp tục nghiên cứu, mở rộng sản xuất lúa thảo dược tại nhiều địa phương trong và ngoài tỉnh nhằm khai thác hiệu quả giá trị các giống lúa này mang lại.

Dự án:“ Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt thông minh vào sản xuất cây ăn quả có múi theo tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh Phú Thọ”. Với quy trình công nghệ được hoàn thiện, Công ty vẫn tiếp tục duy trì hệ thống tưới nhỏ giọt thông minh cho diện tích cây cam, cây bưởi tại mô hình. Đồng thời nghiên cứu, hoàn thiện thêm giai đoạn chăm sóc khi cây cam, bưởi ra hoa, giai đoạn cho quả, bổ sung vào quy trình chăm sóc. Việc ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt thông minh cho các diện tích trồng các giống cây ăn qủa đặc sản như Bưởi, Cam đã tiết kiệm chi phí sản xuất từ 12 - 15 triệu đồng/ha. Đem lại hiệu quả kinh tế trực tiếp cho người nông dân.

Dự án: “Ứng dụng công nghệ cao để xây dựng mô hình trồng dưa lưới, dưa leo trong nhà màng đạt tiêu chuẩn VietGAP”. Với quy trình công nghệ sản xuất dưa lưới, dưa leo trong nhà kính đạt tiêu chuẩn VietGAP đã hoàn thiện được chuyển giao và ứng dụng tại Công ty và các hộ sản xuất trong và ngoài tỉnh. Việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất dưa lưới, dưa leo cho hiệu quả kinh tế cao. Sản xuất dưa lưới tại các HTX, hộ dân cho thấy trung bình lợi nhuận từ 2 - 2,5 tỷ đồng/ha/năm

Đề tài: “Thu thập tuyển chọn và nghiên cứu các quy trình nhân giống, nuôi trồng một số giống hoa sen có giá trị tại tỉnh Phú Thọ” đã tuyển chọn được các giống sen triển vọng được tuyển chọn từ tập đoàn sen thu thập; Hoàn thiện được quy trình công nghệ trồng, chăm sóc thu hái sen và các sản phẩm từ sen. Bước đầu sản xuất một số sản phẩm từ sen như: Chè ướp sen…Công ty nghiên cứu, chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất cho Hợp tác xã, hộ dân trong và ngoài tỉnh mở ra ngành hàng mới, nâng cao thu nhập cho người dân đồng thời tạo cảnh quan đẹp cho các địa phương.

Cây giống nông nghiệp tại Công ty

Thông qua việc thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ, Công ty đã được tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, đào tạo, nâng cao trình độ cho các cán bộ kỹ sư, nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ cho Công ty trong tổ chức, triển

khai nghiên cứu khoa học phục vụ cho sản xuất, kinh doanh.

Thông qua công tác nghiên cứu, ứng dụng Công ty đã hoàn thiện được các quy trình công nghệ ứng dụng vào thực tiễn sản xuất tại đơn vị và chuyển giao công nghệ đến các doanh nghiệp, Hợp tác xã và người nông dân, góp phần nâng cao hiệu quả của sản xuất nông nghiệp.

Công ty xây dựng các mô hình sản xuất ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, mô hình ứng dụng công nghệ cao là nơi để các doanh nghiệp, các Hợp tác xã nông nghiệp và bà con nông dân tham quan, học tập và cơ sở khoa học để tiến hành triển khai rộng rãi ra các địa phương khác trong tỉnh Phú Thọ.

Tuy nhiên, công nghệ sản xuất luôn thay đổi để đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đòi hỏi của người tiêu dùng. Vì vậy, là doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học mới và sản xuất nông nghiệp, Công ty phải luôn có sự đổi mới, hoàn thiện, bổ sung các quy trình kỹ thuật mới trong sản xuất giống cây trồng, sản xuất các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tạo ra các sản phẩm có chất lượng, nâng cao giá trị thu nhập cho người sản xuất; Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học ở doanh nghiệp còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...; Các cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật của Công ty luôn phải nghiên cứu, học hỏi, tìm tòi các tiến bộ kỹ thuật mới, thay đổi tư duy, cách làm mới trong sản xuất. Nhiều giải pháp kỹ thuật mới được các nhà khoa học ở các Viện ngiên cứu, Trường Đại học nghiên cứu ra, chưa áp dụng nhiều vào sản xuất nên việc tiếp cận cần tốn nhiều thời gian, công sức để hoàn thiện công nghệ phù hợp với điều kiện của Tỉnh.

Một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực, hấp thu và làm chủ công nghệ của Doanh nghiệp: Xác định mục tiêu trọng tâm để tồn tại và phát triển doanh nghiệp thì việcluôn tiếp cân với tiến bộ khoa học công nghệ mới trong sản xuất là nhiệm vụ trọng tâm, Công ty đầu tư kinh phí xây dựng các Trung tâm nghiên cứu đầy đủ điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng cho công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Tuyển dụng nhân sự trình độ cao, đầu tư kinh phí hỗ trợ cán bộ kỹ thuật đi đào tạo học tập nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng với sự phát triển rất nhanh của khoa học công nghệ hiện nay như lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao, điều khiển tự động hoá trong sản xuất nông nghiệp. Lĩnh vực nghiên cứu, chọn tạo giống: Cấy, chuyển gen kháng một số loại bệnh hại trên cây lúa để tăng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu hiện nay...; Ký hợp đồng với một số chuyên gia là nhà khoa học đầu ngành trong các lĩnh vực nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng, lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp để tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp khi tiếp cận với các tiến bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến nhất.

Các đề tài dự án được thực hiện với sự đồng hành của Sở Khoa học công nghệ, sự hỗ trợ một phần vốn từ ngân sách nhà nước giúp cho các đơn vị nghiên cứu, các Viện nghiên cứu, các trường Đại học và Công ty tiếp cận và ứng dụng được các tiến bộ khoa học mới nhất, tiên tiến nhất vào sản xuất có hiệu quả đó là các giống cây trồng mới, các quy trình sản xuất tiên tiến ứng dụng công nghệ cao, các công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp để sản xuất, chuyển giao vào sản xuất nâng cao giá trị sản phẩm và thu nhập cho sản xuất nông nghiệp trong và ngoài tỉnh.

M.T

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VI SINH (XẠ KHUẨN, VI KHUẨN) ĐỂ SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ (COMPOST) CHẤT LƯỢNG CAO TỪ PHẾ PHỤ LIỆU TRONG TRỒNG TRỌT VÀ CHĂN NUÔI TẠI TỈNH PHÚ THỌ

ThS. Vũ Thị Hải Yến
CTCP Đầu tư và Dịch vụ Bảo Quang Minh

Ở nước ta hiện nay, lượng chất thải từ chăn nuôi gia súc, gia cầm và lượng thân cây trồng nông nghiệp (ngô, sắn, rơm rạ…), vỏ cây thải ra môi trường do chế biến gỗ hàng năm là rất lớn. Việc tận dụng các chất thải và phế phụ phẩm trên vào sản xuất, kinh doanh còn nhiều hạn chế. Trong khi đó, phân bón trên thị trường hiện nay có chất lượng đầu ra không ổn định và chưa đáp ứng đầy đủ theo tiêu chí cho sản xuất nông nghiệp sạch định hướng hoàn toàn hữu cơ. Vì độ mùn còn thấp, độ ẩm cao không bảo quản lâu dài được, số lượng vi sinh vật gây bệnh chưa kiểm soát tốt do nhiệt độ đống ủ không cao (dưới 50^{0}C), do vậy các tác nhân gây bệnh có trong chất thải như các loại vi sinh vật gây bệnh, các dư lượng của thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh, kích thích sinh trưởng, ký sinh trùng và hạt cỏ khó có thể bị loại bỏ hoàn toàn.

Xuất phát từ thực tế trên, năm 2020, công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Bảo

Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ (ngoài cùng bên trái) kiểm tra tiến độ tại điểm mô hình dự án

Quang Minh (Khu 8, xã Ngọc Quan, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ) đã đề xuất và được phê duyệt triển khai thực hiện dự án: "Ứng dụng công nghệ vi sinh (xạ khuẩn, vi khuẩn) để sản xuất phân hữu cơ (compost) chất lượng cao từ phế phụ liệu trong trồng trọt và chăn nuôi tại tỉnh Phú Thọ". Đây là dự án khoa học công nghệ nằm trong Chương trình nông thôn miền núi giai đoạn 2016 - 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ, được ủy quyền cho địa phương quản lý.

Dự án được phê duyệt triển khai với mục tiêu xây dựng thành công mô hình ứng dụng công nghệ vi sinh (xạ khuẩn, vi khuẩn) để sản xuất phân hữu cơ (compost) chất lượng cao và phân hữu cơ vi sinh từ phế phụ liệu trong trồng trọt và chăn nuôi tại tỉnh Phú Thọ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng bền vững. Dự án có sự phối hợp triển khai của đơn vị chuyển giao công nghệ là Viện Công nghệ môi trường - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam với các quy trình chuyển giao bao gồm: Quy trình kỹ thuật SX chế phẩm vi sinh ưa nhiệt (Sagi Bio) để sản xuất compost chất lượng cao; Quy trình kỹ thuật SX phân bón hữu cơ (compost) chất lượng cao từ phế phụ liệu trong trồng trọt và chăn nuôi bằng công nghệ vi sinh (xạ khuẩn, vi khuẩn); Quy trình kỹ thuật SX phân hữu cơ vi sinh từ compost chất lượng cao. Chế phẩm vi sinh vật ưa nhiệt SAGI BIO của Viện Công nghệ môi trường được sản xuất từ tổ hợp của các chủng vi khuẩn và xạ khuẩn ưa nhiệt, sinh enzym phân huỷ xenluloza, tinh bột và protein mạnh trong điều kiện nhiệt độ cao (50-70^{0}C), khi bổ sung vào quá trình xử lý sẽ rút ngắn được thời gian phân huỷ, giảm mùi hôi trong qúa trình xử lý, tiêu diệt được các mầm bệnh trong chất thải, mùn hữu cơ sau xử lý có chất lượng tốt hơn, tiết kiệm năng lượng và nâng cao công suất xử lý của nhà máy.

Kết quả sau 03 năm triển khai thực hiện, dự án đã triển khai đầy đủ các hạng mục công việc được phê duyệt. Căn cứ vào kết quả khảo sát và các quy trình kỹ thuật đã được chuyển giao, tiếp nhận, Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Bảo Quang Minh đã phối hợp với cơ quan chuyển giao thực hiện xây dựng các mô hình của dự án, trong đó mô hình sản xuất tập trung tại nhà máy sản xuất phân bón của Công ty tại huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Các kết quả đạt được cụ thể, dự án đã xây dựng mô hình sản xuất chế phẩm vi sinh ưa nhiệt (Sagi Bio) để sản xuất compost chất lượng cao quy mô 500 lít/mẻ. Sản xuất lô số 0: 1.000 lít; Xây dựng được mô hình sản xuất phân bón hữu cơ (compost) từ nguồn phế phụ phẩm trong chăn nuôi, sản xuất và chế biến nông lâm sản công suất đạt 6.000 tấn/năm; Sản xuất lô số 0: 500 tấn phân hữu cơ (compost); Xây dựng được mô hình sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ compost chất lượng cao; sản xuất lô số 0: 100 tấn phân hữu vi sinh từ compost chất lượng cao; Xây dựng thành công mô hình sử dụng phân hữu cơ cho một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ: Bưởi và Cam (05 ha); Cây chè (03ha); Cây rau, màu (02ha); hoa, cây cảnh (01ha). Các mô hình đều cho năng suất, chất lượng, mẫu mã sản phẩm rất tốt. Ngoài ra, dự án đã trực tiếp đào tạo được 05 cán bộ kỹ thuật viên cho Công ty Cổ phần Đầu tư và

(Xem tiếp trang 66)

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN CHÈ PHÚ THỌ

TS. Nguyễn Thị Hồng Lam
Phó Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và phát triển Chè

Được coi là "cái nôi" của ngành chè Việt Nam, những năm qua, tỉnh Phú Thọ triển khai nhiều giải pháp phát triển cây chè theo hướng bền vững, chất lượng, bảo đảm an toàn thực phẩm. Thương hiệu "Chè Phú Thọ" từng bước được xây dựng, góp phần đưa chè trở thành cây mũi nhọn trong sản xuất ngành nông nghiệp.

Phú Thọ là vùng đất trung du với nhiều đồi san sát như hình bát úp phù hợp để cây chè sinh trưởng và phát triển. Đây là một trong những địa phương có diện tích và sản lượng chè lớn nhất cả nước. Trước đây, người dân chủ yếu trồng bằng hạt những giống chè địa phương (giống chè Trung Du) và giống chè PH1 phục vụ sản xuất chè đen xuất khẩu, thu nhập thấp khiến người dân không mặn mà nên diện tích chè giảm mạnh. Trước thực trạng đó, những năm gần đây, tỉnh Phú Thọ đã có nhiều giải pháp phát triển cây chè theo hướng bền vững, đồng thời có chính sách khuyến khích người dân mở rộng diện tích, trồng giống chè có năng suất, chất lượng, góp phần đưa chè trở thành cây chủ lực trong phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo. Sau một thời gian triển khai, đến nay, Phú Thọ vươn lên đứng thứ tư về diện tích và thứ ba về sản lượng chè của toàn quốc. Tại đây, đã hình

thành nhiều làng nghề, hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp sản xuất, chế biến chè đen, chè xanh bảo đảm chất lượng được thị trường chấp nhận. Đặc biệt trên địa bàn tỉnh còn có sự đóng góp tích cực của cơ quan nghiên cứu về chè duy nhất trên cả nước đó là Trung tâm nghiên cứu và phát triển Chè - Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, đơn vị đã nghiên cứu và phát triển ra sản xuất rất nhiều giống chè mới năng suất, chất lượng cao cùng với đó là các quy trình, tiến bộ kỹ thuật được ứng dụng thực tiễn trên cây chè, các sản phẩm chè độc đáo làm nên thương hiệu và giá trị kinh tế cao.

Để nâng cao hiệu quả, người dân làng nghề tích cực phát triển diện tích cây chè, thay thế các giống chè cũ, cằn cỗi, kém hiệu quả bằng các giống có chất lượng cao như: chè Kim Tuyên, Phúc Vân Tiên, Bát Tiên, LDP1, PH8, PH9, VN15, Hương Bắc Sơn.. Người làm chè ngày càng chú trọng quy trình sản xuất từ khâu chăm sóc, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm. Ý thức của người dân trong việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật được thay đổi đáng kể thông qua việc sử dụng sổ ghi chép hằng ngày, cắm biển cảnh báo trong vùng chè để theo dõi chặt chẽ, bảo đảm sức khỏe người tiêu dùng. Nhờ đó, giá trị và hiệu quả kinh tế của cây chè được nâng lên rõ rệt. Trên địa bàn tỉnh bước đầu hình thành chuỗi sản xuất liên kết giá trị thông qua việc hỗ trợ các cơ sở chế biến kinh doanh chè xanh, các HTX, làng nghề về kỹ thuật trồng, chăm sóc, chế biến chè, thiết kế tem, bao bì, nhãn mác, đăng ký mã số, mã vạch và kết nối thị trường tiêu thụ tại siêu thị, hội chợ, các địa phương. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có hơn 16.000 ha chè, năng suất chè đạt 118 tạ/ha; sản lượng đạt hơn 185 nghìn tấn/năm; tỷ lệ diện tích các giống chè mới đạt 75,3%, trong đó, cơ cấu giống phục vụ chế biến chè xanh khoảng 30%. Việc đẩy mạnh đầu tư và phát triển cây chè là chủ trương đúng đắn của tỉnh. Đây là loại cây trồng ổn định, đem lại thu nhập bình quân từ 30 đến 40 triệu đồng/ha. Bên cạnh vùng nguyên liệu chế biến chè đen xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới như Ấn Độ, Trung Quốc, Đức, Anh..., tại Phú Thọ bước đầu hình thành các vùng nguyên liệu phục vụ chế biến chè xanh (trồng bằng các giống LDP1, Kim Tuyên, Phúc Vân Tiên, Hương bắc sơn, VN15..) tại các huyện: Tân Sơn, Thanh Sơn, Đoan Hùng, Thanh Ba, Phù Ninh, Hạ Hòa. Tại Phú Thọ có hơn 3.300 ha chè được sản xuất theo quy trình an toàn, vệ sinh thực phẩm; 100% cơ sở chế biến chè búp tươi có vùng nguyên liệu hoặc ký kết hợp đồng xây dựng vùng nguyên liệu, đủ cho chế biến chè xanh.

Mặc dù là ngành mũi nhọn, song ngành chè của tỉnh cũng đang gặp phải nhiều khó khăn, hạn chế do các doanh nghiệp chế biến chè thường xuyên gặp vấn đề về nguồn nguyên liệu đầu vào. Hiện tại, vùng nguyên liệu trong tỉnh cũng mới chỉ đáp ứng 64,6% nhu cầu nguyên liệu; số

nguyên liệu còn lại phải thu mua ở các tỉnh Yên Bái, Tuyên Quang, Hà Giang… Một số cơ sở chế biến chè không có vùng nguyên liệu, không chủ động được sản xuất, tình trạng tranh mua, tranh bán nguyên liệu diễn ra ngày càng gay gắt dẫn đến nguyên liệu không đạt yêu cầu, chất lượng không cao, lợi nhuận thấp. Trong khi đó, vẫn còn tình trạng người trồng chè vẫn chưa tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật trồng và thu hái chè. Đặc biệt là thời điểm thu hoạch chè, nhiều hộ sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, kích thích sinh trưởng tạo độ phát triển nhanh cho cây mà không chú ý đến dư lượng cũng như thời gian cách ly. Những bài học về chè vàng, chè bẩn đã xảy ra chính là lời cảnh báo cho người trồng chè nếu chỉ hám lợi trước mắt thì sẽ làm mất dần uy tín đối với sản phẩm chè đất Tổ.

Từ thực tế trên có thể thấy, một trong những yếu tố quan trọng trong việc giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ chè là phải đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Trong đó, phải xây dựng được vùng nguyên liệu ổn định, tổ chức sản xuất và quản lý theo chuỗi giá trị; quy hoạch ổn định vùng chè an toàn ở các vùng chè trọng điểm; xây dựng quy chế quản lý gắn vùng nguyên liệu với cơ sở chế biến, từ đó mới tăng giá trị, hiệu quả cây chè và xây dựng được thương hiệu chè Phú Thọ.

Phát triển vùng chè an toàn theo hướng bền vững là yêu cầu bắt buộc để có thể xây dựng thương hiệu chè vững mạnh trên thị trường. Chỉ khi xây dựng được thương hiệu chè Phú Thọ vững mạnh, có uy tín trên thị trường thì cây chè mới thực sự khẳng định được cây chè không còn là cây xóa đói giảm nghèo nữa mà đã trở thành cây mang là sự giầu có đối với bà con nông dân.

Tuy nhiên, sự phát triển này vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Nguyên nhân là do công tác quy hoạch vùng nguyên liệu còn hạn chế; nhiều doanh nghiệp sản xuất, chế biến chè được thành lập mới nhưng việc đầu tư vùng nguyên liệu không được mở rộng dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp sản xuất chỉ đạt 60 đến 70% công suất. Nhận thức của một số người dân về sản xuất hàng hóa, liên kết sản xuất, an toàn vệ sinh thực phẩm còn hạn chế. Công tác tìm kiếm thị trường tiêu thụ còn bất cập, nhãn mác sản phẩm chè chưa phù hợp, chưa trở thành công cụ tiếp cận thị trường hiệu quả...

Mặc dù năng suất, chất lượng chè Phú Thọ đã tăng lên đáng kể, tuy vậy, giá trị đem lại từ cây chè tại Phú Thọ vẫn chưa tương xứng với tiềm năng bởi giá trị gia tăng mang lại từ cây chè chưa cao; nhiều hộ trồng chè còn mang nặng tập quán, tâm lý sản xuất nhỏ lẻ; việc liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chưa chặt chẽ, chỉ sản xuất bán thành phẩm hoặc xuất khẩu dưới dạng thô, không có bao bì, nhãn mác nên giá bán thấp; trên 60% cơ sở chế biến không có vùng nguyên liệu hoặc có nhưng không đủ sản xuất; trên 45% cơ sở chế biến với thiết bị, công nghệ lạc hậu, dây chuyền thiếu đồng bộ….

Trước thực trạng trên, nhằm góp phần nâng cao giá trị và sức cạnh tranh cho các sản phẩm chè, tỉnh Phú Thọ đã có nhiều hướng dẫn, hỗ trợ đẩy mạnh việc thực hiện xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu chè Phú Thọ.

Bên cạnh việc nâng cao năng suất, chất lượng cây chè, hướng đến xây dựng thương nhiệu chè Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ cũng đang chú trọng đưa cây chè vào phát triển du lịch của tỉnh như tạo ra các tuyến du lịch, các điểm dừng chân thăm quan đồi chè. Đồng thời, thông qua các Hội chợ, Triển lãm khu vực, ngành du lịch đã quảng bá rộng rãi sản phẩm chè Phú Thọ.

Là một đơn vị nghiên cứu về cây chè trực thuộc Bộ NN&PTNT đóng trên địa bàn tỉnh, Trung tâm nghiên cứu và phát triển chè hàng năm cũng có rất nhiều công trình nghiên cứu ứng dựng, những tiến bộ KHKT, các quy trình kỹ thuật về trồng trọt, chế biến sản phẩm chè khô (có những sản phẩm của đơn vị có giá trị trên 2 triệu đồng 1 kg), hàng năm đều có những giống chè mới được công nhận là giống chính thức và giống sản xuất thử. Từ đó giúp cho ngành chè trên cả nước nói chung và tỉnh Phú Thọ nói riêng có nhiều lựa chọn về giống cũng như sản xuất đánh giá thử các sản phẩm chè mới độc đáo, chất lượng và giá trị kinh tế cao. Góp phần phát triển nhãn hiệu chứng nhận Chè Phú Thọ mang tính bền vững, đồng thời nâng cao đời sống kinh tế và giá trị của người làm chè.

Để tìm lời giải cho "bài toán" xây dựng nhãn hiệu chứng nhận "Chè Phú Thọ" phát triển bền vững, các cơ quan quản lý cũng như các đơn vị nghiên cứu khoa học cần có những giải pháp đồng bộ từ quy hoạch vùng nguyên liệu; sắp xếp, đổi mới phương thức, tổ chức sản xuất; ứng dụng tiến bộ KH-KT nâng cao năng lực chế biến của các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp; tăng cường thông tin, tuyên truyền; đẩy mạnh quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường… Trong đó, chú trọng nghiên cứu kỹ lưỡng về thị trường, phát triển hệ thống kênh phân phối, quan tâm đến công tác quản lý thương hiệu để đảm bảo uy tín, hình ảnh thương hiệu. Cần nghiên cứu, đưa ra các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất phù hợp, vừa làm động lực khuyến khích vừa có cơ chế ràng buộc rõ ràng, tránh tình trạng người dân, nhà sản xuất làm cho có, chạy hỗ trợ mà không thực sự chú trọng đến phát triển sản xuất lâu dài… từ đó nâng cao vị thế, sức cạnh tranh của sản phẩm chè xanh Phú Thọ trên thị trường.

Trước những hạn chế bất cập trên, để nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển bền vững, thời gian tới ngành chè cần triển khai đồng bộ một số giải pháp: Tập trung nâng cao năng suất, chất lượng chè thông qua chuyển đổi các giống chè cũ sang các giống chè mới. Đầu tư có trọng điểm vào công tác chế biến sâu, đặc biệt là các sản phẩm chè sau chế biến có chất lượng cao, mang lại giá trị kinh tế lớn để hình thành ngành công nghiệp chế biến chè tiên tiến tại Việt Nam. Đa dạng hóa sản phẩm chè chế biến bằng công nghệ tiên tiến; Thực hiện liên kết giữa doanh nghiệp chế biến chè với nông dân từ xây dựng vùng nguyên liệu đến bao tiêu sản phẩm nhằm đảm bảo sự ổn định, đủ nguyên liệu chè tươi cho chế biến. Cơ cấu lại tỷ lệ chè đen và chè xanh một cách hợp lý để đảm bảo đáp ứng cả thị trường trong nước và thị trường quốc tế; Duy trì và thúc đẩy xuất khẩu chè và sản phẩm chè chế biến sâu vào các thị trường chủ lực; Hỗ trợ xúc tiến thương mại và thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm chè chế biến sâu đến thị trường khó tính như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, EU, Mỹ …; Thúc đẩy các hộ trồng chè trong tỉnh tham gia vào chuỗi cung ứng bền vững và chất lượng, đẩy mạnh mô hình sản xuất chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, tiêu chuẩn hữu cơ. Các doanh nghiệp xuất khẩu chè cần chủ động thay đổi hình ảnh, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng. Đồng thời đầu tư các công nghệ nhằm sản xuất các mặt hàng đạt tiêu chuẩn quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm; Cần tập trung đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho nông dân trồng chè và thực hành sản xuất chè bền vững sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo Chương trình quản lý tổng hợp dinh dưỡng và dịch hại cây trồng (IPM, ICM). Đảm bảo quy hoạch vùng sản xuất, ngoài định dạng độ cao cho từng vùng, miền để xác định giống chè phải gắn với các cơ sở chế biến và phân vùng nguyên liệu chè.

(Xem tiếp trang 80)

ĐĂNG KÝ BẢO HỘ VÀ QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CHO SẢN PHẨM NẾP GÀ GÁY MỸ LUNG

Xuân Phong

Hiện nay, Nếp Gà gáy Mỹ Lung là sản phẩm nông sản đã góp một vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế của xã Mỹ Lung nói riêng và huyện Yên Lập nói chung. Để đưa sản phẩm này ra thị trường và phát triển quy mô lớn hơn, Huyện Yên Lập đã thực hiện đăng ký xây dựng nhãn hiệu tập thể "Nếp Gà gáy Mỹ Lung,.... Sau khi nhãn hiệu tập thể được chứng nhận, sản phẩm Nếp gà gáy Mỹ Lung được sản xuất quy mô, diện tích tăng, sản lượng cao gấp nhiều lần so với trước đây, giá thành của sản phẩm cũng cao hơn và quan trọng hơn, sản phẩm đã đến được với nhiều người tiêu dùng và được nhiều nhà phân phối, hệ thống siêu thị đặt hàng.

Hình ảnh lúa Nếp Gà gáy Mỹ lung

Nhận thấy, đây là sản phẩm chủ lực và đặc sản không chỉ của huyện Yên Lập mà còn là sản phẩm đặc sản của tỉnh Phú Thọ, sản phẩm đáp ứng các tiêu chí về bảo hộ chỉ dẫn địa lý, do vậy, tỉnh Phú Thọ đã triển khai dự án "Đăng ký bảo hộ và quản lý chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm Nếp gà gáy Mỹ Lung của tỉnh Phú Thọ", ngoài việc góp phần bảo tồn, khai thác tối đa giá trị của sản phẩm nông nghiệp đặc sản, truyền thống của địa phương còn mang ý nghĩa lớn về an sinh xã hội trong việc tạo sản phẩm có giá trị sinh kế cao, ổn định đối với bà con vùng dân tộc thiểu số, đồng thời phục vụ thiết thực chủ trương phát triển du lịch sinh thái cộng đồng gắn với khai thác bảo tồn văn hóa truyền thống, đặc sắc của tỉnh Phú Thọ. Bảo hộ chỉ dẫn địa lý là mức độ bảo hộ cao nhất về Sở hữu trí tuệ hiện nay.

Nhắc đến huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ không ai không biết đến một đặc sản nổi tiếng đó là Gạo nếp Gà gáy Mỹ Lung. Đây là sản vật truyền thống của người dân tộc Mường ở xã Mỹ Lung, huyện Yên Lập, là giống lúa quý hiếm có từ rất lâu đời, hội tụ hương sắc của vùng quê đất Tổ Vua Hùng.Tương truyền, ngày xưa, rằng có một đôi trai gái yêu nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của dân tộc mường, trước khi về nhà chồng cô gái được mẹ đưa cho một túi lúa. Sau đám cưới vài ngày mẹ chồng nói với con dâu ngày mai làm cơm mời vị trưởng tộc sang dùng bữa. Khi bữa tối song hai vợ chồng bén duyên

Gạo nếp Gà gáy Mỹ Lung - sản vật truyền thống của người Mường ở huyện Yên Lập được chọn là 1 trong 5 sản phẩm OCOP 5 sao của tỉnh Phú Thọ

mới quấn quýt nên đã quên lời mẹ dặn, tới khi văng vẳng bên tai tiếng gà gáy cô mới giật mình tỉnh giấc đi giã gạo đồ xôi. Do thời gian ngâm chưa được lâu nhưng vì để kịp bữa nên cô đã vớt gạo ra, để ráo nước và đưa vào đồ xôi. Bữa cơm hôm đó vị trưởng tộc cùng mọi người cứ tấm tắc khen cơm xôi ngon dẻo mà lại thơm nữa, không biết là xôi gạo gì? Mẹ chồng quay sang hỏi con dâu, cô nghĩ ngợi một lúc và trả lời: dạ con xôi bằng gạo nếp Gà gáy ạ! Và cái tên gạo nếp Gà gáy Mỹ Lung được lưu truyền cho đến ngày nay.

"Nếp gà gáy Mỹ Lung" không chỉ là nét văn hóa ẩm thực lâu đời của địa phương mà quả thực, hương vị của gạo nếp gà gáy rất thơm ngon, độc đáoXôi nếp đồ từ loại gạo này dẻo, bùi mà lại không dính tay, để được hai ngày không bị cứng. Người nào từng ăn qua nếp gà gáy chắc hẳn không thể nào quên được vị ngọt mộc mạc, đậm đà hiếm có. Nếp Gà gáy được trồng từ tháng 5 đến tháng 10.

Năm 2006, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ đã tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt thực hiện đề tài phục tráng, nhân giống và mở rộng sản xuất giống lúa Nếp gà gáy Mỹ Lung trên quy mô diện tích 7ha, kết quả năng suất đạt 136kg/sào (37,7 tạ/ha), sản lượng đạt trên 26 tấn. Từ tháng 5/2009, Sở tiếp tục hỗ trợ huyện Yên Lập thực hiện dự án "Phát triển sản xuất, thâm canh giống lúa Nếp gà gáy Mỹ Lung thành vùng sản xuất hàng hoá", với quy mô thực hiện của dự án gần 200ha, năng suất bình quân vụ đạt gần 36tạ/ha, sản lượng gần 570 tấn (vụ mùa năm 2011). Là quê gốc của giống nếp đặc sản, Mỹ Lung vẫn là xã đạt năng suất cao nhất, từ 37-39 tạ/ha. Doanh thu và giá bán của nếp gà gáy Mỹ Lung cũng được tăng lên, cao hơn so với giống lúa khác, giá bán gạo nếp Gà gáy trung bình từ 45.000 - 50.000 đồng/kg; doanh thu trung bình đạt 90 triệu đồng/ha, cao gấp 2-3 lần so với trồng các giống lúa khác. Đến năm 2010, nếp Gà gáy Mỹ Lung đã chính thức được Cục Sở hữu Trí tuệ cấp chứng nhận công nhận là nhãn hiệu tập thể, chủ sở hữu là Hợp tác xã sản xuất - kinh doanh gạo nếp Gà gáy Mỹ Lung.

Hiện nay, Nếp Gà gáy đã góp một vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế của xã Mỹ Lung nói riêng và huyện Yên Lập nói chung. Hiệu quả kinh tế do giống lúa nếp đem lại cao gấp 2 - 3 lần so với các loại giống gạo nếp khác, người dân đã yên tâm sản xuất, đời sống đã được nâng cao. Điều này đã mang một giá trị kinh tế xã hội lớn đối với huyện Yên Lập nói riêng của của tỉnh Phú Thọ nói riêng đó là ngoài việc bảo tồn được giống lúa đặc sản, truyền thống, có chất lượng của người dân tộc Mường, đóng góp vào phát

triển kinh tế xã hội của huyện Yên Lập, còn có ý nghĩa mang lại sản phẩm có giá trị sinh kế cao, thu nhập ổn định, bền vững tại một địa phương có đến trên 80% là người dân tộc Mường sinh sống.

Tuy nhiên, sản phẩm gạo nếp này chỉ bán được ở thị trường trong tỉnh là chủ yếu. Mặc dù chất lượng sản phẩm đã được duy trì ổn định, giá thành sản phẩm đã được nâng lên. Nhưng việc phát triển thương mại, tham gia trực tiếp vào các kênh phân phối còn hạn chế, chưa phát huy hết giá trị. Do vậy, việc đăng ký bảo hộ CDĐL"Mỹ Lung" cho sản phẩm gạo nếp Gà gáy là cần thiết, có ý nghĩa rất quan trọng, nâng cao chất lượng sản phẩm, giúp sản xuất nông sản tuân theo quy trình chặt chẽ và đảm bảo chất lượng khi truy xuất nguồn gốc; tăng giá trị, khả năng cạnh tranh của sản phẩm, có khả năng lan tỏa và tạo niềm tin đối với người tiêu dùng. Đa dạng hóa loại hình sản phẩm du lịch, xây dựng mô hình sản xuất gạo nếp Gà gáy thành sản phẩm du lịch cộng đồng, kết hợp với việc khai thác tiềm năng thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, bản sắc văn hóa dân tộc người Mường tại huyện Yên Lập …

Sau hơn 10 năm được cấp chứng nhận, sản phẩm nếp Gà gáy Mỹ lung đã trở thành sản phẩm nông sản chủ lực đem lại hiệu quả kinh tế cao của huyện Yên Lập, diện tích trồng tăng lên, sản lượng cao, được nhiều người tiêu dùng trên cả nước biết đến. Đánh giá được tiềm năng của sản phẩm này, qua khảo sát đánh giá, Sở Khoa học và Công nghệ nhận thấy sản phẩm có đủ các tiêu chí để đề xuất Uỷ ban nhân dân tỉnh và Cục Sở hữu trí tuệ xây dựng hồ sơ đăng ký Bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Đây là mức bảo hộ cao nhất hiện nay đối với các sản phẩm của Việt Nam.

X.P

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VI SINH…

(Tiếp theo trang 59)

Dịch vụ Bảo Quang Minh làm chủ được công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ chất lượng cao từ phế thải chăn nuôi, sản xuất và chế biến nông lâm sản. Tập huấn cho 100 lượt hộ nông dân ở địa phương về kỹ thuật sử dụng phân bón hữu cơ.

Đánh giá hiệu quả ban đầu đem lại cho thấy, việc tận dụng được phế thải trong chăn nuôi, sản xuất và chế biến nông lâm sản để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ compost của dự án đã tạo ra được sản phẩm có chất lượng cao, giá thành thấp, chủ động tại địa phương và giảm ô nhiễm môi trường. Theo tính toán của nhóm triển khai dự án, nếu sử dụng phân hữu cơ cho sản xuất một số loài cây trồng sẽ làm tăng thu nhập hơn so với sản xuất đại trà 10 - 15%. Giảm sử dụng phân hóa học và thuốc BVTV hóa học. Việc sản xuất vi sinh vật ưa nhiệt sẽ giúp doanh nghiệp chủ động nguồn vi sinh đầu vào và giảm giá thành so với đi mua trên thị trường.

Dự án được triển khai thành công đã tạo cơ hội cho nông dân tiếp cận, sử dụng các sản phẩm ứng dụng tiến bộ khoa học trong sản xuất nông nghiệp, giúp tăng năng suất, chất lượng, tăng hiệu quả kinh tế và nâng cao đời sống người dân./.

V.T.H.Y

PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU MỲ GẠO HÙNG LÔ NHỮNG THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG THỜI GIAN TỚI

Cao Đăng Duy
Giám đốc Hợp tác xã Mỳ gạo Hùng Lô

HTX Mì gạo Hùng Lô được thành lập ngày 03 tháng 06 năm 2016 tiền thân từ "Làng nghề chế biến nông sản thực phẩm Đoàn kết" (được UBND tỉnh Phú Thọ đã cấp bằng công nhận năm 2004). HTX mì gạo Hùng Lô có trụ sở chính tại khu 4, xã Hùng Lô, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Qua gần 07 năm xây dựng và phát triển với quyết tâm cao nhất, xuất phát điểm từ tổ chức sản xuất nhỏ lẻ theo hộ thành viên, HTX mạnh dạn xây dựng phương án, từng bước mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, đầu tư nhà xưởng, mua sắm thiết bị máy móc, cải tiến dây chuyền sản xuất, nâng cao năng xuất, chất lượng sản phẩm và hoàn thiện mẫu mã, bao bì sản phẩm, triển khai nhiều giải pháp tiếp cận thị trường, xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm, nâng giá trị và khẳng định thương hiệu sản phẩm.

Các sản phẩm của HTX mì gạo Hùng Lô đã cơ bản chiếm lĩnh được thị trường tiêu thụ, tham gia sâu vào các chuỗi siêu thị, nhà hàng, mở được nhiều đại lý, nhà phân phối trên 45 tỉnh, thành trên cả nước; tham gia chuỗi các siêu thị như: Big C, Coop mart, chuỗi cửa hàng OCOP, Vinmart, Aloha,…. trung bình mỗi ngày HTX tiêu thụ từ 2 tấn mì gạo thành phẩm. Tổng sản lượng mì gạo của HTX năm 2022 đạt trên 800 tấn mì, tương đương doanh thu đạt khoảng 20 tỉ đồng, ước tính 6 tháng đầu năm 2023 sản lượng mì gạo đạt khoảng 450 tấn. HTX đã tạo công ăn việc làm thường xuyên cho 35 lao động, thu nhập bình quân đạt 5.5 - 6 triệu đồng/người/tháng. Sản phẩm của HTX hiện sản xuất đều xuất bán hết, không có hàng tồn kho.

Đặc biệt năm 2022 HTX đã ký được hợp đồng tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm sang thị trường khó tính như Nhật Bản, Nga và gửi được sản phẩm sang chào hàng với tác ở Mỹ, Trung Quốc... đây có thể nói là bước ngoặt lớn cho sự phát triển của HTX. Tuy kết quả còn khiêm tốn, nhưng là cả sự cố gắng, tâm huyết,

quyết tâm của HĐQT, Ban GĐ và các thành viên HTX. Hiện HTX có 03 dòng sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP 4 sao. Với chủ trương phát triển mì gạo Hùng Lô đạt tiêu chuẩn OCOP 5 sao, năm 2022 được sự quan tâm, định hướng và hỗ trợ của sở ban ngành đã xây dựng , thực hiện dự án liên kết với một số HTX dịch vụ nông nghiệp trong tỉnh để sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn VietGap tạo vùng nguyên liệu đầu vào cho HTX Mì gạo Hùng Lô. Đây cũng là điều kiện cần và đủ để sản phẩm của HTX mì gạo Hùng Lô được công nhận sản phẩm OCOP 5 sao…

Để sản phẩm đáp ứng được nhu cầu ngày càng lớn của thị trường, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc HTX luôn thống nhất trong việc xây dựng thương hiệu sản phẩm, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh để nâng cao năng suất, sản lượng sản xuất. Trong quá trình sản xuất các thành viên luôn tuân thủ đúng quy định về đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh sản phẩm. Khâu nguyên liệu đầu vào cũng như quy trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc HTX không ngừng tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cho thành viên, tích cực đổi mới trang thiết bị sản xuất, ứng dụng công nghệ chế biến gắn với phát huy bí quyết sản xuất truyền thống của làng nghề. Đồng thời tăng cường mối liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Trong quá trình xây dựng, hình thành HTX và phát triển để có được quy mô như ngày hôm nay, trên nền tảng phát huy nghề truyền thống của ông cha kết hợp với sự nhiệt huyết, năng động, tư duy dám nghĩ, dám làm của đội ngũ cán bộ HTX, sự quan tâm, hướng dẫn tư vấn tận tình, trách nhiệm và hỗ trợ thiết thực của Liên minh HTX tỉnh, sự quan tâm, tạo điều kiện của các Sở, ngành và các cấp chính quyền, HTX Mì gạo Hùng Lô đã có chỗ đứng ổn định trên thị trường, sản phẩm không ngừng vươn xa, được nhiều người tiêu dùng đón nhận.

Từ thực tiễn quá trình tổ chức hoạt động của HTX, có thể nhận thấy có mấy vấn đề cần quan tâm, tổ chức thực hiện chặt chẽ, đó là: Thứ nhất, tổ chức bộ máy quản lý, điều hành hợp lý, tổ chức hoạt động theo đúng Luật HTX năm 2012. Trên cơ sở thực tiễn Hội đồng quản trị, Ban giám đốc HTX bàn bạc thống nhất xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm theo từng giai đoạn. Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, xây dựng kế hoạch sản xuất theo tháng, quý… tổ chức sản xuất, cung ứng các dịch vụ, nguyên liệu đầu vào cho thành viên, bao tiêu tiêu thụ sản phẩm đầu ra. Gìn giữ và phát triển thương hiệu với slogan: “Mì gạo sạch - sinh ra từ làng” để khẳng định tính thuần nông và thuần Việt từ nguyên liệu cho đến hương vị và ý nghĩa văn hoá; sản phẩm được chính tay những người dân làng cổ Hùng Lô tạo ra, với mong muốn mang đến cho cộng đồng một nguồn thực phẩm sạch, chất lượng cho cuộc sống

xanh. Thứ hai, không ngừng đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật cải tiến công nghệ sản xuất, trên nền tảng kết hợp bí quyết sản xuất truyền thống với khoa học công nghệ tiên tiến để nâng cấp trang thiết bị máy móc, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Trú trọng việc cải tiến, nâng cấp phải được đầu tư đồng bộ, thống nhất của các hộ thành viên từ cơ sở vật chất, nhà xưởng, trang thiết bị máy móc được đồng bộ, quản lý chặt chẽ quy trình sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm. Thứ ba, xác định liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm là xu hướng tất yếu, là điều kiện quyết định sự phát triển bền vững của HTX. Trước tiên đó là sự liên kết của các thành viên trong HTX tạo sự thống nhất, đoàn kết từ ý tưởng thành lập HTX kiểu mới phát triển trên nền vững chắc của làng nghề truyền thống, nâng cấp từ tên gọi đến chất lượng sản phẩm; đến liên kết với các đối tác để mở rộng sản xuất kinh doanh, hoàn chỉnh quy trình và nguồn nguyên liệu cho sản xuất; đồng thời mở rộng kênh tiêu thụ sản phẩm.

HTX Mì gạo Hùng Lô sẽ tiếp tục phát triển bền vững, xây dựng thành công mô hình HTX kiểu mới hoạt động hiệu quả đóng góp thiết thực cho phong trào KTTT, HTX. Tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội địa phương.

C.Đ.D

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH PHÚ THỌ_

(Tiếp theo trang 45)

tác nghiên cứu khoa học và thực hiện các đề tài khoa học cấp cơ sở, định hướng, có cơ chế động viên để giảng viên có động lực và say mê với hoạt động nghiên cứu khoa học, đặc biệt trong việc nghiên cứu làm đề tài cấp cơ sở, sáng kiến kinh nghiệm cấp khoa, phòng. Khuyến khích những đề tài có tính mới, sáng tạo, ứng dụng đem lại hiệu quả cao để đưa nội dung kết quả nghiên cứu phục vụ nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của nhà trường.

Thứ hai, chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu cần bám sát Quy chế Nghiên cứu khoa học, căn cứ kế hoạch Nhà trường đã ban hành, lựa chọn nội dung phù hợp với yêu cầu thực tiễn đang đặt ra. Thực hiện đề tài đúng tiến độ theo như đề cương nghiên cứu đã xây dựng và quyết định của Hội đồng thẩm định thuyết minh đề tài.

Thứ ba, Ban Giám hiệu nhà trường xem xét tăng kinh phí phù hợp cho các đề tài nghiên cứu, khuyến khích liên kết, hợp tác với các cơ quan, sở, ban ngành, đơn vị trong các hoạt động nghiên cứu khoa học. Trong quá trình thực hiện đề tài và khảo sát thực tế, Chủ nhiệm đề tài, nhóm nghiên cứu cần chủ động, tích cực hơn nữa trong việc tìm hiểu, trao đổi thông tin với các cơ quan, đơn vị liên quan. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chủ trương nghiên cứu khoa học là một tiêu chí quan trọng để xét thi đua, khen thưởng, đánh giá, xếp loại cán bộ, giảng viên hằng năm

Thứ tư, kịp thời động viên, khen thưởng về vật chất cũng như tinh thần đối với những đề tài có tính ứng dụng thực tiễn cao trong quá trình triển khai thực hiện, tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học.

Thực hiện tốt các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường chính trị tỉnh Phú Thọ sớm đạt chuẩn trong năm tới.

N.T.K.S

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

Ngọc Lan

Chiến lược sở hữu trí tuệ (SHTT) đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 với quan điểm hoạt động SHTT có sự tham gia tích cực của tất cả các chủ thể trong xã hội, trong đó viện nghiên cứu, trường đại học, các cá nhân hoạt động sáng tạo, đồng thời, thúc đẩy các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, khuyến khích, nâng cao hiệu quả khai thác TSTT là một trong các nhiệm vụ, giải pháp được Thủ tướng Chính phủ yêu cầu phải tập trung thực hiện để triển khai hiệu quả Chiến lược.

Tỉnh Phú Thọ đã có sự quan tâm, chú trọng tới công tác phát triển KH&CN nói chung và công tác bảo hộ, quản lý, phát triển thương hiệu, TSTT, nhiều cơ chế chính sách đã được ban hành, tiêu biểu như: Nghị quyết số 76-NQ/TU ngày 02/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chương trình KHCN&ĐMST trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2030; Chương trình số 3079/CTr-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về phát triển KHCN&ĐMST trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2030; Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 18/1/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt Chương trình phát triển TSTT tỉnh Phú Thọ đến năm 2030… Các chính sách trên của tỉnh Phú Thọ tập trung vào phát triển đồng bộ, hiệu quả về KHCN&ĐMST ở tất cả các ngành, các lĩnh vực. Riêng đối với khu vực kinh tế nông thôn, hoạt động SHTT hướng đến nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, xúc tiến thương mại, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị, nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm đặc sản, đặc thù được bảo hộ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Trong giai đoạn 2020-2022, tỉnh Phú Thọ đã hỗ trợ bảo hộ, quản lý và phát triển TSTT cho 18 sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP của địa phương như rượu ngô Tân Sơn, chè Đá Hén, tương Làng Bợ, vải Hùng Long ... Các nhiệm vụ hỗ trợ này còn gắn với các hoạt động chuyển giao ứng dụng KHKT, nâng cao năng xuất chất lượng và quản lý, kiểm soát và khai thác thương mại sản phẩm.

Thông qua việc hỗ trợ bảo hộ, phát triển TSTT cho các sản phẩm chủ lực địa phương, Chương trình nói riêng và hoạt động SHTT nói chung đã góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường, dịch chuyển từ mô hình sản xuất đơn lẻ sang sản xuất tập trung, từ sản xuất, phát triển sản phẩm tự do sang sản xuất, kinh doanh sản phẩm bảo hộ quyền SHTT được kiểm soát về nguồn gốc và chất lượng. Việc bảo hộ SHTT cho các sản phẩm đặc thù địa phương còn góp phần gìn giữ các giá trị văn hóa dân tộc, tri thức truyền thống, phát huy và tôn vinh giá trị sản phẩm được sản xuất theo quy trình bản địa.

Nhiều sản phẩm sau khi được bảo hộ SHTT, người tiêu dùng đã biết đến rộng rãi, uy tín sản phẩm được nâng cao, giá trị sản phẩm gia tăng đáng kể. Có nhiều mô hình điểm, điển hình đáng ghi nhận trong thời gian qua, đó là: Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ cấp tỉnh tới cấp xã trong công tác xây dựng, phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ; phát triển TSTT gắn với khôi phục, phát triển các ngành nghề truyền thống; gắn

kết giữa SHTT với kế hoạch phát triển sản phẩm cấp tỉnh và Hội chợ kết nối các sản phẩm OCOP của tỉnh Phú Thọ. Sự kết nối chặt chẽ giữa Chương trình Phát triển TSTT và Chương trình OCOP trong giai đoạn vừa qua đã thúc đẩy việc khai thác tiềm năng, thế mạnh của các địa phương về sản phẩm đặc sản, ngành nghề nông thôn gắn với lợi thế về điều kiện sản xuất, vùng nguyên liệu và văn hóa truyền thống để gia tăng giá trị sản phẩm OCOP.

Để đổi mới sáng tạo trong phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, một số định hướng trong thời gian tới như sau: Định kỳ có khảo sát, đánh giá về các kết quả, tồn tại, khó khăn của công tác quản lý, khai thác, phát triển TSTT. Triển khai nghiên cứu xác định sản phẩm chủ lực, đặc sản ưu tiên đăng ký bảo hộ TSTT giai đoạn 2021 - 2030; Tăng cường nguồn lực cho các nghiên cứu ứng dụng. Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong việc đặt hàng, giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng từ nhu cầu, đề xuất của doanh nghiệp; Nâng cao vai trò của quản lý nhà nước về quản lý, kiểm soát nguồn gốc chất lượng sản phẩm được bảo hộ. Tăng cường chuyển đổi số trong quản lý, khai thác nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo bộ. Thúc đẩy hoạt động quảng bá, thương mại; Gắn với các chương trình xúc tiến thương mại, du lịch và OCOP…; Tiếp tục tăng cường năng lực (kỹ thuật, quản lý, thương mại) cho cán bộ chuyên môn, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham quan quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể; Thúc đẩy và tăng cường hiệu quả công tác bảo vệ, thực thi và chống xâm phạm quyền SHTT; Đẩy mạnh việc đăng ký bảo hộ quyền SHTT nói chung và nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý nói riêng ở nước ngoài nhằm tạo điều kiện thuận lợi để quảng bá, phát triển hình ảnh, khẳng định vị thế cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực Việt Nam trên thị trường quốc tế.

N.L

BẢO HỘ SỞ HỮU TRÍ TUỆ...

(Tiếp theo trang 13)

nghiệp, tăng thu nhập và nâng cao đời sống của người lao động. Hiện nay, các doanh nghiệp đã xây dựng được thương hiệu cho chính mình, tìm kiếm được những khách hàng tiềm năng và mở rộng thị trường tiêu thụ, sản lượng tăng từ 1,2 - 2 lần/đơn vị, giá thành sản phẩm tăng khoảng 30%, mức lương trung bình của người lao động trong doanh nghiệp tăng 1,3 - 1,5 lần so với trước đây.

Với những kết quả đạt được nêu trên và trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay thì nhu cầu về bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ của các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, địa phương là rất lớn. Để đáp ứng nhu cầu ấy, trong thời gian tới cần tập trung triển khai các giải pháp như sau: tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức về SHTT; Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về SHTT; Tăng cường đầu tư hỗ trợ hoạt động tạo lập, khai thác và phát triển bảo hộ SHTT đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng, có lợi thế, sản phẩm làng nghề và sản phẩm OCOP của tỉnh và sản phẩm của doanh nghiệp. Củng cố, phát triển các tổ chức kinh tế tham gia. Phát huy các nguồn lực, có sự tham gia mạnh mẽ của người dân và doanh nghiệp cho công tác tạo lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương thông qua Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2021-2030.

B.C

ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Việt Oanh
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đảng và Nhà nước ta rất coi trọng và xem chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chuyển đổi số là cơ hội, chìa khóa để hiện thực hóa mục tiêu "Người nông dân sản xuất nông sản chất lượng, với chi phí thấp nhất nhưng bán ra được giá cao nhất". Việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ thúc đẩy chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp được xác định là giải pháp căn cơ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hướng tới xây dựng nền nông nghiệp hiện đại trong giai đoạn hội nhập sâu rộng như hiện nay.

Phú Thọ đẩy mạnh chuyển đổi số trong ngành Nông nghiệp

Đối với tỉnh Phú Thọ xác định ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số là xu thế tất yếu của sự phát triển, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp; Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các sở ngành chủ động triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của trung ương của tỉnh: Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15/6/2022 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 296/QĐ-BNN-KHCN ngày 16/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt chiến lược phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, ngành nông nghiệp và PTNT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết 76-NQ/TU ngày 02/8/2022

của Tỉnh ủy và Chương trình số 3079/ CTr-UBND ngày 09/08/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2030,...

Việc ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã mang đến những kết quả nổi bật, giúp giá trị tăng thêm ngành NLN- TS năm 2022 tăng 3,53%, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh; xây dựng và hình thành được các vùng sản xuất hàng hóa tập trung (166 vùng bưởi tổng diện tích 2,69 nghìn ha; 70 vùng chè với diện tích 5,8 nghìn ha; 33 vùng chuối với diện tích 1,08 nghìn ha), hỗ trợ cấp 41 mã số vùng trồng với diện tích 1.462,4 ha (27 mã vùng trồng xuất khẩu) cho các sản phẩm chuối, bưởi, rau; một số mô hình sản xuất tiêu biểu, có hiệu quả như: IPM trên lúa, rau, chè, bưởi; chuyển giao giống cây trồng vật nuôi có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất như (giống lúa J02, ST25; giống ngô chuyển gen kháng sâu, bệnh, các giống vật nuôi: bò siêu thịt Blanc Blue Belge (BBB), Red Angus; giống lợn ngoại cao sản; gà siêu trứng Ai Cập, Hyline….), ứng dụng phương pháp nuôi cấy mô sản xuất giống chuối, cây lâm nghiệp phục vụ sản xuất với trên 10 triệu cây/năm. Tỷ lệ giống cây trồng, vật nuôi mới đưa vào sản xuất ngày càng tăng: lúa chất lượng cao 53%, chè giống mới 78%, lợn lai 95%; bò lai 81%, thuỷ sản có giá trị cao 60%... qua đó góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm. Công nghệ cao, công nghệ tiên tiến được ứng dụng mạnh mẽ. Diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, bền vững được mở rộng: diện tích chè được cấp chứng nhận an toàn (FA, Vietgap) 4,1 nghìn ha, diện tích bưởi theo hướng an toàn đạt trên 3,1 nghìn ha, diện tích chuối chứng nhận Vietgap trên 100 ha, ứng dụng quản lý dịch hại đối với cây trồng chính đạt trên 78%, chứng nhận hữu cơ đạt 24 ha, tỷ lệ đàn vật nuôi được sản xuất theo qui trình an toàn đối với đàn lợn đạt 42%, đàn gà đạt 15%. Sản xuất rau, hoa trong nhà lưới, nhà màng được nhân rộng. Công nghệ thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò, lợn, gà, công nghệ chăn nuôi tự động, bán tự động, hệ thống chuồng kín, chuồng lạnh…được áp dụng rộng rãi. Đến nay có 25 HTX, 82 trang trại ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất. Những giải pháp đó đã giúp giảm chi phí đầu vào, tăng năng suất, chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, tăng hiệu quả kinh tế trong sản xuất.

Triển khai chuỗi cung ứng nông sản an toàn trên các đối tượng cây trồng, vật nuôi chủ lực, đến nay triển khai được 23 dự án liên kết; 93 chuỗi liên kết, cung ứng thực phẩm an toàn: Chè, bưởi, chuối, rau, gạo, hồng không hạt, thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, 100% sản phẩm tham gia chuỗi đều được chứng nhận các tiêu chuẩn chất lượng an toàn, có bao bì, nhãn mác, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đáp ứng tốt yêu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng, trong đó có 38% sản phẩm được chứng nhận các tiêu chuẩn chất lượng tiên tiến (VietGAP, HACCP, ISO…); Thực hiện có kết quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đến nay, toàn tỉnh có 139 sản phẩm, nhóm sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP, trong đó: 47 sản phẩm đạt 4 sao và 92 sản phẩm đạt 3 sao, 01 sản phẩm đề nghị công nhận hạng 5 sao; giá trị sản lượng hàng hóa từ các sản phẩm OCOP năm 2022 tăng từ 15% so với năm 2021; đã hỗ trợ trên 300 nghìn tem điện tử, cập nhật mã QR code cho các sản phẩm nông sản, sản phẩm tham gia Chương trình OCOP; phối hợp với Sở Công thương và các đơn vị liên quan hỗ trợ các chủ thể giới thiệu, bán sản phẩm nông sản đặc trưng, sản phẩm OCOP trên các trang thương mại điện tử (Giaothương.net.vn; nongsan.phutho.gov.vn; Postmart-VNPost,..).

Bên cạnh đó Sở đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai chương trình chuyển đổi số trong ngành nông nghiệp: Trung tâm khuyến nông xây dựng hệ thống phần mềm hoạt động đa nền tảng phục vụ công tác chuyển đổi số cho các đơn vị sản xuất nông sản trên địa bàn tỉnh; xây dựng, vận hành phần mềm chuyển đổi số nông nghiệp hoạt động trên website: http://phutho.idfood.net/ và ứng dụng "Agritech-Chuỗi nông nghiệp số" cho thiết bị di động. Trong mỗi phân hệ có đủ công cụ quản lý, thống kê, mẫu biểu hồ sơ hỗ trợ cấp chứng nhận/chứng chỉ (VietGAP, hữu cơ, FSC, chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm,...) các thủ tục hành chính liên quan đến từng lĩnh vực; lựa chọn 50 cơ sở sản suất và sản phẩm OCOP để thực hiện chuyển đổi số. Các sơ sở tham gia chuyển đổi số được cấp mã số, hướng dẫn cài đặt trên hệ thống, được sơ đồ hóa và định vị GPS cơ sở sản xuất; quản lý và cập nhật đầy đủ quy trình sản xuất, vật tư đầu vào, đầu ra, nhật ký điện tử sản suất theo thời gian thực; mã hóa và xuất code tem truy xuất nguồn gốc QR kết nối với dữ liệu đầu vào cho từng sản phẩm; Chi cục thủy lợi trong công tác cảnh báo phòng chống thiên tai đã sử dụng phần mềm Hệ thống quản lý thiên tai quốc gia; phần mềm kiểm tra lượng mưa tự động; lắp đặt hệ thống camera giám sát mực nước tại Trạm thủy văn Ấm Thượng (Hạ Hòa) và Thục Luyện (Thanh Sơn); Chi cục quản lý chất lượng NLS - TS hỗ trợ các chủ thể tem truy suất nguồn gốc sản phẩm; Chi cục Kiểm lâm đã triển khai ứng dụng phần mềm dự báo nguy cơ cháy rừng giúp cho công tác dự báo và phòng chống cháy rừng trên địa bàn được kịp thời, hiệu quả..

Có thể nói việc chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp đã và đang góp phần quan trọng thay đổi phương thức sản xuất, giải phóng sức lao động, giảm chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Cùng với sự phát triển của nông nghiệp số trên cả nước, sản xuất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ đang có những thay đổi, bắt kịp xu thế nhằm tạo dựng môi trường nông nghiệp số trên địa bàn.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả bước đầu đạt được, việc áp dụng chuyển đổi số trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh còn gặp không ít khó khăn do đầu tư cho nghiên cứu và phát triển khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế; việc ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ cho hoạt động chuyển đổi số trong nông nghiệp vẫn còn là vấn đề khá mới so với hiểu biết và tập quán canh tác của nông dân cũng như các doanh nghiệp nên việc ứng dụng chưa được sâu rộng; chất lượng nguồn nhân lực có chuyên môn cao về sản xuất, chế biến nông sản, sử dụng, vận hành thiết bị (tự động, số, thiết bị phân tích...), cơ sở hạ tầng số ở nông thôn còn thiếu. Tại nhiều địa phương, nhất là các huyện miền núi, nhận thức và trình độ của nông dân còn hạn chế nên khó áp dụng công nghệ mới, khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó, cơ sở dữ liệu số phục vụ nông nghiệp còn tản mạn, chưa được thiết kế và số hóa đồng bộ. Suất đầu tư cho nông nghiệp thông minh và công nghệ cao hơn rất nhiều so với nông nghiệp truyền thống nên phần lớn các hộ không đủ điều kiện để đầu tư.

Để tiếp tục triển khai thực hiện có kết quả phát triển khoa học công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số ngành nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh hướng đến mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp "minh bạch - trách nhiệm -bền vững" trong thời gian tới cần tập trung vào nhiệm vụ và giải pháp như sau: Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền đến người dân về ứng dụng chuyển đổi số; hỗ trợ tập huấn, hướng dẫn nông dân tiếp cận chuyển đổi số, giới thiệu, bán hàng trên các sàn

giao dịch điện tử. Đồng thời, triển khai ứng dụng chuyển đổi số vào sản xuất, cải thiện chất lượng, mẫu mã, chuẩn hóa sản phẩm; thu hút sự tham gia của mọi thành phần trong chuỗi sản xuất từ người nông dân, nông thôn, doanh nghiệp, HTX vào quá trình chuyển đổi số. Triển khai thực hiện sáng kiến "Mỗi nông dân là một thương nhân, mỗi hợp tác xã là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số" với mục tiêu mỗi người nông dân được định hướng, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, cung cấp, phân phối, dự báo (giá, thời vụ,...) nông sản, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử; Xác định chuyển đổi số ngành nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp đột phá, để thực hiện số hóa thành dữ liệu điện tử, kết nối, liên thông, chia sẻ, tích hợp, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số. Do đó, tập trung rà soát, xây dựng phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành về lĩnh vực nông lâm nghiệp, thuỷ sản, trong đó ưu tiên về đất trồng lúa, đất lâm nghiệp, cây ăn quả, cây công nghiệp, chăn nuôi; xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp; thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để giúp người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, cũng như hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số. Ứng dụng công nghệ số để tự động hoá các quy trình sản xuất, kinh doanh, quản lý được vùng trồng, truy xuất được nguồn gốc các chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm, phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp; thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, như: Dự báo thị trường, thông tin kết nối cung - cầu sản phẩm, cảnh báo thiên tai, xây dựng bản đồ số nông nghiệp, nông thôn,...; Tăng cường công tác phối hợp với các viện nghiên cứu, tổ chức Khoa học và công nghệ nhằm đưa các tiến bộ khoa học và công nghệ cao, an toàn vào sản xuất nông nghiệp. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, vai trò, vị trí, tầm quan trọng của khoa học và công nghệ, chuyển đổi số đối với thực hiện phát triển ngành nông nghiệp, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị thông minh, du lịch dịch vụ,...; Tập trung phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cần thực hiện đồng bộ, phù hợp với định hướng trung ương, của tỉnh, ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý nông nghiệp theo hướng xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, nông nghiệp chính xác, nông nghiệp thông minh, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết sản xuất, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu, sản phẩm nông nghiệp có đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Xây dựng chính sách, khuyến khích thúc đẩy việc xã hội hóa thực hiện nhiệm vụ KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ và chuyển giao công nghệ mới, mua công nghệ trong nước hoặc nước ngoài để phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn; huy động, lồng ghép các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư từ doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và nguồn vốn nước ngoài cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, chuyển giao phục vụ phát triển ngành nông nghiệp.

V.O

CHUYỂN ĐỔI SỐ ỨNG DỤNG VÀO HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, KHÁM CHỮA BỆNH CỦA NGÀNH Y TẾ PHÚ THỌ

Vân Anh
Sở Y tế tỉnh Phú Thọ

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu của thế giới, là đòi hỏi khách quan của sự phát triển, không một ngành nào có thể đứng ngoài cuộc. Chuyển đổi số Y tế là ứng dụng công nghệ thông tin một cách tổng thể và toàn diện, đặc biệt chú trọng tới các công nghệ số hiện đại dẫn đến sự thay đổi tích cực của toàn bộ hoạt động Y tế trong chăm sóc sức khỏe.

Ảnh minh họa

Chuyển đổi số trong Y tế tác động, thay đổi tích cực các hoạt động của ngành Y tế theo ba nhóm nội dung chính sau: Thứ nhất, tác động đến cách thức lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo điều hành trong ngành Y tế, để ra quyết định chính xác, kịp thời và hiệu quả, dựa trên nền tảng công nghệ số. Thứ hai, góp phần đẩy mạnh việc cung cấp và tiếp cận dịch vụ Y tế nhanh chóng, kịp thời, mọi lúc, mọi nơi. Thứ ba, chuyển đổi phương thức làm việc từ môi trường truyền thống sang môi trường số.

Thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TU ngày 13/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh về Đề án Phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Phú Thọ giai đoạn

2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Sở Y tế Phú Thọ đã triển khai chuyển đổi số trong toàn ngành Y tế của tỉnh với mục tiêu: Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) trong ngành Y tế tỉnh Phú Thọ đồng bộ, hoàn chỉnh, hiện đại, chất lượng, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu hội nhập trong nước và quốc tế; giúp người dân dễ dàng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ Y tế và được bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe liên tục, toàn diện, suốt đời; giúp hỗ trợ hoạt động chỉ đạo điều hành, giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về Y tế thuận tiện, nhanh chóng, chính xác, kịp thời.

Ảnh minh họa

Trong thời gian qua, hoạt động quản lý nhà nước về chuyển đổi số Y tế tỉnh Phú Thọ đã triển khai thực hiện quản lý văn bản và điều hành điện tử, tích hợp chữ ký số trong chuyển, gửi văn bản điện tử; thực hiện giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Thuế tỉnh; thực hiện ký số trực tiếp trên Hệ thống báo cáo của Chính phủ, dịch vụ công; Triển khai hệ thống CNTT hiện đại tại bộ phận 1 cửa, cung cấp 100% các dịch vụ công gồm 146 dịch vụ công mức độ 3, 4; Quản trị, vận hành, khai thác sử dụng các phần mềm chuyên ngành đặc thù để phục vụ công tác chuyên môn như: Cổng thông tin điện tử; Hệ thống đường dây nóng Bộ Y tế; Phản ánh thông tin tiêm chủng; Cổng giám định BHYT; Cổng dữ liệu Bộ Y tế; Phần mềm Quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia; Phần mềm báo cáo ứng dụng CNTT..vv; Triển khai báo cáo thống kê y tế điện tử theo chỉ đạo của Bộ Y tế đến các đơn vị y tế công lập và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh.

Trong hoạt động chuyên môn về Chăm sóc sức khỏe và KCB: Toàn ngành đã triển khai sử dụng phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử; thực hiện và liên thông dữ liệu khám, chữa bệnh (KCB). Đến nay, đã thực hiện khởi tạo dữ liệu ban đầu trên hệ thống cho 1.864.610 nhân khẩu, 392.188 hộ gia đình và có 306/329 cơ sở KCB thực hiện kết nối liên thông từ phần mềm quản lý KCB với 6.183.395 hồ sơ. Tại các cơ sở KCB tuyến tỉnh, huyện: 100% các cơ sở KCB triển khai phần mềm quản lý thông tin KCB trong công tác chuyên môn (HIS), hệ thống quản lý thông tin xét nghiệm (LIS), hệ thống chẩn đoán và lưu trữ hình ảnh (PASC); trong đó có 18 cơ sở KCB tuyến tỉnh, huyện (các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa và TTYT hai chức năng) đã triển khai xong Bệnh án điện tử (EMR), cơ bản bỏ bệnh án giấy truyền thống (vượt trước kế hoạch của Bộ Y tế 05 năm). Bệnh viện đa khoa tỉnh (BVĐK tỉnh) triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo IBM Watson Oncology trong hỗ trợ điều trị ung thư, ứng dụng trí tuệ nhân tạo RAPID trong hỗ trợ chẩn đoán, điều trị Đột quỵ, triển khai Robot Maxio hỗ trợ phẫu thuật; 05 cơ sở KCB hạng I, gồm BVĐK tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi, Trung tâm Y tế (TTYT) Thanh Thủy, TTYT Cẩm Khê, TTYT Thanh Ba) đang hợp tác với Viện Nghiên cứu dữ liệu lớn BigData thuộc Tập đoàn VINGROUP triển khai phần mềm

ứng dụng trí tuệ nhân tạo VinDr trong hỗ trợ chẩn đoán hình ảnh y tế. 100% cơ sở KCB tuyến tỉnh và huyện đã triển khai nền tảng KCB từ xa (Telehealth), kết nối liên thông đến một số bệnh viện tuyến Trung ương và các cơ sở KCB trên địa bàn tỉnh nhằm thực hiện hỗ trợ khám bệnh và điều trị cho người dân ngay tại tuyến cơ sở và góp phần thiết thực phòng, chống dịch bệnh. 100% nhà thuốc, quầy thuốc (01 cơ sở sản xuất thuốc, 22 cơ sở bán buôn thuốc, 352 nhà thuốc, 1390 quầy thuốc) sử dụng phần mềm bán thuốc theo đơn và liên thông với phần mềm quản lý Dược Quốc gia, giúp cho việc quản lý chất lượng kê đơn thuốc, việc chấp hành bán thuốc theo đơn và xuất xứ, đường đi, giá cả, chất lượng của thuốc từng bước được minh bạch.

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Kế hoạch số 524/KH - UBND ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh về Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, Sở Y tế đã chỉ đạo các cơ sở Y tế phối hợp với các tổ chức trung gian triển khai các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Đến nay, có 18/18 cơ sở KCB tuyến tỉnh và huyện đã liên kết với các chi nhánh ngân hàng tại địa phương như Agribank, Sacombank, Vietinbank, MBBank để đặt các máy POS hỗ trợ thanh toán qua thẻ ATM, tạo tài khoản có mã QR để hỗ trợ người dân thanh toán bằng hình thức chuyển khoản qua ứng dụng mobile banking trên điện thoại di động, thuận tiện cho người dân lựa chọn các hình thức thanh toán phù hợp. Một số đơn vị đã triển khai khá hiệu quả, cụ thể như: tại TTYT Cẩm Khê trong năm 2022 đạt 64%, quý I năm 2023 đạt 61% tổng số tiền thu từ dịch vụ; tại TTYT Đoan Hùng trong năm 2022 đạt 58%, quý I năm 2023 đạt 61%; tại TTYT Thanh Sơn trong năm 2022 và 3 tháng đầu năm 2023 đạt 55,3% ..vv.

Sở Y tế đã yêu cầu các cơ sở KCB tỉnh, huyện khẩn trương nâng cấp phần mềm HIS, bổ sung tính năng cho phép đăng ký KCB bằng CCCD thay cho thẻ BHYT và chủ động trang bị thiết bị đọc QR-code trên Căn cước công dân (CCCD). Đến nay, các cơ sở KCB tuyến tỉnh và tuyến huyện đã hoàn tất việc nâng cấp phần mềm HIS, bố trí thiết bị đọc và thực hiện đăng ký khám bệnh cho người bệnh có CCCD gắn chíp (hiện đã có hơn 47.852 lượt người bệnh được đăng ký KCB bằng CCCD gắn chip tại các cơ sở KCB trực thuộc Sở Y tế).

Thực hiện yêu cầu của Ban chỉ đạo Đề án 06 của Chính phủ, 100% các cơ sở KCB có hoạt động cấp Giấy khám sức khỏe lái xe, Giấy chứng sinh, Giấy báo tử trên địa bàn tỉnh đã đăng ký tài khoản, triển khai nhập dữ liệu lên Cổng Giám định Bảo hiểm Y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam tại địa chỉ https://gdbhyt.baohiemxahoi.gov.vn/ và ký số cho các trường hợp đủ điều kiện. Việc liên thông dữ liệu của 03 loại giấy tờ này từ HIS được thực hiện kết nối qua API đẩy tự động dữ liệu lên cổng Giám định của BHXH. Thực hiện rà soát dữ liệu tiêm chủng, ký xác thực điện tử: Đến nay, các cơ sở tiêm chủng đã xác thực điện tử cho 2,75 triệu mũi tiêm vắc xin COVID-19 tương ứng với 1,75 triệu công dân; đồng thời phối hợp chặt chẽ với Tổ công tác 06 các địa phương tổ chức xác thực trên 330 nghìn trường hợp sai thông tin. Tại tuyến xã: 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn sử dụng phần mềm VNPT HIS để quản lý hoạt động KCB và quản lý thông tin y tế, giúp công tác báo cáo thống kê theo quy định được thực hiện nhanh chóng, chính xác, loại bỏ cơ bản các báo cáo bằng giấy trước đây.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn tồn tại một số khó khăn cần khắc phục như việc ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt tại các đơn vị y tế còn chậm, gặp khó khăn do người dân vẫn có thói quen sử dụng tiền mặt, chưa quen tới việc áp dụng công nghệ trong thanh toán; bên cạnh đó các ngân hàng chưa có sự liên kết đồng bộ trong phương thức thanh toán, mức phí thanh toán còn cao, kinh phí để xây dựng module kết nối giữa phần mềm quản lý y tế của đơn vị với hệ thống ngân hàng không có. Đối với triển khai bệnh án điện tử: Hạ tầng CNTT và các máy móc, thiết bị Y tế tại các đơn vị được mua sắm ở các thời điểm khác nhau, chưa đồng bộ dẫn đến việc kết nối khó khăn; Trình độ, năng lực ứng dụng CNTT của cán bộ y tế không đồng đều, nhất là số cán bộ đã lớn tuổi; Kinh phí triển khai CNTT chưa được tính toán vào cơ cấu giá dịch vụ Y tế, không được bố trí từ ngân sách (các cơ sở Y tế hiện vẫn đang tự bố trí từ các nguồn tự có), đồng thời chưa có hướng dẫn pháp luật về cơ chế thuê, mua phần mềm ..vv, do vậy các cơ sở Y tế khá lúng túng khi triển khai. Đối với KCB từ xa: Kết quả triển khai còn hạn chế do đầu tư hạ tầng, thiết bị đầu- cuối tốn kém, song chưa có cơ cấu giá đối với hoạt động này.

Để thực hiện tốt việc chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế trong thời gian tới, Sở Y tế tiếp tục đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp như sau: Phối hợp với các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu trong Đề án triển khai tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Y tế giai đoạn 2019 - 2025 tỉnh Phú Thọ, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chung về chuyển đổi số của tỉnh Phú Thọ và cả nước. Trong đó tập trung bám sát các Chương trình, Kế hoạch, Đề án, Quyết định của Chính phủ, của tỉnh và ngành Y tế về Chuyển đổi số để tổ chức thực hiện nhiệm vụ; Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh tiếp tục rà soát, đơn giản hóa, công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, thực hiện hiệu quả, nhanh gọn các thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế; thực hiện chất lượng và đúng lộ trình các mục tiêu, chỉ tiêu Đề án 06 của Chính phủ giao cho ngành Y tế thực hiện; Nâng cao chất lượng thực hiện văn bản điện tử và chữ ký số trong hoạt động của toàn ngành; xây dựng các giải pháp nhằm tăng tiến độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến; nâng cao tỷ lệ hồ sơ, thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4; Tiếp tục duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Tiết kiệm các nguồn lực để có kinh phí đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT và mua sắm các trang thiết bị Y tế mới, hiện đại, cấu hình cao, đồng bộ trong kết nối liên thông dữ liệu, hình ảnh ..vv; Tăng cường chỉ đạo các cơ sở Y tế phối hợp với các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian để thực hiện thanh toán giá dịch vụ Y tế và mua sắm tài sản, thiết bị thông qua phương thức không dùng tiền mặt; đẩy mạnh truyền thông, vận động cán bộ và nhân dân hưởng ứng, tạo thói quen thanh toán không dùng tiền mặt; Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI CALLBOT trong hỗ trợ đặt lịch khám, tư vấn, chăm sóc người bệnh sau khám và điều trị tại các cơ sở KCB. Mở rộng triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong hỗ trợ KCB tại 100% cơ sở KCB tuyến tỉnh, huyện trong thời gian tới; Đẩy mạnh làm giàu dữ liệu KCB trong Hồ sơ sức khỏe điện tử; hoàn chỉnh, nâng cao chất lượng Bệnh án điện tử; Kiên trì thực hiện hiệu quả các mục tiêu trong Đề án khám chữa bệnh từ xa của Bộ Y tế, từng bước mở rộng đối tượng, phạm vi triển khai của Đề án (có thể mở rộng đến tận tuyến xã nếu điều kiện cho phép).

V.A

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG...

(Tiếp theo trang 63)

Đặc biệt, để đạt được mục tiêu phát triển chè an toàn, bền vững, ổn định diện tích trồng chè kiểm soát được chất lượng vật tư đầu vào như giống, phân bón và đặc biệt là thuốc bảo vệ thực vật; 100% số cơ sở sản xuất chè được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định; các cơ quan quản lý, cơ quan chuyên môn cần thực hiện tốt công tác quản lý diện tích chè nguyên liệu, đảm bảo diện tích chè hiện có; Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, các cơ sở về phát triển sản xuất chè an toàn; kết hợp chuyển đổi giống mới, thâm canh, nâng cao chất lượng chè.

Cùng với đó, trên cơ sở phân tích, đánh giá xu hướng thị trường, có giải pháp khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu chè Việt, chè Phú Thọ trên thị trường quốc tế để nâng cao giá trị, thu nhập cho người sản xuất, kinh doanh chè. Các địa phương trồng chè cần xây dựng đề án phát triển vùng sản xuất chè an toàn; triển khai các dự án khoa học - công nghệ, khuyến nông phục vụ sản xuất, chế biến chè an toàn. Khi các giải pháp được thực hiện một cách đồng bộ, bài bản và ý thức của người làm chè được nâng cao từ đó sẽ nâng tầm và phát triển bền vững nhãn hiệu chè Việt nói chung và Chè Phú Thọ nói riêng xứng đáng với giá trị và tiềm năng của nó.

N.T.H.L

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG...

(Tiếp theo trang 50)

dạng hóa các hình thức hỗ trợ SV NCKH như: hướng dẫn truy cập thông tin, các hội thi nghề nghiệp, thành lập các nhóm học thuật, câu lạc bộ NCKH).

4.3. Tăng cường kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học

- Nhà trường cần xem xét nâng cao mức hỗ trợ kinh phí cho hoạt động NCKH.

- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, công ty tài trợ kinh phí cho hoạt động NCKH gắng với thực tiễn tại doanh nghiệp.

- Tăng cường mối quan hệ, nắm bắt nhu cầu của các địa phương để vận động, khai thác nguồn kinh phí phục vụ cho NCKH.

- Củng cố và mở rộng hợp tác quốc gia/quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu để có dự án hợp tác nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu.

5. Kết luận

Nghiên cứu khoa học là hoạt động mang tính đặc thù, phức tạp, có nhiều khó khăn và thách thức, đòi hỏi trình độ tư duy khoa học và sáng tạo cao. Trường đại học là tổ chức khoa học công nghệ có đóng góp lớn trong hoạt động NCKH ở Việt Nam. Tuy nhiên, chất lượng hoạt động NCKH trong các trường đại học còn một số tồn tại và hạn chế. Để nâng cao chất lượng hoạt động NCKH trong các trường đại học cần thực hiện một số biện pháp như (1) Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động NCKH, (2) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ NCKH, (3) Tăng cường kinh phí cho hoạt động NCKH.

H.L